

KINH A NAN VẤN PHẬT SỰ CÁT-HUNG



Chủ Giảng:
HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG
Người dịch: Thích Nhuận Nghi

KINH A NAN VAN PHAT
VIEC CAU-HUNG



(KINH A NAN HỎI PHẬT VIỆC TỐT XẤU)



KINH A-NAN HỎI PHẬT VIỆC CÁT-HUNG

Tên của bộ kinh này có 8 chữ, tôi phân ra làm 5 đoạn để giải thích cho quý vị dễ hiểu.

Thứ nhất “A-nan”. A-nan là tên người, Ngài là em họ của đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Sau khi xuất gia, Ngài được đại chúng cử làm thị giả cho Phật. Ngài cũng là người nổi tiếng nhất về khả năng nghe nhiều, nhớ nhiều trong mười đại đệ tử của Phật.

Thứ hai là vấn (tức là hỏi) Trong kinh giải thích chữ *vấn* này có năm nghĩa, tức là năm cách hỏi pháp:

1. Không hiểu mà hỏi Nghĩa là người hỏi, đối với kinh điển của Phật, về phần “*sự*” và phần “*lý*” họ chưa hiểu rõ ràng, nên muốn gặp các bậc thiện tri thức để thưa hỏi.

2. Nghi ngờ mà hỏi Người hỏi đã có nghe và có học qua giáo pháp của đức Phật, nhưng vì trong tâm họ còn nhiều điều nghi ngờ nên cầu gặp các vị giáo thọ sư, các bậc trưởng lão để thưa hỏi.

3. Muốn thử nghiệm mà hỏi Người hỏi muốn thử nghiệm sự hiểu biết của các bậc trưởng lão, giáo thọ.

4. Tâm không thành khẩn mà hỏi Người hỏi với tâm ngạo mạn coi thường, không phải tâm thiết tha cầu

học, hỏi một cách tùy tiện, không đúng nơi, đúng chỗ.

5. Vì lợi lạc tất cả chúng sanh mà hỏi: Người hỏi tự mình đã thông hiểu giáo pháp, vì thấy trong đại chúng có một số người chưa lãnh hội những lời đức Phật đã chỉ dạy về phần “*sự*” cũng như phần “*lý*” nên vì họ mà đứng ra thưa hỏi. Người thông minh là vậy, vì muốn mọi loài thông đạt giáo pháp của đức Phật, một lòng khiêm hạ, thay mọi loài thiết tha thỉnh cầu giáo pháp của Như Lai, cho nên ở đây nói, vì lợi lạc mà thưa hỏi.

Chữ *hỏi* (vấn) trong đề kinh này rất quan trọng. Tôn giả A-nan với lòng từ bi rộng lớn, mong muốn tất cả chúng sanh đời này, đời sau luôn được hạnh phúc an lạc, nên Ngài đưa ra năm vấn đề trọng yếu để thưa hỏi. Năm vấn đề này rất hợp với những người bước đầu học Phật như chúng ta. Và đức Phật từ bi giải bày những nghi vấn, thắc mắc của A-nan. Chúng ta nghe qua những lời thưa hỏi và từng lời giải đáp của đức Phật, nhân đây giúp chúng ta có thể lãnh hội được những lời chỉ dạy của đức Phật mà dẹp trừ những nghi ngờ trong nội tâm, giúp chúng ta thông hiểu giáo pháp và phương thức tu hành, trên tiến trình giải thoát giác ngộ. Tôi đã sơ lược trình bày về ý nghĩa chữ *hỏi* (vấn) trong bốn kinh này là vậy.

Thứ ba “Học Phật”. “Học” là vâng theo “Học Phật” là vâng làm theo những lời chỉ dạy của đức Phật. Phật giáo là giáo dục, không phải tôn giáo. Nếu là tôn giáo, chúng ta có thể học và có thể không học. Chính vì Phật giáo là một nền giáo dục nên mỗi chúng ta cần

phải tiếp nhận học tập. Nếu không hiểu rõ vấn đề này, sẽ tạo thành một sự hiểu lầm nghiêm trọng, làm tổn thất không gì hơn. Tuy rằng trong Phật giáo có nhiều tông phái khác nhau, nhưng cũng đều tu học theo sự giáo dục của Phật Đà⁷.

Thứ tư: “Lành -cát” phạm làm việc gì, cũng được thành tựu như ý, đem đến kết quả như ý muốn, thậm chí còn đưa đến hư hại, tai họa thì gọi là “dữ-hung” hai câu này là nói đến kết quả của việc học Phật là “lành” hay “dữ”. Việc này liên quan đến sự sanh hoạt của chúng ta. Vì vậy mỗi chúng ta cần phải suy nghĩ kỹ vấn đề này.

Thứ năm: “Kinh”: chữ “kinh” là phần “thông đề”. Nghĩa là tên gọi chung cho tất cả các kinh. Nói một cách dễ hiểu *kinh* những lời chỉ dạy của đức Phật đối với các hàng đệ tử, sau đó được ghi chép lại gọi là kinh. Chữ “kinh” hàm nghĩa rất sâu rộng, là chỗ các đức Phật tu tập giác ngộ, và nói ra bằng kinh nghiệm, sở tu, sở chứng của các Ngài. Đồng thời nó cũng là bộ sách giáo khoa khế hợp đối với mọi trình độ căn cơ cho tất cả mọi người. Đó gọi là kinh. Từ xưa đến nay, người ta thường lấy bốn chữ “quán niếp thường pháp” để giải thích chữ kinh. “Quán” là quán xuyên, nghĩa là ý chỉ trong kinh

⁷ Phật Đà: dịch âm của Ấn Độ, gọi tắt là “Phật” chỉ cho bậc đã giác ngộ viên mãn, đầy đủ trí huệ và từ bi. Phật không phải quỷ thần, Phật là người đại trí, đại giác

được kết cấu một cách có tổ chức và hệ thống, liên quan với nhau một cách chặt chẽ, xuyên suốt không lộn xộn, nên gọi là “quán”. Kế đến là chữ “nhiếp”. “Nhiếp” là khả năng tiếp nhận của chúng sanh, giúp cho họ giác ngộ thì gọi là “nhiếp”. Thứ ba là chữ “thường”, nghĩa là chân lý nói ở trong kinh, có tính cách vượt cả thời gian, không gian, không biến đổi. Đó gọi là “thường”. Thứ tư là chữ “pháp”. “Pháp” nghĩa là phép tắc, là nguyên lý, nguyên tắc mà tất cả thánh nhân hay phàm phu đều phải tuân thủ và vận hành theo.

Tôi đã giảng về ý nghĩa của bốn chữ “quán nhiếp thường pháp” xong, đúng như thế mới gọi là “kinh Phật”. “Kinh” là những lời đức Phật nói ra, tất cả đều liên quan đến toàn bộ vũ trụ nhân sinh, được các đệ tử ghi chép lại một cách có hệ thống. Nói một cách dễ hiểu đó là bộ sách giáo khoa giúp cho mọi người thể nhập và thực chứng được chân lý giải thoát giác ngộ.

Tám chữ của đề kinh, tóm lại mà giảng là tôn giả A-nan hỏi đức Phật rằng: “Tại sao có người vâng theo lời dạy của Thế Tôn, nương vào đó mà thực hành thì đạt được mọi việc cát tường như ý, còn có người cũng làm như thế, lại đưa đến chỗ tổn hại, không có kết quả lợi ích gì?”, lý do duyên khởi của bộ kinh này là vậy. Và đức Phật tuần tự giải thích những lời nghi vấn của A-nan. Phần đề kinh tôi trình bày đến đây.

Tiếp theo, tôi sẽ sơ lược trình bày cho quý vị về nội dung của kinh. Nội dung của bản kinh này, đức Phật

nói về đạo lý làm người và phương pháp tu học Phật. Có thể nói đây là một tập tài liệu rất quan trọng, nhằm giúp cho những người sơ cơ bước vào học Phật, nắm vững phương pháp học Phật. Cũng là tập giáo trình sơ cấp dành cho hàng nhân thừa và thiên thừa, cũng chính là nền tảng giáo lý căn bản của Phật giáo Đại thừa. Phật giáo Đại thừa, chúng ta hiểu nó giống như nhà lầu cao tầng, phần giáo trình này, dạy cho chúng sinh ở cõi trời và cõi người giống như tạo nền móng cho nhà lầu cao tầng là vậy. Do đây có thể biết, bộ kinh này, cũng như là môn học dành cho người mới bước vào học Phật, đứng ở một vị trí vô cùng trọng yếu.

Chúng ta học Phật giảng kinh, cũng bắt đầu từ bộ kinh này. Yếu chỉ của bộ kinh này, đức Phật chỉ dạy cho chúng ta hãy nương vào giáo pháp mà tu học, thực hành với lòng tin và tâm thành kính, nhất định sẽ đạt được mọi việc tốt đẹp như ý.

Giáo pháp của đức Phật khuyên dạy chúng ta cần phải tu hành. Tu là sửa, hành là hành vi. Tu hành là tu sửa những hành vi, lời nói, những ý tưởng bất chánh từ nơi tâm ý của chính mình. Ta phải dứt trừ các ý niệm xấu ác, vâng làm các điều lành nhằm đem lại hạnh phúc cho mình và tất cả mọi người. Ta còn phải phát nguyện cứu độ tất cả chúng sanh không mỗi một. Khi làm bất cứ việc gì phải giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý cho thanh tịnh. Chúng ta gieo nhân thiện, nhất định được quả thiện. Vâng theo lời chỉ dạy của Phật mà thực hành

thì nhất định sẽ đạt được những việc tốt đẹp như ý. Ở đây đưa ra hai tiêu chuẩn để chúng ta thấy rõ được vấn đề. Người nào dựa vào giáo pháp của đức Phật, chân thật tu hành gọi là “chân”, còn người nào dựa vào giáo pháp mà cầu lợi ích cho riêng mình gọi là “ngụy” giả dối, sẽ không bao giờ được kết quả tốt đẹp. Tác dụng của bản kinh này, giúp cho chúng ta phát khởi tín tâm và sự nhìn nhận đúng đắn trên tiến trình học Phật, phân biệt được tà chánh và thấu hiểu về đạo lý nhân quả một cách rõ ràng.

Bộ kinh này, tôi phân ra làm bảy đoạn để giới thiệu cho quý vị dễ hiểu.

Đoạn thứ nhất Từ câu “A-nan bạch Phật” đến câu “rộng nghe phụng hành”. Đoạn này nói, có người tin và vâng theo lời Phật dạy mà thực hành, đưa đến kết quả cát tường như ý. Có người cũng tin theo lời Phật dạy mà thực hành, nhưng không đem lại những điều tốt đẹp cát tường như ý. Đức Phật giải thích từng câu hỏi của A-nan. Việc này đối với người học Phật như chúng ta, cần phải quan tâm chú ý.

Đoạn thứ hai Từ câu “A-nan bạch Phật rằng” đến câu “tội sâu như thế”. Đoạn này nói về vấn đề sát sanh và trách nhiệm của tội sát sanh. Việc này, liên quan đến giới luật, cũng là điều cần phải đem ra bàn luận, vì nó liên quan đến những vấn đề trong cuộc sống sinh hoạt của chúng ta. Cuộc sống có tốt đẹp hay không, đều liên quan đến từng cử chỉ hành vi, việc làm của mỗi chúng

ta trong hiện tại nó có thể ảnh hưởng đến kết quả ở tương lai. Cũng thế, do ảnh hưởng những hành vi thiện hay ác trong đời sống quá khứ rồi cuối cùng đưa đến kết quả khổ hoặc vui trong hiện tại. Cho nên nói về giới luật, phạm vi của nó vô cùng rộng lớn. Tôi chỉ đưa ra một vài vấn đề để nói sơ lược. Hy vọng tất cả từ vấn đề này, có thể hiểu rộng ra, nhận thức được tinh thần giới luật và lợi ích của việc trì giới, giúp chúng ta phát khởi ý nguyện tu hành để đem lại hạnh phúc an vui cho mình và người. Đây chính là biết và hành một cách tương ứng.

Đoạn thứ ba: Từ câu “A-nan bạch Phật rằng” đến câu “không thể không thận trọng”. Đoạn này thảo luận vấn đề “giáo” và “học”.

“Giáo học” còn gọi là nền tảng giáo dục, vì nó liên quan đến quá trình sinh hoạt đời sống của con người, đây là một điều vô cùng trọng yếu. Nền giáo dục có thành tựu tốt đẹp hay không, thực tế quyết định ở hai phương diện: Thái độ học tập của học sinh và tư cách giảng dạy của thầy giáo. Thái độ học tập và phương pháp giảng dạy một cách hoàn thiện, thì nhất định sẽ đưa nền giáo dục đến sự thành công tốt đẹp. Đối với nền giáo dục của Phật giáo, các môn học rất quan trọng. Các vị giáo sư, Hòa thượng là những vị thầy khéo dùng những phương tiện, khai thị, chỉ bày cho học sinh, tiếp thu nhanh và thành tựu được trí tuệ một cách rốt ráo viên mãn. Sau đó, học sinh đem năng lực của mình ra để phục vụ, làm lợi ích cho quốc gia xã hội, mang đến hạnh phúc an vui cho toàn thể chúng sanh. Do đó có thể

biết, nền giáo dục của đức Phật là một nền giáo dục vốn có từ xưa và mãi đến nay, luôn là một nền giáo dục vô cùng tốt đẹp và hoàn mỹ.

Đoạn thứ tư Từ câu “A-nan lại bạch Phật rằng” đến câu “có thể gặp Phật và được độ trong đời này”. Đoạn này đặt vấn đề rằng giáo pháp của đức Phật có mặt trên cuộc đời này, có mâu thuẫn và làm trở ngại đời sống sinh hoạt hàng ngày của chúng ta không? Vấn đề này đến hôm nay, có một số vị đã học Phật nhưng chưa thông hiểu rõ ràng, nên tâm vẫn còn hồ nghi. Trong bộ kinh này, đức Phật sẽ giải thích cho chúng ta hiểu được Phật pháp và phương pháp áp dụng lời Phật dạy vào trong đời sống sinh hoạt để đạt được nguồn hạnh phúc an lạc mà không bị trở ngại đau khổ. Phần này giải thích những vấn đề nghi vấn của A-nan, cũng là chủ đề chính của bản kinh này.

Đoạn thứ năm: Từ câu “A-nan nghe Phật nói” đến câu “chưa vào Niết bàn”. Đoạn này A-nan tự mình nói lên sự lợi ích của việc nghe và tu học Phật pháp.

Đoạn thứ sáu: Đoạn này, A-nan nói ra hai mươi sáu bài thi kệ. Thi kệ là dùng để ca ngâm hoặc tán tụng. Có rất nhiều thể loại. Thường thường một đoạn như vậy có 4 câu. Riêng những bài thi kệ trong đây thuộc thể ngũ ngôn. A-nan với tâm đắc của mình, làm những bài thi kệ để ca ngợi tán thán đức Phật và phát nguyện hồng dương giáo pháp, hóa độ chúng sanh. Bởi vì A-nan thực hành theo lời Phật dạy, nên đem lại sự an vui hạnh phúc

thành tựu được công đức vô cùng thù thắng cho chính tự thân. Nên ơn của Phật đối với A-nan rất lớn. Như vậy, chúng ta phát nguyện học theo hạnh A-nan mới không cô phụ những lời của đức Phật và các bậc thiện tri thức đã khổ công chỉ dạy.

Đoan sau cùng “đại chúng nghe pháp tin hiểu” và câu “thọ trì lễ tạ”.

Tôi đã trình bày sơ lược về đề kinh và nội dung của bộ kinh này rồi. Tiếp theo là phần giới thiệu về người phiên dịch bộ kinh này từ Phạn văn ra Hán văn.

GIẢNG “Hậu Hán” chỉ cho triều đại nhà Hán. “Niên đại” là năm phiên dịch bộ kinh này. “An Thế Cao” là tên người phiên dịch từ Phạn văn ra Hán văn. Ngài là người nước An Tức, còn gọi là Ba Tư, tức nước Iran bây giờ. Ngài tên Thanh, tự An Thế Cao là thái tử con vua nước An Tức thời đó. Lúc thiếu thời căn tánh thông minh hiểu học, tính tình hiền hòa nhu thuận, khi trưởng thành trí tuệ cũng như tài năng của Ngài ít ai sánh kịp. Sau khi phụ vương qua đời, Ngài kế vị ngôi vua, lên ngôi chưa trọn năm, nhường ngai vàng lại cho người chú ruột của mình, sau đó xuống tóc xuất gia đầu Phật. Sau khi đắc đạo, Ngài du hóa đến Trung Quốc để truyền đạo. Theo lịch sử, Ngài là một vị đại sư nổi tiếng và có duyên với Trung Quốc thời bấy giờ. Khi đến Trung Quốc, việc hoằng pháp của Ngài, đầu tiên là chuyển dịch kinh điển từ Phạn văn qua Hán văn. Ngài cũng là người đầu tiên làm công tác này, khi Phật giáo mới du nhập vào Trung

Quốc. Vào năm thứ ba niên hiệu Kiến Ninh, thời Hậu Hán, đời vua Hán Linh Đế (năm 197 trước công nguyên) Ngài đến kinh đô Lạc Dương, được triều đình đón tiếp rất chu đáo và thỉnh Ngài ở lại đây. Ngài liên tục làm công tác phiên dịch suốt 20 năm, tổng số kinh sách Ngài chuyển ngữ từ Phạn văn ra Hán văn là 219 bộ các loại và còn rất nhiều bộ kinh khác. Vào năm thứ tư niên hiệu Kiến Ninh, đời Hán Linh Đế (năm 170 trước công nguyên), Ngài dừng công tác phiên dịch, đến truyền đạo ở huyện Dự Chương, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. Lúc bấy giờ, Ngài là người đầu tiên mang Phật giáo đến và xây dựng chùa chiền ở nơi đây. Sử sách ghi lại về truyện ký của Ngài rất nhiều. Các vị tham khảo và tìm hiểu thêm trong *Cao Tăng Truyện*.

Hai chữ “sa môn” là tiếng Ấn Độ, cũng là tên gọi chung cho người xuất gia ở Ấn Độ thời xưa. Còn có nghĩa là “cảm tử”, tức là siêng năng tu giới, định, tuệ, phá trừ tham, sân, si, đó mới đúng với danh hiệu là “sa môn”.

Kinh văn: A-nan bạch Phật: “Có người học Phật, đem lại phước báu an lạc. Có người học Phật lại bị hao tổn, không đem lại kết quả tốt đẹp. Tại vì sao cũng đồng học Phật, kết quả lại khác nhau? Cúi mong Thế Tôn thương xót chúng con mà giải nói”.

GIẢNG Đoạn kinh này là lời thưa hỏi của A-nan, Ngài thắc mắc hai vấn đề:

Thứ nhất, có người học Phật thì đem lại phước báu an lạc, mọi việc đều được thành tựu, toại nguyện như ý.

Thứ hai, cũng có người học Phật, nhưng không được kết quả như trên, lại còn hao tổn về tài sản, địa vị và tất cả mọi việc không được toại nguyện như ý. Tại sao cùng học Phật mà kết quả lại khác nhau? Cúi mong Thế Tôn từ bi thương xót chúng con, mà giảng nói đạo lý này cho chúng con rõ.

Đức Phật nói có ba nguyên nhân sau:

Thứ nhất: Học Phật mà được phước báu.

Thứ hai: Học Phật không được kết quả tốt đẹp.

Thứ ba: Học Phật cần nên phá trừ mê tín, chấp trước

Kinh văn Phật bảo A-nan: “Có người tôn kính vâng lời Phật dạy, gặp được minh sư, truyền trao giới pháp, lòng tin luôn chuyên nhất, tinh tấn phụng hành, nghiêm trì giới luật, dung mạo tươi sáng, sớm tối siêng năng đốt đèn cúng Phật, cung kính lễ bái cúng dường, bố thí an vui, không trái phạm cấm giới, trai giới luôn thanh tịnh, lòng vui vẻ, thường được chư thiên, thiện thần phò trì ủng hộ, mong muốn điều gì đều được tốt đẹp, hộ pháp thiện thân, trời người cung kính, sau tất đắc đạo. Thiện nam tín nữ như thế là đệ tử chơn chánh của Phật”.

Giảng Đoạn kinh này, đức Phật giải thích câu hỏi của A-nan, nguyên do vì sao học Phật mà đem lại quả báo lành. Câu này phân ra làm ba điểm để thảo luận.

Thứ nhất: Người học Phật biết vâng lời thầy. Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: “*Thiện nam tử muốn thành tựu*

được Nhất thiết trí, nhất định phải tìm cầu bậc chân thiện tri thức, không ngại khó khăn, không buông lung giải đãi, không kiêu ngạo tự mãn; luôn có tâm tùy thuận, không nhìn ngó lỗi người. Lúc Thiện Tài đồng tử tìm cầu bậc thiện tri thức để học hỏi, tâm luôn vâng lời và cung kính bậc thiện tri thức, như người cha người mẹ hiền, khi được nghe pháp lòng vui mừng khôn xiết.”

Do đây có thể biết, dù là người thế gian hay xuất thế gian. Việc tìm thầy cầu học, điều trước tiên, người học phải có tâm kính trọng thầy giáo. Có tâm kính trọng thầy giáo thì sự nghiệp học tập mới thành tựu. Nếu được như thế thì nhất định sẽ sản sinh ra rất nhiều nhân tài, phục vụ cho quốc gia Xã hội đem đến cho toàn thể nhân loại một cuộc sống hòa bình và an lạc.

“*Gặp được minh sư, truyền thọ giới pháp*”. Ngài Âu Dương Cảnh Vô nói rằng: “Thầy nghĩa là lấy trí tuệ làm thể”, không lấy sự thành tựu hoặc nghi thức làm thể. Kinh Pháp Hoa⁸ nói : “Chư Phật Thế Tôn vì một đại sự

⁸ *Kinh Pháp Hoa còn gọi là “Diệu Pháp Liên Hoa kinh”. Thường là 7 hoặc 8 quyển, gồm 28 phẩm. Ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm 406, đời Hậu Tấn. Đây là một quyển kinh lớn, quan trọng đối với giáo pháp Đại thừa. Điểm quan trọng của bộ kinh này là ba thừa đồng quy về nhất thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ tát thừa đồng quy về Phật thừa, tất cả chúng sanh đều thành Phật. Ngài Trúc Pháp Hộ đời hậu Hán dịch ra 10 quyển 27 phẩm.*

nhân duyên mà thị hiện ở đời, mục đích là khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật.” Trong kinh Niết - bàn⁹, luận Du Già¹⁰ không bộ nào mà không chú trọng đến tri kiến. Chỉ có tri kiến mới làm thầy của trời người. Thầy của trời người là căn bản duy nhất của Phật giáo.

“Minh Sư” là chỉ vị thầy có sự chứng ngộ, thông đạt Phật pháp và thế gian pháp một cách viên mãn, vô ngại. Nghĩa là vị thầy đó thành tựu trọn vẹn hai mặt “đạo đức và trí tuệ”. Phật dạy chúng ta, muốn học Phật có kết quả, phải tìm cầu minh sư. Tuy vậy, đôi khi chúng ta gặp minh sư nhưng không học được điều gì ở nơi các Ngài. Nếu không có nhân duyên phúc đức nhiều đời, dù

⁹ Niết- bàn còn gọi là Đại Bát Niết Bàn kinh, được nhiều người dịch. Riêng về đời Bắc Lương năm 844 có ngài Đàm Vô Sấm dịch từ Phạn văn ra Hán văn tổng cộng 40 quyển. Đây là bộ kinh lớn của đại thừa. Tông chỉ của bộ kinh này nói Phật và chúng sanh đều có thể tánh bằng nhau không sai khác

¹⁰ Du-già: Tiếng Phạn “Yoga”. Còn gọi Du Già. Dịch nghĩa là tương ứng. Đây là phương pháp quán tập trung và điều hòa hơi thở, tập trung ý niệm vào một điểm, lấy việc tu chỉ quán (xa ma tha và tỳ bát xá na) làm gốc nhằm đạt tới sự nhất trí, tương ứng, hài hòa bản thân mình với vạn vật vũ trụ để về với đức Phật Như Lai. Đây là pháp quán thiền định kiên cố, làm sao cho ý chí và tinh thần mình phối hợp một cách tương ứng, hài hòa với chư Phật và Bồ tát ở các cõi, còn gọi là Du-già-sư. Y báo cảnh giới để thực hành gọi là Du-già sư-địa.

gặp nhưng khó cầu học được. Nếu không tìm cầu được bậc minh sư, cũng nên cầu một vị chánh tri chánh kiến có kiến thức, học rộng nghe nhiều mà theo học.

Kinh nói rằng: “Y pháp bất y nhơn”, nghĩa là nương vào giáo pháp của Phật mà tu học, không nương cầu ở người. Trong kinh Niết- bàn có kể câu chuyện một La sát ở núi Tuyết Sơn, nghe nửa bài kệ liền giác ngộ. Vị thầy sáng suốt, thông đạt Phật pháp và pháp thế gian mới hướng dẫn chúng ta đi đúng đường. Còn không thì chúng ta tu học dễ sai đường lạc lối. Với những người mới bước vào học Phật, nếu không gặp được bậc minh sư hướng dẫn, họ dễ rơi lạc vào những đường tà kiến sai lạc. Khi những điều này ăn sâu vào tâm ban đầu của họ thì sau này khó có thể buông bỏ được, dù họ có gặp được bậc chân thiện tri thức cũng không dễ dàng xoá hết những thành kiến và thay đổi cách nhìn nhận. Cho nên đối với người sơ phát tâm học Phật, việc lớn trước tiên phải thận trọng chọn thầy và tìm cầu bậc thiện tri thức.

“Thọ giới”: là tiếp nhận, là vâng theo sự chỉ dạy của thầy giáo. Hàm nghĩa chữ “giới” là học vấn, dung hòa giữa thân và tâm trong đời sống sinh hoạt. Học vấn tức sinh hoạt, sinh hoạt tức học vấn. Hiểu và hành, tu và học, lý và sự phải viên dung.

Tóm lại, ý câu kinh này nói, chúng ta muốn học Phật, phải tìm một vị thầy giỏi, thông đạt về Phật pháp về phần *sự* và phần *lý*, cũng như thành tựu về *đạo đức*

và *trí tuệ* để hướng dẫn, chúng ta cần nương vào đó mà phát khởi niềm tin để tu tập. Theo theo là câu

“Lòng tin chuyên nhất, tinh tấn phụng hành, không hủy phạm giới luật”

Giảng: Ba câu kinh này, nói về việc thờ thầy. Người xưa nói rằng: “Ở trong số quần thần của nhà vua, phải chọn một vị để làm quân sư cho mình”. Sách Lễ ký nói rằng: “Khi quần thần lạy thiên tử thì xoay mặt về hướng Bắc. Nhưng thiên tử vào trường học, trước khi học phải xoay mặt về hướng Nam, để lạy các bậc Thánh và thầy giáo”.

Đạo thờ thầy, đòi hỏi người học trò phải hết lòng cung kính. Tâm phải luôn thành thật. Khi lỗi lầm phải thành tâm sám hối, quyết lòng cải đổi, hết mình chăm lo cho thầy. Người xưa học đạo và tinh thần thờ thầy rất cao, người học đạo trước phải học tâm cung kính thầy giáo, đó là điều trọng yếu thứ nhất. Nếu thầy lỡ mất, người học trò phải để tang thầy ba năm. Tinh thần tôn sư trọng đạo là vậy, vì đây chính là nhân đạo, vì nhân đạo chính là sư đạo, cũng chính là Phật đạo. Đạo lý tôn kính thầy ở trong các kinh đều nói đến. Vì đây là con đường đầu tiên bước vào tu tập giải thoát giác ngộ của người học trò để thành tựu được đạo đức trí tuệ. Người có tâm cung kính, có lòng tin chuyên nhất thì không gây tạo tội ác. Nhất tâm không chướng ngại, còn gọi là tâm chuyên nhất. Không làm trái lời dạy, gọi là không phạm. Đây chính là phương pháp đầu tiên bước vào tu

học giải thoát. Cư sĩ Dương Đại Viên nói rằng: “Phật giáo dạy người học trước phải cầu căn bản trí, tức là vô tướng vô phân biệt, kế đến cầu hậu đắc trí, tức là phân biệt được tất cả các pháp”. Ngày xưa phương pháp giáo dục ở các trường dạy học tại Trung Quốc, đầu tiên là dạy trẻ nhỏ đọc bài trước, rồi học thuộc lòng từng câu từng chữ. Sau đó thầy giáo mới giảng giải. Khi giảng giải như thế thì tự nhiên học sinh tiếp nhận và hiểu một cách thấu đáo. Đây chính là tính nhất quán của tư tưởng văn hóa Á Đông. Học Phật cũng thế, điều trước tiên, người Phật tử chúng ta nên đọc tụng kinh, luận cho thuộc lòng, không tìm câu kiến giải, đây tức là đi vào căn bản trí¹¹, khi thuần thục thì tự nhiên phát sanh thiện xảo. Do quá trình nghe, học, tư duy mà thành tựu trí tuệ,

¹¹ *Căn bản trí*: còn gọi là căn bản và phân biệt trí, như lý trí, thật trí, chân trí. Cũng còn có tên “vô phân biệt trí” ngược với hậu đắc trí, nó là cội gốc của tất cả trí vì nó có thể kế hợp và chứng được diệu lý chân như, bình đẳng như thật, không có sai khác. Cho nên gọi là vô phân biệt trí. Theo như luận nhiếp đại thừa ở quyển thứ 8 gọi trí này là Huệ của sự tu chứng, vì trí này xa lìa các loại hành giải suy cầu khảo sát. Dụng của trí không phân biệt, nhưng trí này nó hiện hữu toả sáng như ngọn đèn chiếu soi pháp thể kế hợp với chân lý, cho nên gọi là trí huệ của tu chứng.

đây gọi là hậu đắc trí¹². Cho nên giữa hai nền văn hóa Đông phương và Tây phương có sự khác nhau. Ở Đông phương, sự giáo dục không vội vàng đi tìm lý giải trước, chủ yếu là bồi dưỡng “căn bản trí”, sau mới phát triển “hậu đắc trí”. Còn giáo dục ở Tây phương, người học lúc ban đầu đi tìm lý giải trước, cho nên phá hoại căn bản trí, làm mất đi cái dụng của hậu đắc trí. Đại sư Âu Dương nói rằng: “Những đạo lý thâm sâu trong kinh sách của thánh hiền để lại đến ngày nay, lớp trẻ không hề nghiên cứu, đọc tụng, cho là không phù hợp với thời đại, nên phế bỏ. Đây là một điều rất tiếc, tương lai sẽ dần dần thiêu đốt hạt giống trí tuệ, không còn sinh khí nữa, thật đáng buồn”. Cho nên nói “niềm tin chuyên nhất không hủy phạm” là tiếp nhận phương pháp giáo dục bất nhị môn⁷ của nền giáo dục Phật đà.

¹² *-Hậu Đắc Trí:* Còn gọi là vô phân biệt hậu đắc trí, hậu vô phân biệt trí. Trí này được căn bản trí hướng dẫn, có thể hiểu được các cảnh bên ngoài như huyễn. Ngoài ra, hậu đắc trí còn có tên như lượng trí, quyền trí, tục trí. Trí này nương vào cảnh bên ngoài mà phân biệt (sở biệt) tự hiểu các cảnh bên ngoài (năng phân biệt).

⁷ *Pháp môn bất nhị:* Là lý nhất thật, như như bình đẳng, không có sự khác biệt giữa cái này với cái kia. Đó gọi là bất nhị. Bồ- tát ngộ nhập lý nhất thực bình đẳng, đó gọi là nhập bất nhị pháp môn. Lý bất nhị pháp môn là con đường của đạo Phật và các Thánh từ đây tiến vào gọi là Môn.

“Tinh tấn phụng hành” nghĩa là tâm tinh thuần chuyên nhất, “ngày mới, ngày mới, ngày một mới”. Mỗi chúng ta dũng mãnh hướng lên phía trước, ngày ngày cầu tiến, không thối chuyển, siêng năng tìm cầu kinh điển tài liệu Phật pháp để học hỏi. Vì kinh điển Phật pháp có tính chất vượt thời gian, không gian, là những nguyên lý, nguyên tắc thường hằng bất biến. Ngay điểm này chúng ta có thể thấy được bằng chứng xác thực. Lịch sử nhân loại trải qua những biến đổi thăng trầm, nhưng đối với chân lý mà Phật nói trong kinh không bị thời gian làm thay đổi. Các sách vở cũng như các tư tưởng khác, sự trình bày và giải thích đều mang tính cách thời đại, mỗi thời đại mỗi khác, nhu cầu con người cũng khác. Nhưng tác dụng của kinh điển của đức Phật luôn khế hợp với mọi thời đại và đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh trong mọi thời mọi lúc. Đây chính là “căn bản trí” không bị biến đổi và sử dụng “hậu đắc trí” để tùy duyên hoá độ chúng sanh, làm cho tất cả đều được an vui tự tại. Đây chính là “tinh tấn” ngày mới, ngày mới, ngày một mới. Do vậy chúng ta thấy rằng, việc đọc sách, bảo quản sách, chính là không làm cho sách chết. Mỗi khi đọc, học đều áp dụng vào thực tế cuộc sống nhằm đem lại lợi ích cho mọi người. Cho nên nền giáo dục của Phật giáo “ngày mới, ngày mới, càng tinh tấn”, vĩnh viễn không dừng lại ở mọi thời đại và không bị lạc hậu hay bị phế bỏ. Siêng năng tinh tấn vâng theo lời chỉ dạy của thầy thì tự nhiên đối với con đường học vấn, càng ngày càng tiến bộ không bị thối thất.

Kính văn Thân thể sạch sẽ, sáng tối siêng năng lễ bái, hình tượng chư Phật và Bồ-tát. Cung kính đốt đèn cúng dường Phật, thực hành hạnh bố thí thì luôn được an vui. Không làm trái với đạo, trai giới hằng thanh tịnh, trong tâm thường hoan hỷ.

Giảng Đoạn này nói việc “tu học”. Học mà thường thường thực tập những điều đã học đó, chẳng lẽ không vui sao?”

“Thân thể sạch sẽ”. Câu này chỉ cho tâm thành kính tu tập, lễ bái hình tượng Phật và Bồ tát. Lễ bái cúng dường không phải là mê tín. Hình tượng Phật, Bồ tát là những biểu tượng làm bằng các chất liệu gỗ, đá v.v... và sự lễ lạy ở đây biểu hiện nét văn hóa rất cao của nền giáo dục Phật pháp. Nói đến Phật, Bồ tát thì không thể kể hết, các Ngài cũng không phải là những vị thần quyền năng ban ơn giáng họa, các Ngài chính là đại diện cho đức năng vô tận sẵn có trong tự tánh của mỗi chúng ta. Tượng Phật, danh hiệu Phật là biểu tượng cho tánh đức. Tượng Bồ tát, danh hiệu Bồ tát là biểu thị cho quả đức. Ý nghĩa lễ kính Phật và Bồ tát là kính trọng hai đức tính đó. Mỗi chúng ta phải học đức tự trọng, từ ái, trang nghiêm, cung kính và dũng mãnh. Giống như tên “Thích -ca Mâu -ni”. “Thích -ca” nghĩa là “năng nhân” biểu thị cho đức tính nhân từ, “Mâu -ni” nghĩa là “tịch mặc”, biểu thị cho đức tánh thanh tịnh vắng lặng.

Địa Tạng Bồ tát. “Địa” nghĩa là đại địa rộng lớn, hàm chứa rất nhiều khoáng sản tài nguyên, biểu thị

lòng hiếu đạo. Đây là cội gốc của sự tu tập. Đối với việc tu tập, đầu tiên là phải có đức tánh hiếu thuận.

Bồ tát Văn Thù biểu thị cho trí tuệ. Bồ tát Quán Âm biểu thị cho lòng đại bi, nhà Nho gọi là “lòng nhân”. Bồ tát Di Lặc biểu thị lòng đại từ, nhân nhục, khoan dung. Bồ tát Phổ Hiền biểu thị cho tánh đức rộng lớn... Tất cả những hình tượng như thế trong Phật pháp rất nhiều rất nhiều, không thể nói hết. Giáo dục của Phật pháp qua hình tượng Phật và Bồ tát, giúp cho người học thấy được hình ảnh, nghe được danh danh hiệu, liền phát khởi tín tâm tu tập, chí hướng thượng mạnh mẽ. Thấy chân dung các bậc Thánh, phải quyết tâm làm giống như các Ngài, lấy hình tượng của các Ngài làm điển hình để xây dựng phẩm cách chân thiện mỹ cao đẹp ở nơi chính mình, như thế sao gọi là mê tín? Hơn nữa, đức Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni là vị thầy mô phạm đầy đủ đức hạnh và trí tuệ, các bậc Bồ- tát là những người đến trường học đầu tiên. Cúng dường hình tượng, chính là dạy người tu học phải có tâm chân thật và lòng tôn kính. Phương cách giáo dục của Phật giáo là giúp mọi người quay lại cội gốc lúc ban đầu của chính mình, biết cung kính bậc Thánh hiền, bậc thiện tri thức. Người nào có tâm hạnh như thế, nhất định họ sẽ hướng đến việc thiện, tạo phước đức cho xã hội, giúp tất cả mọi người được hạnh phúc an lạc. Đây là vấn đề rất thực tế và đúng nghĩa cúng dường hình tượng trong Phật giáo .

“Sạch sẽ” là nói đến thân tâm luôn sạch sẽ tinh

khiết. Y theo lời Phật dạy, đây chính là biểu hiện sự thành kính nhất.

“Sớm tối lễ bái”. Câu này nói về việc tu tâm. “Sớm tối” là nói đến thời khóa tu tập trong ngày. Người học Phật nhất định phải theo thời khóa công phu. “Lễ bái” là học lễ, học tâm cung kính đối với tất cả mọi người. Khổng Tử nói: “Bất tri lễ vô dĩ lập gia”, nghĩa là không biết lễ, không thể thành tựu được. Ý nói “bậc quân tử lấy nghĩa làm gốc để hành sự”, hướng nữa nói đến phương cách lễ bái tượng Phật. Lễ bái tượng Phật và Bồ- tát là thực hành nguyên lý thiên định còn gọi là động tịnh vô ngại. Đạo lý mà chúng ta đang thực hành là phương pháp động tịnh không hai. Nói đúng hơn đây là một phương pháp dưỡng sinh rất tốt, giúp chúng ta vận động cơ thể, đem lại sức khỏe tốt nhất. Sáng sớm ngủ dậy lạy một trăm lạy còn hơn chúng ta đi tản bộ rất nhiều. Khi kính lạy như thế, trong sự vi diệu của Phật pháp biết đâu có vài người đắc đạo.

“Đốt đèn” chính là tu tâm. “Đèn” biểu tượng cho ánh sáng quang minh, là năng lực trí tuệ và cũng tượng trưng cho lòng chân thành, từ bi và trí tuệ vốn đầy đủ nơi mỗi chúng ta.

“Cung kính đốt đèn” là chúng ta phải cung kính và đốt lên ngọn đèn trí tuệ nơi chính mình. Tỏa ánh sáng khắp muôn nơi. Do vậy, khi đốt đèn chúng ta phải hết sức thành kính, đốt lên ngọn lửa trí tuệ nơi chính mình. Đốt lên ngọn lửa tinh tấn làm phát ra ánh sáng chiếu

diệu vô cùng vô tận, để cứu giúp muôn loài chúng sanh. Hai câu này giống câu nói của Khổng Tử “ham học là gần trí tuệ”, Ngài rất chú trọng đến việc học.

“Bố thí thì được an vui, không trái đạo cấm”. Hai câu này chỉ cho việc tu hành. “Tu” là sửa, “hành” là hành vi. Tóm lại, tu hành chính là tu sửa hành vi bất thiện nơi chính mình. Tâm của phàm phu luôn bị ba độc tham sân si làm chướng ngại, che mờ chân tâm không hiển lộ trí tuệ sáng được. Nghiệp là do “thân khẩu ý” tạo ra. Nguyên nhân là do tham đắm vào sắc tài, với lòng tham cầu không biết đủ, rồi gây tạo ra vô số nghiệp ác, tự mình mở cửa địa ngục đi vào ba đường ác thật là đáng thương.

Phật dạy chúng phát triển và thành tựu trên con đường tu học là phá mê, khai ngộ, lìa khổ được vui. Đó là thực hành hạnh “tịnh thí”. “Tịnh” là thanh tịnh, “thí” tức là bố thí, là buông xuống. Tịnh thí giúp cho thân tâm của chúng ta được thanh tịnh an lạc. Thực hành hạnh này, đòi hỏi chúng ta phải có tâm khiêm hạ và cung kính. Phật giáo Đại thừa gọi là: lìa tướng bố thí, nghĩa là thi ân mà không mong cầu báo đáp, thí xả một cách vô điều kiện. Công đức của “tịnh thí” giúp chúng ta phá trừ tâm tham sân si. Dứt bỏ các việc ác, đem lại an vui và hạnh phúc cho tất cả mọi người, đồng thời giúp chúng ta thực tập hạnh buông bỏ, phá trừ si mê chấp trước, sự lý viên dung, thân tâm an lạc, tự tại giải thoát. Do đây nên biết “tịnh thí” là chánh nhân của việc tu hành.

Muốn được an vui tự tại. Chúng ta phải có tâm chân thật, thành khẩn, tu sửa những hành vi bất thiện của chúng ta, từ đây mới có được kết quả như đã mong muốn.

“Không trái với đạo cấm”. Chữ “đạo” là nói về phần lý. Chữ “cấm” là nói về phần sự. Ý nghĩa câu này, khuyên nhắc chúng ta, luôn luôn hướng tâm đến việc tu học y theo giáo pháp của đức Phật đã truyền dạy. Dù hoàn cảnh thế nào, chúng ta cũng không dám trái phạm. Khi đối nhân xử thế không được làm những điều trái với cấm giới của Phật đã chế như: năm giới, thập thiện giới... Muốn làm người tốt, khi hành xử một điều gì, đều phải nương vào đạo lý để hành xử. Hai câu kinh này giống câu “lực hành cận hồ nhân”, nghĩa là ra sức làm việc thiện là gần với điều nhân mà Khổng Tử đã nói. Ngài chú trọng đến việc thực hành.

“Trai giới không chán”. Câu này chỉ về công phu tu tập. Tâm thanh tịnh gọi là “traí”. Đức Phật dạy chúng ta, mục đích của việc tu học cốt làm cho sáu căn thanh tịnh, không nhiễm một chút dơ cấu nào, “tâm hằng thanh tịnh”. Tâm thanh tịnh thì đầy đủ vô lượng phước huệ. Sở dĩ tâm chúng ta không được thanh tịnh, nguyên nhân là do quá nhiều tập khí vọng tưởng chấp trước, nên không thể tiến đạo và chứng đắc được. Đây là một điều làm cho chúng ta thật đáng hổ thẹn và tủi nhục đối với các bậc tiền bối.

Phật dạy chúng ta cần phải học “giới”. Ý nghĩa của “giới” là ngăn lại, dừng lại; dừng lại tất cả vọng

niệm những tập khí tham sân si v.v... ,trở về với bản tâm thanh tịnh sẵn có nơi mỗi chúng ta. Hai chữ “traị giới” chính là “sám hối nghiệp chướng”, là pháp môn tu tập thù thắng và hiệu lực nhất giúp chúng ta “hàng phục được những vọng tâm của mình”. Nghiệp chướng dứt trừ thì tâm thanh tịnh, bình đẳng, từ bi trí huệ hiển lộ. Lúc đó gọi là thành Phật. Do vậy pháp tu “traị giới” không thể tính đếm thời gian, phải luôn chuyên nhất liên tục không mỗi mệ, không chán bỏ công phu tu tập, như vậy mới thành tựu viên mãn được. “Không chán bỏ” còn có ý nghĩa “không thối chuyển”, không thối chuyển còn gọi là “đại đồng mãnh”, Khổng Tử nói “biết hổ thẹn là gần với đồng mãnh”, chúng ta cần phải thông hiểu vấn đề này cho rõ ràng.

“Trong tâm thường vui vẻ”. Câu này nói công đức viên mãn, pháp hỷ đầy đủ. Ngay đó cảm nhận được nguồn hạnh phúc an lạc chân thật ngay chính mình thì còn gì vui bằng!

Theo đạo lý và phương pháp tu tập như đoạn kinh này đã nói, chúng ta luôn tỉnh giác tu sửa từng hành vi nơi thân tâm của mình, thì nhất định trong cuộc sống sinh hoạt chúng ta sẽ đạt được nhiều điều hạnh phúc, an lạc. Như vậy chúng ta mới cảm nhận được ý nghĩa, giá trị đích thực của cuộc sống.

Đoạn kinh trên thật vô cùng quan trọng, chúng ta cần phải lưu ý.

Kinh văn Thường được chư thiên, thiện thần phò trì ủng hộ, muốn gì được nấy, trăm việc may mắn. Được trời người cung kính, sau sẽ đắc đạo.

Giảng Đoạn kinh này, nói việc tu học đúng như pháp thì sẽ đem lại rất nhiều điều lợi ích. Người đệ tử Phật, tâm phải luôn ưa thích học tập tu học Phật pháp, những người có tâm như vậy thì nhất định được chư thiên, thiện thần ở trong các cõi thường tôn kính và theo gia trì bảo hộ.

“Muốn được gì nấy”. Ở đây nói khi tâm hướng đến điều gì hoặc muốn làm điều gì đều được toại nguyện như ý, không bị chướng ngại, trăm việc đều thành công, càng ngày càng tiến triển.

“Trời người cung kính”. Câu này nói trời người cung kính. Trời chỉ cho tất cả thiên long bát bộ, thiện thần v.v.. đều cung kính. Đồng thời trong hiện tiền được các pháp sư và đại chúng ngưỡng mộ kính trọng.

“Sau sẽ đắc đạo”. Sau được quả báo tốt ráo, viên mãn. “Đắc đạo” chính là thành Phật, cũng có nghĩa là người này đã thành tựu trí tuệ viên mãn và đức năng từ bi.

Kinh văn Thiện nam tử, thiện nữ nhen này chính là đệ tử Phật.

Giảng Câu này, Phật nói giống như ở phần trước. Nếu người nam, người nữ nào mà học Phật, đúng như pháp thì mới chính là đệ tử chân chánh của Phật.

Phần trên đức Phật đã giải thích câu hỏi thứ nhất của A-nan. “Có người học Phật được giàu sang phú quý”. Ở phần trước chúng ta thấy A-nan đưa ra hai vấn đề để hỏi: thứ nhất “học Phật được giàu sang, mọi việc đều được kết quả như ý”; thứ hai, cũng học Phật nhưng đưa đến những kết quả bất như ý, mọi việc đều hư hao, tổn thất. Đồng là học Phật, tại sao quả báo hoàn toàn không giống nhau? Phần trước tôi đã trình bày cho quý vị hiểu về học Phật đem lại kết quả tốt đẹp. Tiếp theo đức Phật nói rõ về nguyên nhân học Phật đưa đến kết quả không tốt đẹp. Phần này, tôi phân ra làm năm đoạn để giải thích, giúp cho quý vị hiểu rõ vấn đề này.

Kinh văn *Có người học Phật không gặp minh sư, không học kinh giáo, coi thường việc thọ giới.*

Giảng Câu thứ nhất. “Có người học Phật không gặp minh sư”. Câu này nói: Nguyên nhân không tốt thứ nhất đối với người học Phật là không gặp được bậc minh sư, nên khi học Phật dễ đưa đến những điều sai lầm không đúng pháp. Kinh Lăng Nghiêm nói rằng: “Tất cả chúng sanh trong thời mạt pháp, do cách Phật quá xa, tà sư nổi lên nói pháp như cát sông Hằng”. Trong thời mạt pháp, ở thế gian nổi lên rất nhiều loại yêu tà, ma quỷ, lộng hành, làm những việc dâm dục, sát sanh, ăn thịt, lừa gạt, dối trá chúng sanh. Tự xưng mình là thiện tri thức, tự nói mình đã chứng đắc quả vị Thánh, rao giảng những tà kiến trái với chánh pháp, mê hoặc điên đảo. Họ vì lợi danh không chịu thức tỉnh, tự đánh mất mình, đi vào con đường tội

lỗi, làm hao tổn của tín thí. Đức Phật xót thương nói rằng: “Sao gọi là tặc nhân? Đó là những kẻ mượn áo của ta, làm bại hoại giáo pháp Như Lai, tạo ra vô số nghiệp, hạng người này không phải là người chân chính xuất gia. Những kẻ này chỉ giả dạng đắp y Tỳ kheo, đi rao giảng nói pháp Tiểu thừa, bác bỏ pháp Đại thừa tạo ra sự nghi ngờ và làm nhiều chuyện mê hoặc vô lượng chúng sanh, khi chết, đọa vào ngục Vô gián muôn đời muôn kiếp không ngày ra khỏi”.

Do đây có thể biết, chúng ta học Phật, nếu không có duyên lành gặp được thầy hiền bạn tốt, thì khó có thể tiến đạo được? Cho nên người sơ cơ học Phật thân cận và cầu tìm bậc thiện tri thức là điều vô cùng trọng yếu.

“Không hiểu kinh giáo”, là nói người này không hiểu được ý nghĩa trong kinh. Ngày nào cũng tụng kinh mà không hiểu được ý nghĩa chân thật ở trong kinh thì cũng đồng như chưa gặp Phật, chưa gặp được giáo pháp của Như lai. Thông hiểu nghĩa kinh giống như người nhận ra đường đi. Thọ nhận giới pháp của Phật, giống như người đang đi trên đường lộ. Đọc tụng kinh sách mà không hiểu yếu chỉ của Phật, cũng giống như người không biết đường, rốt cuộc thử hỏi làm sao mà đi được?

“Coi thường việc thọ giới”. Là nói chung những người xuất gia và tại gia, tuy quy y Tam bảo, lãnh thọ năm giới nhưng chỉ là những hình thức bên ngoài mà thôi. Đối với việc hành trì giới luật sẽ đem lại lợi ích

như thế nào thì hoàn toàn không biết gì cả, thì làm sao công phu tu hành để mong giải thoát được?

Kinh văn Chỉ thọ giới trên hình tướng. Mê mờ không tin, trái phạm giới luật. Chợt tin, chợt không, tâm ý do dự, lòng không cung kính tượng Phật, kinh điển, học kinh không nhớ, lòng nhiều nghi ngờ. Không đốt hương, thấp đèn lễ bái. Sân si, mắng chửi, ác khẩu, chê bai Thánh hiền.

Giảng Đoạn này nói nguyên nhân không được quả báo lành. Nói thọ giới, nhưng chỉ là hình thức bên ngoài. Thực tế đây là một điều thiếu sót rất lớn, không phù hợp. Tại sao lại như thế? Vì họ “mê mờ không tin”. “Mê mờ” nghĩa là hôn mê mờ mịt. Tự mình mê mờ, các bậc thiện trí thức nói mình không chịu nghe, làm sao phát khởi tín tâm được? Chỉ có tín tâm mới thành tựu được công đức và đạo nghiệp. Không có tín tâm, nhất định khi thọ giới sẽ không thành tựu được. Cho nên tư tưởng và hành vi của họ thường “vi phạm giới luật”. Giáo pháp của đạo Phật rộng lớn, thâm sâu. Phật lập bày rất nhiều phương tiện để giáo hóa chúng sanh. Phương tiện thì nhiều, nhưng căn bản để đi đến giải thoát thì không ngoài giới luật và đạo lý nhân quả. Vậy mà hết thấy chúng sanh trong thâm tâm họ vẫn còn “hô nghi do dự”, không chịu tin nhận, không chịu học hỏi thì làm sao hiểu và thâm nhập được. Kinh điển đạo lý không thông, không hiểu rõ ràng, dù có nhiệt tâm tu, tập kết quả cũng uổng công vô ích.

“Tâm không tôn kính tượng Phật, kinh điển”. Đoạn này nói, không có tâm kính trọng kính tượng Thánh hiền. Sở dĩ chúng ta học không nhớ, là do trong tâm không có sự cung kính tượng Phật, kinh sách. Phật là bậc toàn tri toàn giác. Nếu chúng ta không kính trọng, thì cũng như không vâng lời thầy dạy. Đây là biểu hiện thái độ coi thường luân lý đạo đức. Các thời khóa công phu sáng tối, lễ bái, đốt hương, thắp đèn, chúng ta nên duy trì và làm cho đúng pháp. Tuy đó là hình thức, nhưng không thể bỏ qua. Điều quan trọng khi làm việc, dù đó là việc nhỏ nhất, chúng ta cũng phải thành tâm thành ý để làm. Đốt hương thắp đèn là thắp lên ngọn đèn trí tuệ sáng suốt nơi chính mình. Lễ lạy là một pháp tu luyện để lòng mình được khiêm hạ, cung kính tất cả mọi người mọi loài mọi việc.

Mình kính trọng người thì người kính trọng lại, thương yêu người, thì người thương yêu lại. Chúng ta tu học Phật pháp nếu không được như thế, dù chúng ta siêng năng thắp hương, đốt đèn, lễ lạy thì cũng như chưa từng làm những việc như trên. Vì sao vậy? Vì “sự- lý” không thông rõ, cho nên nói “trong tâm thường nghi ngờ”.

Thông thường trong chúng ta ai cũng có một vài tập khí xấu. Nhưng không sửa đổi trừ bỏ ngay từ đầu, dần dần nó sẽ tích tập càng nhiều những tập khí xấu ác biến thành một người sân si, độc ác, khó mà cải đổi hết được. Cho nên các bậc Cổ đức nói: “Dao bén gây thương hại thân thể còn dễ lành, lời nói ác gây hại

người, làm chia rẽ, gây thù hận khó quên”. Vì vậy trong đời sống gặp người hiền đức cũng như người làm việc thiện, ta nên cung kính học hỏi, không nên sanh tâm ganh tỵ đố kỵ. Hơn nữa nhất là chúng ta là đệ tử Phật, tuyệt đối không nên có những hành vi thái độ như thế. Người nào có tâm tánh như vậy thì làm sao tu tập thành tựu kết quả an vui tốt đẹp được chứ?

Kinh văn Sáu ngày trai giới không kiêng cử, tự tay sát sanh. Không kính kinh Phật, thân thể không sạch cầm nắm pháp y hoặc để chỗ dơ. Sống trong gia đình, giường chiếu bất tịnh, hoặc treo trên tường vách, lòng không cung kính, không khác gì sách vở thế gian.

Giảng Đoạn thứ ba này nói nguyên nhân đưa đến quả báo không tốt.

Là đệ tử Phật, điều thiết yếu trên con đường tu học là phải có tâm bình đẳng, thanh tịnh và từ bi. Nếu hoàn cảnh gia đình chưa đủ duyên tu tập thường xuyên, thì trong một tháng dành ra sáu ngày để tu học ăn chay. Những ngày này còn gọi là ngày lục trai: ngày mồng một, mồng tám, mười bốn, mười lăm, hai ba, hai chín. Nếu làm như vậy, có thể giúp cho thân tâm chúng ta được thanh tịnh, sáng suốt và hiền hòa. Chúng ta từ xã hội nông nghiệp rồi tiến lên xã hội công nghiệp, từ thời đại quân chủ tiến đến xã hội dân chủ, ý thức và phương thức sinh hoạt trong mỗi thời đại luôn biến đổi và có sự khác nhau. Đối với việc tu học của chúng ta ít nhất một tuần nên bỏ ra một hai ngày để ăn chay, giúp cho cơ thể

thanh lọc những chất cặn bã và làm cho tâm lý nhẹ nhàng thoải mái, thân thể tráng kiện, trường thọ, tăng trưởng phước huệ. Thật là một điều vô cùng lợi ích và thiết thực.

“Tự tay sát sanh”. Chỉ cho những người trong lòng còn ham thích sự giết chóc. Vì sao họ thích làm những chuyện độc ác như vậy? Vì họ không có trí huệ, không có tâm từ bi, trong tâm lúc nào cũng chứa đựng sân hận phiền não, nên muốn giết hại chúng sanh để thỏa mãn tâm ý của họ. Điều này, đức Phật tuyệt đối cấm chỉ đệ tử không được làm những việc như thế, vì sẽ đem lại quả báo rất nặng. Càng nghiêm trọng hơn là phá mất tâm từ bi, thanh tịnh ở chính mình.

Người học không thể không yêu mến sách vở, thậm chí còn coi sách là quý hơn tất cả. Còn kinh Phật thuộc Pháp bảo. Vì vậy, người đệ tử Phật phải hết lòng cung kính và quý mến còn hơn sinh mạng của mình. Bởi vì kinh Phật là chỗ nương tựa cho tất cả chúng sanh, là chuẩn mực cho chúng sanh tu sửa lầm lỗi, giúp họ khai mở trí tuệ, bước đến con đường giải thoát giác ngộ.

“Không kính kinh Phật”. Người không tôn kính kinh Phật, lại không quý trọng sách vở, cũng đồng như người không học. Đã vậy lại còn đem kinh Phật đặt để bừa bãi, làm cho hư hoại rách nát hoặc để chung với quần áo, những nơi bất tịnh, như trên giường, trên vách... đều không có tâm cung kính kinh sách. Giống như có người khách đến thăm chủ nhà, điều trước tiên

chủ nhà phải có lòng tôn kính khách, hỏi thăm, đón tiếp, mời nước, thỉnh ngồi bằng những cử chỉ lịch sự. Đối với kinh sách cũng thế, chúng ta phải hết lòng kính trọng và bảo quản thật chu đáo, phải có giá, kệ hoặc tủ xếp đặt vào thật ngay ngắn. Vì đây là Pháp bảo, đòi hỏi chúng ta phải cung kính hết lòng. Đã không bảo quản tốt, lại tùy tiện đặt để bừa bãi, coi thường kinh sách, người học Phật nếu có những hành vi và thái độ như thế là không có tâm tôn trọng và thiết tha trong vấn đề học Phật. Như thế thì làm sao tu hành để mong thành tựu quả vị giải thoát giác ngộ được?

Kinh vãn *Như người bị bệnh hồ nghi không tin, mời thầy bùa xin quẻ, giải nói, cúng tế tà thần thì thiện thần xa lánh, không thêm phù hộ. Yêu ma ác quỷ ngày càng nhiều thường vào nhà, khiến hư hao mất mát, mong cầu điều gì thấy đều không được, bởi do mang nghiệp ác từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay. Hiện tại là tội nhân, không phải đệ tử Phật.*

Giảng Đoạn thứ tư này, Phật nói nguyên nhân những người tu học Phật mà không đem lại kết quả tốt đẹp. Luận ngữ nói: “Con người luôn thận trọng về vấn đề chiến tranh và bệnh tật”. Nói về bệnh tật, không một ai trên cõi đời này tránh khỏi. Mục đích của Phật giáo là phá trừ mê tín, khai mở trí tuệ. Khi bị bệnh thì đến bệnh viện để chẩn đoán, hoặc đến các bác sĩ Đông Tây y để chữa trị, giúp cho thân thể nhanh chóng bình phục khoẻ mạnh. Nếu tịnh tâm chí thành trì niệm danh hiệu

Phật, Bồ tát thì sẽ có được năng lực gia trì không thể nghĩ bàn, giúp cho thân tâm nhanh chóng bình phục thanh thoát. Nướng vào lý thậm thâm nhiệm mầu của đạo Phật, có thể giúp cho họ khỏi tật bệnh, đây không phải là vấn đề mê tín. Có người tin lời Phật dạy, đi tin quỷ thần lại mời “thầy bùa bốc quẻ”. Thầy bùa tức là thầy Phù thủy, là người chuyên môn giao tiếp với quỷ thần. Nếu người nam thì chuyên coi bói, xem quẻ cầu cúng, còn người nữ thì lên đồng, lên bóng. Có ai bị bệnh thì đến chữa trị bằng cách bốc xăm đoán quẻ hoặc làm các việc giải yêu, dứt họa v.v... “Giải” là giải oan “yêu ma”, viết thành sớ trình với quỷ thần.

“Cúng tế tà thần” là nói người thế tục hay cầu cúng việc này, hoàn toàn do mong cầu mà cúng tế. Nhưng những loại quỷ thần nơi ấy không nên cúng tế. Khổng Tử nói : “Không phải quỷ mà cúng tế là nịnh”. Ở đây cho chúng ta thấy, các bậc Thánh có cái nhìn giống nhau. Chúng ta là đệ tử Phật, đối với quỷ thần, nên có thái độ cung kính, nhưng phải tránh xa, không nên gần gũi. Đời nhà Thanh có cư sĩ Chu An, khi đi qua nơi nào có thờ thần miếu, ông đều chú nguyện rằng: “Kính nguyện chư thần phát tâm xuất gia tu đạo, đừng ăn uống máu huyết, chuyên tâm niệm Phật A Di Đà, cầu về Tịnh độ, chứng thành Phật quả, độ thoát chúng sanh”. Như thế là giảng pháp cho quỷ thần nghe, công đức rất lớn. Chúng ta học Phật cũng nên làm như vậy để giáo hóa quỷ thần. Mê tín thì luôn gần gũi với tà thần, nên các thiện thần, chư thiên xa lánh, không được sự gia

hộ, do vậy mà không tăng trưởng phước báu. Cho nên người học Phật trước phải dùng trí huệ phân biệt được tà và chánh.

“Yêu ma, ác quỷ ngày càng nhiều, thường vào nhà”. Sách Tả truyện nói: “Người bỏ ngũ thường thì ma mị nhiều”. Ngũ thường gồm có: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Ngũ thường là cội gốc rèn luyện nhân cách làm người. Bỏ những điều đó đi, thì từ việc làm đến ý nghĩ tự nhiên giao cảm với điều tà.

“Khiến hư hao mất mát, mong mỗi điều gì thấy đều không được”, đương nhiên sẽ đưa đến kết quả như thế.

Những người này tại sao không tin lời Phật nói? Vì sao không dựa vào giáo pháp để thực hành? Phật nói: “Do mang những ác nghiệp, từ đời trước đến.” Nghiệp đời trước là những nghiệp xấu ác, do họ gây tạo ở trong quá khứ. Kinh này nói, những người này mới vừa từ trong ác đạo chuyển sinh lên làm người, họ đã mang theo những tập khí, tà kiến còn dư sót lại từ nơi ác đạo đến đây. Người xưa nói: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”. Người có tập khí xấu ác, phải phát tâm cầu thọ giới luật, tinh tấn tu hành hầu mong dứt sạch tập khí xấu ác. Còn người có chủng tử thiện, thì tiếp tục làm cho tăng trưởng. Quả báo khổ hay vui đều liên quan đến việc mê, ngộ của mỗi người, điều này mỗi chúng ta cần phải lưu ý.

“Hiện đời là tội nhân”. Phật nói những người này (chỉ cho cả người tại gia và xuất gia) tuy đã quy y thọ

giới, nhưng do tích tập những chủng tử tà ác quá nhiều, cho nên “hiện đời là tội nhân”. Họ chỉ có danh bề ngoài là người tu học Phật, nhưng thực tế tu không đúng với chánh pháp nên “không phải đệ tử Phật”. Đức Phật không thừa nhận họ là đệ tử của Ngài.

Qua đoạn kinh trên, chúng ta thấy, tất cả những người đó đều không phải là những người chân chánh học Phật. Do đó hiện đời bị quả báo suy hao tài sản, mọi việc không gặp được tốt đẹp, và đời sau quả báo lại càng đáng sợ hơn.

Kinh văn *Chết rơi vào ngục A-tỳ, bị tra khảo đánh đập, do các tội cũ của họ, nên hiện đời bị hao tổn, sau lại thọ tai ương, chết đọa vào ác đạo, chịu sự đau khổ triền miên, đau đớn không nói hết. Người này do làm việc bất thiện, nên chịu ác báo như thế.*

Giải Đoạn kinh này, đức Phật nói người tu học mà không có chánh kiến, chuyên làm những việc mê tín, không đúng chánh pháp, về sau sẽ lãnh thọ những quả báo rất nặng. Đức Phật đã nói những việc này trong các kinh luận rất rõ ràng. Lời đức Phật nói ra đều liên quan đến toàn bộ chân tướng vũ trụ nhân sinh. Chúng ta gieo nhân gì sẽ hưởng quả đó. Vấn đề này, mỗi người chúng ta tự tư duy, suy nghĩ cho tường tận rõ ràng.

Đời nay chúng ta gây tạo nghiệp nhân gì? Đến một lúc nào đó, hội đủ nhân duyên, nhất định quả báo sẽ hiện hành, không một mảy may nào lẫn lộn, xen tạp được.

Như trước đã nói, nếu giả danh là đệ tử Phật, làm những việc mê tín, tà tri, tà kiến, tin theo tà thần, thì Không chỉ hiện đời bị quả báo xấu, mà sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục, đây là điều không thể tránh khỏi. “Hiện đời tự mình bị hao tổn, sau chịu các tai ương, chết bị đọa vào ác đạo, chịu đau khổ liên tục không thể nói hết được”. Mấy câu kinh này hoàn toàn nói về những khổ báo, những tai nạn ở đời hiện tại và đời sau. Nỗi thống khổ ấy không thể nói hết được. Muốn hiểu cội gốc thật của nó là “do chứa việc ác, làm việc bất thiện”, chúng ta đọc qua đoạn kinh văn này rồi, quán xét nghĩa lý, tỉnh giác nơi thân tâm của mình, chớ có làm các điều ác, chứa nhóm điều bất thiện.

Đoạn tiếp theo, đức Phật khai thị cho chúng ta rõ, người học Phật cần phải phá trừ mê tín và chấp trước.

Kinh văn *Người ngu mờ mịt, không biết việc làm đời trước. Nhân duyên nay đã đến, họ bị nhân quả báo ứng, đều do nhân đời trước. Lại nói, họ do học Phật mà bị tổn thất hư hao. Không biết do đời trước không gây tạo nhân lành lại oán trời trách đất, đổ lỗi cho Thánh hiền. Người đời thật si mê, không tỏ rõ việc này.*

Giảng Đoạn này, nói về những người không có trí tuệ, tự mình gây tạo những nhân xấu ác, rồi chiêu cảm những quả đau khổ. Đoạn trên, có 2 câu nói rõ người ngu si không có trí tuệ, không rõ sự lý và chân tướng của vạn pháp, tự mình gây tạo tội lỗi, để khi rước họa vào thân lại than trời oán đất.

Phật pháp phân ra có 5 loại “người ngu” như sau:

- Chìm đắm trong ngũ dục.
- Thị phi điên đảo.
- Thấy ác vui thích, thấy thiện oán ghét.
- Nghe đạo lý không hiểu.
- Mới trong ác đạo ra.

Người như thế thì gọi là “người ngu”. Nói tóm lại là do các tập khí xấu ác chưa dứt trừ, tâm tư còn hôn mê, điên đảo, không có chánh tri, chánh kiến, gọi là “mê mờ”.

“Nhân duyên túc nghiệp đời trước” là nói những người trong đời quá khứ, đã gây tạo các nghiệp xấu ác. Trong Kinh Tạp Bảo Tạng có câu chuyện rằng: “Phật ở tinh xá Kỳ Hoàn. Có các vị Bồ - tát sơ phát tâm, đến chỗ Phật năm vóc lễ sát đất, thỉnh cầu Phật nói pháp. Khi đó ở giữa hội chúng, Phật nói rõ nghiệp nhân của từng vị trong đời trước rằng: “Vào thời Phật Câu Lưu Tôn, các ông xuất gia học đạo, đạo tâm giảm sút, lúc bấy giờ, có một thí chủ tín tâm cúng dường hai vị pháp sư, các ông sinh tâm đố kỵ, đi đến người thí chủ kia, dựng chuyện nói xấu hai vị pháp sư. Khiến cho mọi người đánh mất tín tâm, sinh ra ngạo mạn, đoạn mất căn lành. Do nhân duyên đó, sau khi mạng chung, tất cả các ông rơi vào địa ngục, trải qua trăm ngàn kiếp chịu khổ vô lượng, không thể nói hết. Mãn hạn địa ngục, sinh lại làm người, trong năm trăm đời, luôn làm người điếc, đui mù, ngu si, không có trí tuệ. Thân tướng xấu ác, thô lỗ, hư hèn. Sau khi

nghiệp báo hết, các ông sinh ra lại gặp thời mạt pháp, rất nhiều chướng nạn, lúc đó các ông mới phát tâm niệm Phật, cầu sanh về cõi nước đức Phật A Di Đà.” Các Tỳ kheo đó nghe Phật nói xong gieo mình xuống đất khóc lóc thảm thiết...” Chúng ta đọc qua chuyện này, thấy những người gây tạo các hành vi xấu ác, để rồi tự họ thọ nhận những quả báo thật đáng sợ. Cho nên chúng ta phải thận trọng trong mọi động tác, hành vi, lời nói, trong đối nhân xử thế. Người học Phật chúng ta nhất định phải tin tuyệt đối vào những lời Phật đã giảng nói, không lơ đãng xem thường. Điều quan trọng là phải tin vào luật nhân quả báo ứng ba đời.

Đoạn tiếp theo nói người ngu si không có chánh tri, chánh kiến để nhìn nhận rõ ràng vấn đề. Hai chữ “mê mờ” là nói không phân định được phải trái, tà chánh, không biết thế nào là thiện, thế nào là ác, lợi, hại v.v... Vì sao vậy? Vì họ không chịu phản tỉnh lại hành vi của mình, phải hiểu đó là do các “nhân duyên túc nghiệp xấu ác của mình ở quá khứ còn rơi rớt lại.” Cho nên Phật nói: “Muốn biết nhân đời trước, xem đời này mình thọ quả gì? Muốn biết quả tương lai, xem đời này mình gieo nhân gì?”. Đó là tinh thần “nhân quả báo ứng, vốn có từ xưa đến nay”. Khi rõ đạo lý này rồi, chúng ta cố gắng “học làm người tốt”. Tâm tốt thì thân an, ngủ nghỉ được ngon giấc, không loạn tưởng mộng mị. Người làm việc lành, trời đất đều biết, quý thần cung kính, hiện tiền gặp rất nhiều điều tốt lành. Có người hỏi tôi rằng: “Tại sao hiện tại làm những việc

thiện, nhưng lại gặp toàn chuyện không tốt đẹp?” Nguyên nhân này, họ không hiểu, hiện tại bị hao tổn là do đời trước không tích chứa công đức lành”. Tiếp theo, nói những người học Phật, hoặc làm các việc lành mà gặp những nghịch cảnh chướng duyên, là do đời này chúng ta mới gây tạo phước đức thì làm sao hưởng được quả tốt đẹp được? Cho nên khi làm việc thiện tưởng rằng không công, do không hiểu rõ nhân quả, nên làm được một thời gian, thấy như thế thì sinh ra chán bỏ. Không tích cực tu thiện cải ác lại còn “oán giận, trách trời trách đất, đổ lỗi Thánh hiền, trời cao không mắt, Phật tổ không linh, không gia hộ cho họ, được xứng tâm vừa ý”. Người đời mê hoặc, không rõ được lý này. Đây là những người ở thế gian bị mê mờ điên đảo, không thông đạt đạo lý, nên mới làm những việc trái đạo, thật là đáng thương vậy!

Kinh văn *Người không thông đạt, tâm thường bất an, không có lập trường, tối lui không rõ, làm việc sai trái, không chịu phản tỉnh, cô phụ ân Phật, thấy nghe sai trái, đoạ vào tam đồ, tự mình tạo ra phước họa. Biết nhân duyên của tội, cội gốc từng loại, càng nên thận trọng.*

Giảng Ý của đoạn kinh này, nói về những người không thông đạt sự lý trong kinh cũng như toàn bộ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, tự mình gây tạo nhân ác, rồi tự mình thọ nhận kết quả đau khổ.

Phật nói: “Người không thông đạt, trong tâm thường không an định, không có lập trường”. Do đây, có

thể biết người học Phật, điều quan trọng thứ nhất cần phải thông rõ nghĩa lý trong kinh điển, đó mới thật là “nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa”. Nghĩa lý trong kinh mà ta không thông không hiểu thì tâm ý hồ nghi, do dự nhất định không phát khởi tín tâm để tu tập an vui được. Từ tư tưởng đến hành vi không đúng, cho nên mới “đánh mất chánh lý, làm điều sai trái, cô phụ ơn Phật”. Tất cả chúng ta có được thân này, là do cha mẹ sanh ra, được trí tuệ phần lớn nhờ các bậc thầy truyền dạy. Cho nên thầy giáo như cha mẹ, nuôi dưỡng và truyền trao trí tuệ cho chúng ta. Đức Phật là vị thầy lớn, là đức bổn sư của chúng ta. Ôn đức của Ngài còn hơn ơn sinh dưỡng của cha mẹ. Chúng ta là đệ tử Phật, nếu không thông rõ kinh điển, không dựa vào giáo pháp để thực hành, lại làm những điều trái với lời Phật dạy, đây thật là cô phụ ân đức của Phật. Nếu như kịp thời hồi đầu phản tỉnh thì còn kịp, cho nên nói: “Biển khổ mênh mông, quay đầu là bờ”. Nhưng xót thương cho nhiều người không hiểu lại không chịu phản tỉnh, để rồi bị tà kiến trói buộc, rơi vào ba đường ác. Cho nên nói: “Họa phước chính tự mình làm”. Người không chịu phản tỉnh là người mê mờ chấp trước, không nhận thức được lầm lỗi của mình đã gây tạo ra, để ăn năng sám hối, cải đổi người tốt. “Tà kiến, đọa vào tam đồ”. Đây là nói những người tà tri, tà kiến bị tham sân si, mạn nghi, danh văn, lợi dưỡng trói buộc, khi chết nhất định rơi vào trong tam ác đạo. “Trói buộc” là những người này bị ngũ dục, tà kiến nhận chìm không thoát ra được, nên tạo ra vô số nhân xấu ác, để

rồi thọ nhận quả báo đau khổ. Đây đều là tự mình làm, tự mình chịu.

Tiếp theo Phật chỉ rõ cho chúng ta tiêu chuẩn về thiện ác và định luật nhân quả.

Kinh văn Mười điều ác oan gia, mười điều thiện thuần hậu. An thân đắc đạo đều từ điều thiện sinh ra. Thiện là đại hồng chung lớn, không sợ binh đao. Thiện là con thuyền lớn có thể đưa người qua sông. Giữ lấy chữ tín, trong nhà luôn hòa thuận an vui, phước báo tự nhiên đến, không phải do thần trao. Nay lại không tin làm, sau làm việc ác.

Giảng Hai câu “mười điều ác oan gia” và “mười điều thiện thuần hậu”. Đức Phật dạy chúng ta phải nhận thức và phân biệt rõ ràng về thiện ác, việc ác chớ làm, luôn làm các việc thiện”

Đức Phật phân ra mười việc ác như sau:

- Thân làm ba việc ác, một là sát sanh, hai trộm cắp, ba là Tà dâm.

- khẩu có bốn: một là nói hư vọng, hai là nói lười hai chiều, ba là nói lời hung ác, và bốn nói lời thêu dệt.

- Thứ ba về ý có ba: một là tham, hai là sân và ba là si mê. Tổng cộng lại là mười điều ác. “Mười điều ác này là giặc phá hoại hết đức tính thanh tịnh của chúng sanh. Nên nói là “oan gia”. Oán cừu gặp lại ắt phải nhận lấy tổn hại. Trong mười việc ác, sát sanh là nặng nhất.

Lịch sử Trung Quốc trải qua rất nhiều triều đại, phần lớn đều do sát sanh. Cho nên quả báo hiển hiện rất nhiều và rất rõ ràng. Điển hình vào đời Chu Tuyên Vương và cuối thời nhà Minh, nổi lên rất nhiều giặc cướp mà theo ông Trương Lê Trung ước khoảng hai trăm triệu người đều thấy rõ ràng việc nhân quả báo ứng, những điều này trong kinh Phật nói rất tường tận. Làm mười điều ác, nhất định quả báo sẽ vào địa ngục A Tỳ chịu khổ báo vô cùng vô tận. Đời người ngắn ngủi, trôi đi như mùa hạ sang thu. Khi gặp chuyện không may tất cả đều tan theo mây khói, mọi việc đều thoáng qua trước mắt, sao chúng ta phải gây tạo nhiều ác nghiệp vậy?

Trong kinh Phật có kể một câu chuyện : “Xưa ở một nước nọ, có một người mạng chung, ngày sau hồn người đó lại về cầm theo một cây roi đến ngay chỗ thầy chết mình mà đánh. Người bên cạnh thấy vậy mới hỏi rằng: “Người này đã chết vì sao người lại dùng roi đánh họ. Hồn trả lời rằng: “Đây là thân cũ của tôi, khi tôi còn sống đã gây tạo ra vô số việc ác, thấy kinh không đọc, khinh khi Tam bảo, tham lam, lừa gạt, trộm cắp, xâm đoạt người nữ, không hiếu thuận cha mẹ anh em. Nay chết khiến tôi đọa vào trong tam ác đạo, chịu muôn ngàn sự hành hình vô cùng thống khổ không kể hết được, nay tôi về đây do oán hận thân này, vì thân mà tạo tội, vì thân mà thống khổ ...”. Câu chuyện này có thật hay không ? Ở đây không cần bàn, nhưng trong triết lý sâu xa của vũ trụ vạn hữu, chúng ta cần phải suy gẫm, mọi việc làm phải sáng suốt để đem lợi ích cho

mình và mọi người, chớ có tâm gây tạo các ác nghiệp.

“Mười việc thiện” trái lại với mười việc ác là:

- Về Thân: có ba, một là không sát sinh, hai là không trộm cắp, ba là không tà dâm.

- Về Khẩu: có bốn, một là không nói hư vọng, hai là không nói hai lưỡi chiêu, ba là không nói lời hung ác, bốn là không nói lời thêu dệt.

- Về Ý: Có ba, một là không xan tham, hai là không sân nhuế, ba là không si mê.

Tổng cộng cả ba lại là thân, khẩu và ý lại gọi là “mười việc thiện”.

Người học Phật cần phải lấy mười việc thiện này làm cội gốc để tiến tu đạo nghiệp. Vì đây là con đường giúp mọi người tạo phúc đức, làm tư lương để sanh về cõi trời. Kinh Thập Thiện Đạo¹³ dạy cho mọi người tu học rất rõ. Chúng ta cần y cứ vào tiêu chuẩn bộ kinh đó để cùng với người làm việc thiện mới đúng thực là người Phật tử chân chánh. “Bạn tốt” là những người bạn sống phải thực tâm, thương yêu và luôn giúp đỡ lẫn nhau, làm chỗ đứng và nơi nương dựa vững chắc trong thế gian này. Như vậy mới nói là “mười việc thiện”.

Tôi kể cho quý vị một câu chuyện. Trong Ngũ Sử Lương Thư, có một người tên là Tư, tự là Sản. Từ nhỏ

¹³ *Thập Thiện Nghiệp Đạo kinh. Một quyển, đời nhà Đường Ngài Thập Xoa Nan Đề dịch.*

ông vốn là người thông minh hiểu học và thông lâu các kinh sử. Khi lớn lên ông trở thành một bậc thầy giáo mô phạm hay làm các việc thiện cứu giúp mọi người. Ông thường dạo chơi sơn thủy đó đây. Một lần nọ ông đi nhờ một chiếc thuyền buôn chở gạo. Có một người nhân tiện nhờ người lái thuyền chở hộ cho họ 30 thạch gạo, người lái thuyền nhận lời và chở giúp đến nơi giao hàng. Nhưng người ta lại vu oan người lái thuyền trộm bớt số thóc đó, nên bị quan chức chính quyền bắt giam. Tư Sản là người chứng kiến toàn bộ sự việc oan ức của người lái thuyền. Ông động lòng thương xót nên ra tay cứu giúp trở về nhà đem hết số sách vở của mình ra bán được hai vạn tiền rồi bảo học trò thay ông đem đến quan nha nộp phạt để chuộc tội cho người lái đò kia. Khi người lái đò được thoát nạn. Sau đó đến cảm ơn ông. Ông liền nói: “Ta thương mọi người, cũng như bản thân ông không được may mắn, sao lại phải cảm ơn ta? Tư Sản ngoài công việc riêng ra, mỗi ngày ông đều có 6 thời công phu lễ lạy sám hối và tụng một thời kinh Pháp Hoa. Vào một đêm nọ, trong giấc ngủ ông nằm mơ thấy một đạo nhân từ trên hư không bay xuống, xưng là Viễn Công (chính là hoá thân của Phật A Di Đà), dung mạo khác thường đến trao cho ông một lọ hương trầm rồi biến mất. Vào năm thứ tư, niên hiệu Đại Thông đời Lương Vũ Đế. Ông nói với toàn môn đệ rằng: “Viễn Công đã đến đón ta về Tây phương Cực Lạc”. Sau đó dặn dò các môn đệ xong bèn ngồi yên thu thần thị tịch, nhan sắc không biến đổi. Từ trên hư không có nhạc

xướng lên rằng Tư Sản tiên sinh đã vãng sinh về cõi Phật A Di Đà rồi. Câu chuyện này có bằng chứng đích thực ở trong quyển Niệm Phật Vãng Sanh Tịnh Độ và được ghi lại trong phần chính sử của Trung Quốc. Vào thời nhà Tấn, pháp sư Huệ Viễn lập ra Liên Xã xiển dương pháp môn niệm Phật, được chư Tổ tiếp nối truyền thừa, trải qua nhiều đời mãi cho đến ngày nay, có rất nhiều người tin theo pháp môn này và thành tựu không biết bao nhiêu mà kể. Thời cận đại, người tu pháp môn niệm Phật có kết quả và vãng sanh rất nhiều. Như ở Đài Bắc có cư sĩ Lý Tế Hoa chuyên trì danh hiệu Phật Di Đà, khi lâm chung được vãng sanh về Tịnh độ. Và rất nhiều người ở các mọi nơi, công phu niệm Phật cũng thành tựu được như thế. Cho nên càng ngày mọi người càng tin vào pháp môn niệm Phật và phát khởi tín tâm tu tập. Đây là một điều rất tốt, hy vọng tất cả mọi người lưu ý điều này, đừng cho đây là chuyện mê tín rồi tự mình đánh mất cơ duyên tốt đẹp và lợi ích lớn lao. đó là một sai lầm rất lớn.

“Bạn hữu” là những người bạn đồng chí hướng, gặp hoạn nạn thì bảo bọc, giúp đỡ lẫn nhau làm nên sự nghiệp ở thế gian. Còn bạn lữ xuất thế gian, trợ duyên giúp đỡ nhau trong việc tu hành, như giúp bạn niệm Phật được minh tâm kiến tánh, thành Phật thành Tổ. Nếu ở thế gian không có bạn bè tương trợ nhau thì tự mình nỗ lực tu tập thiệt. Lúc nào thành tựu được tam vô lậu học “giới, định, tuệ” thì mới mãn nguyện. Bạn bè tốt chính là những người bạn biết tu “thập thiện” cả

pháp thế gian và xuất thế gian. Do đó chúng ta càng kính trọng và cần phải học tập.

Kinh Lăng Nghiêm nói Tôn giả A-nan, là người học rộng nghe nhiều, rất mực thông minh. Nhưng về mặt công phu, Ngài nghĩ rằng “Mình không cần phải mỗi một tu tập, chỉ chờ Như Lai ban cho tam muội”. Ngài không hiểu rằng vấn đề tu hành là tự mình phải nỗ lực. Cho nên đức Phật nói với A-nan rằng: “Người khác ăn cơm mình không thể no được”. Ngay cả đức Phật và A-nan là tình cốt nhục cũng không thể thay được. Do vậy, Phật giáo không phải là mê tín, ai muốn giác ngộ, muốn thành tựu được quả vị vô thượng Bồ đề thì nhất định phải dựa vào chính mình. Cho nên đức Phật dạy chúng ta luôn phản tỉnh từng hành vi của mình, nhận chân được mười điều ác và các điều oan gia oán kết mà sớm xa lìa. Tin sâu và làm tất cả các việc thiện thì các niệm ác dần ít đi, niệm thiện ngày một tăng trưởng. Khi các việc ác dứt trừ thì tự nhiên “tinh thần an tịnh mà đắc đạo”. An tịnh là nói thân tâm hiện tiền yên tịnh, không lo sợ, không phiền não. Đắc đạo là chỉ đời sau vãng sanh về cõi Phật, thành Phật, thành Tổ. Quả báo này chính là chỗ “đoạn ác tu thiện” mà “sanh ra”. Lời Phật nói ra đều chơn thật, vì sao chúng ta tin mà không thực hành?

“Thiện là áo giáp, không sợ binh đao, thiện là con thuyền lớn để đưa người qua sông”. Ở ví dụ câu này, nói kiếp đao binh tức là chỉ cho chiến tranh. Nguyên

nhân của chiến tranh là do sân nhuế, oán hận. Nước là dụ cho tham ái, nói lòng tham muốn không biết chán mỗi, không biết đủ. Đây chính là nguyên nhân và cội gốc sinh ra tất cả các tai họa. Người nào tích chứa mười việc thiện, chính là tích chứa những năng lực làm tiêu trừ ba độc tham sân si. Giúp cho họ vượt qua mọi chướng nạn, đến bờ giải thoát giác ngộ. Ngoài ra các việc thiện còn có năng lực làm tiêu trừ các nguy cơ chiến tranh, đem lại một cuộc sống hòa bình, hạnh phúc và an vui cho toàn thể nhân loại. Cho nên đức Phật nói: “Người giữ tín tâm, trong nhà được hoà thuận an vui, phước báo tự nhiên đến”. Từ chỗ làm việc thiện mà được quả báo thiện, tự tu, tự chứng, không phải thần tiên, Phật, Bồ tát, trao cho chúng ta. Nếu mọi người không tin điều này, lại làm các việc ác, tất nhiên sẽ nhận quả báo khổ đau càng trầm trọng hơn.

Kinh văn ***Phật nói với A-nan: “ thiện ác theo người, như bóng theo hình, không thể tách rời, các việc tội phước, cũng lại như thế. Chớ có hồ nghi, khi đọa vào ác đạo, tội phước phân minh. Người tin hiểu rõ ràng thì được an vui”. Lời Phật hết sức chân thật không hề hư dối.***

Giảng Đoạn kinh này nói về đạo lý nhân quả, không có xen tạp lẫn lộn. Phật nói với A-nan: “Thiện ác báo ứng, theo người như bóng với hình không bao giờ rời. Khi quả báo đến không thể cao chạy xa bay được”.

“Tin hiểu rõ ràng” nghĩa là niềm tin qua sự xét

đoán của trí tuệ, không bị vật dục hoặc các tà thuyết làm mê mờ. Kinh nói rằng: “Thời đức Phật tại thế, có một người rất nghèo, nhà ở gần tinh xá Kỳ Hoàn. Hằng ngày ông đều vào tinh xá siêng năng quét dọn từ sáng đến trưa. Ông làm việc nhiệt tâm không biết mỏi mệt. Một hôm, có một trưởng giả đến tinh xá để thăm viếng, vừa bước vào nhà, ông thấy mười gian nhà biến thành bảy báu sáng rực. Ông hỏi mọi người ai quét dọn tinh xá của Phật, và được mọi người trả lời là người nghèo quét dọn, do lòng chí thành làm việc của ông, nên toàn gian nhà sáng rực ứng với phước báo của ông tạo ra. Trưởng giả rất vui vẻ, liền tặng cho người nghèo năm trăm lượng vàng. Người nghèo nhận và đem số vàng trên bố thí hết cho tất cả chúng sanh. Đức Phật nói pháp cho ông nghe, nghe xong ông liền đắc đạo. Lời Phật nói rõ ràng chân thật, nhất là khi Ngài nói về luật nhân quả, thiện ác, không dối gạt người.

Đoạn kinh trên đức Phật dạy chúng ta phá trừ mê chấp, phân biệt rõ ràng về quả báo thiện ác.

Tiếp theo, đức Phật nói về Tam bảo khó gặp, nếu có gặp là do phước đức đời trước, nay mới có duyên gặp Phật pháp. Đức Phật giảng về lợi ích của việc tuyên dương giáo pháp và làm các việc phước điền.

Kinh văn: Phật bảo A-nan : “Phật không nói hai lời, người sanh ra đời gặp Phật nghe pháp là khó. Đời nay được gặp Phật pháp là do nhân đời trước gieo trồng nhân phước đức”.

Giảng: Đoạn kinh này đầu tiên có câu “Phật không nói hai lời”, nghĩa là lời Phật nói ra với lòng từ bi thương xót tất cả chúng sanh. Phật thương chúng sanh mãi gây tạo các nghiệp xấu rồi cuối cùng đi vào các đường dữ, chịu muôn ngàn muôn kiếp khổ đau. Chúng ta gặp Phật nghe pháp, đây thật là một thắng duyên rất may mắn. “Không nói hai lời” là lời nói rất mực chân thành, như thế sao lại không cung kính Phật?

“Ra đời gặp Phật là khó”. Đức Phật thị hiện ở thế gian này, chúng ta có phước duyên lắm mới gặp được, đây là một điều thật khó vô cùng. Bởi vì tu để đạt đến quả vị Phật, ở trong kinh nói cần phải trải qua ba “a tăng kỳ kiếp”. A tăng kỳ là đơn vị số đếm thời xưa ở Ấn Độ. Theo cách tính của Trung Quốc hai vạn thành một ức, vạn ức thành là triệu, mà một “a tăng kỳ” là một ngàn vạn vạn... triệu, lại gấp ba lần, thật là một con số khổng lồ không thể tính đếm được. Từ địa vị phàm phu, tu tập đến quả vị Phật, phải trải qua thời gian rất dài. Như đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm, rồi từ đây mãi đến năm trăm mười sáu triệu năm đức Phật Di Lặc mới thị hiện xuống cõi Ta Bà này. Nếu chúng ta sinh ra trước Phật hoặc sau Phật, là rơi vào một trong bát nạn tam tai, cho nên cơ duyên sinh ra cùng thời Phật thật chẳng phải dễ. Đôi khi sinh cùng thời, nhưng lại không nghe được giáo pháp, không cầu học đạo được. Tại sao chúng ta muốn cầu sinh cùng thời với Phật? Bởi vì sinh ra gặp Phật, được gần gũi Phật, nghe pháp hợp với trình độ căn cơ, nhanh

giác ngộ giải thoát hơn. Hiện nay tuy chúng ta không gặp Phật ở đời, lại nhằm vào thời mạt pháp, nhưng điều may mắn là chúng ta vẫn còn nghe được kinh pháp, đây cũng thật là một điều hạnh phúc lắm rồi. Tôi mong muốn tất cả mọi người, tự mình cố gắng tinh tấn, nỗ lực tu học mới không cô phụ thâm ân của Phật.

“Kinh pháp khó nghe”. Điều trước tiên phải hiểu rõ công dụng của kinh pháp. Tác dụng của “kinh” và “luận” là tri kiến, là trí tuệ của Phật, để chúng ta nương vào đó mà tu hành. Giới luật cũng vậy, là chỗ chúng ta nương dựa vào để cải sửa những hành vi bất thiện của mình. Cho nên tam tạng “kinh, luật, luận” là chuẩn mực, là thước đo đối với người học Phật. Trước khi Thế Tôn nhập diệt, Ngài di huấn lại hàng đệ tử đời sau nên theo “pháp tứ y” mà tu học.

- Thứ nhất: “Y pháp bất y nhân” nghĩa là dựa vào giáo pháp mà tu học, không dựa vào người. “Pháp” chỉ cho tam tạng “kinh, luật và luận”. Nếu như người hoằng truyền Phật pháp không y cứ vào kinh điển thì không thể tin.

- Thứ hai: “y nghĩa bất y ngữ” là những đạo lý do đức Phật thuyết giảng. Ngôn ngữ là công cụ để diễn đạt nghĩa lý. Nghĩa là chủ, ngữ là khách. Như vậy chúng ta cần phải nương tựa và y cứ vào những lời dạy của Phật, không chấp trước nơi ngôn ngữ văn tự, dính mắc ở lời nói mà làm mất đạo lý đức Phật đã giáo dạy.

- Thứ ba: “y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa”. “bất

liễu nghĩa” là Phật dựa vào chuyện thế gian làm phương tiện để giảng nói. “Liễu nghĩa” là lời nói ra, bằng những kinh nghiệm trong sự công phu tu tập giác ngộ giải thoát của chính mình. Bởi vì Phật muốn cho chúng ta dựa vào giáo pháp chân thật liễu nghĩa của Đại thừa, không muốn dựa vào phần phương tiện tiểu giáo thuộc về nhân thiên và Tiểu thừa.

- Thứ tư: “y trí bất y thức”. Đây là nói thái độ người tu học Phật cần làm tăng trưởng tâm tốt. “Trí” là lý trí. “Thức” là tình ái mê chấp. Đức Phật dạy chúng ta tiếp nhận sự giáo dục của Phật đà thì cần phải dùng “lý trí để quyết trạch”, dùng lý trí để tiếp nhận, không dùng cảm tình để làm việc, lại càng không được mê chấp.

Đó chính là “Pháp tứ y”. Phật tử chúng ta thời bây giờ nên dựa vào “pháp tứ y” mà tu học, thì cũng giống như sống cùng thời Phật tại thế. Mọi người phải siêng năng học hỏi giáo pháp cho thông hiểu rồi đem ra truyền bá, làm lợi ích vô số chúng sanh khác. Đời mạt pháp, chúng sanh phước mỏng nghiệp dày, tà sư nổi lên nói pháp như cát sông Hằng. Nếu không tôn trọng, thực hành pháp tứ y thì nhất định sẽ đi vào đường tà, cho nên “pháp tứ y” rất là quan trọng, không thể bỏ được.

Công dụng của kinh điển, có công năng nhổ trừ các khổ đau, đem lại niềm an lạc hạnh phúc chân thật cho mọi người, tương lai đưa mọi người đến liễu thoát sanh tử.

Phần kinh điển là do tự thân các đệ tử nghe Phật

giảng nói, rồi đọc tụng ghi chép lại truyền bá lưu thông khắp nơi. Người nghe phải hợp với căn cơ mới thể nhập được. Cho nên việc giảng giải hoặc biên soạn không phải chuyện dễ dàng. Như vào thời Diêu Tần, ngài Pháp Hiển cùng mười người thân chinh qua Tây Trúc thỉnh kinh. Đời Đường ngài Huyền Trang tự thân đến Tây Trúc để thỉnh cầu kinh điển. Khi trở về nước, Ngài liền bắt tay vào việc dịch thuật tất cả kinh điển từ Phạn văn ra Hán văn và được lưu truyền mãi đến ngày nay, thật không phải chuyện dễ làm. Chúng ta tôn trọng kinh điển chính là tôn trọng những lời giáo huấn của đức Phật. Tâm ngưỡng mộ tôn kính công lao dịch thuật và hoằng truyền giáo pháp của những bậc cổ đức, cao tăng qua các thời đại. Các ngài là tấm gương sáng để chúng ta chú ý và học tập.

“Thân người khó được nay đã được, Phật pháp khó nghe nay đã nghe” . Chúng ta ngày nay có được thân này, nếu không tinh tấn tu hành để giải thoát giác ngộ, đợi đến khi nào mới tu tập giải thoát giác ngộ? .Chúng ta thấy tôn giả A-nan là người có phước báu rất lớn. Ông sanh ra đời gặp được Phật, khi xuất gia lại được làm thị giả Phật, thật là hy hữu. Vì vậy chúng ta phải tu tập làm sao giống tôn giả A-nan vừa được thân người lại gặp Phật nghe pháp.

Trong Kinh Kim Cang Phật nói: *“Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau, có người trì giới tu phước. Gặp được kinh này, chép một chữ, đọc một câu, liền phát*

khởi tín tâm và hiểu được nghĩa lý chân thật của kinh này, thì biết người đây không phải gieo trồng căn lành đối với một vị Phật hoặc hai vị Phật v.v.. mà đã gieo trồng tất cả căn lành đối với ngàn vạn và vô lượng đức Phật”. Đoạn kinh này là lời thọ ký của đức Phật. Nếu chúng ta không có thiện căn, nhân duyên phước đức sâu dày, khó có thể gặp được giáo pháp cũng như Phật ra đời. Ở đây chúng ta nên chú ý vấn đề này.

Kinh văn Luôn nghĩ báo ân, rộng hoằng dương giáo pháp, hòa đồng với chúng sanh, làm ruộng phước điền. Người có lòng tin gieo trồng phước đức, đời sau, sẽ không khổ não. A-nan vâng lời, cung kính thực hành theo.

Giải Đoạn kinh này là lời phó chúc của Phật cũng là đoạn cuối cùng của “A-nan hỏi Phật việc cát hung lành dữ”. Đức Phật nhắc nhở đệ tử phải hoằng dương giáo pháp, siêng năng làm các việc phước điền.

“luôn nghĩ báo ân”. Phật dạy chúng ta đã làm người, thì trong tâm lúc nào cũng nghĩ đến việc báo ân, muốn báo ân điều trước tiên cần phải tri ân. Và phải biết những người nào có ân nặng đối với chúng ta?

- Thứ nhất là ân cha mẹ. Cha mẹ có ân sinh ta ra và nuôi dưỡng ta.

- Thứ hai ân sư trưởng. Sư trưởng là người truyền dạy cho ta những kiến thức, chỉ đường cho ta.

- Thứ ba là ân quốc gia. Quốc gia đã đem lại hòa bình cho nhân dân để mọi người yên tâm lập nghiệp.

- Thứ tư ân chúng sanh. Tất cả mọi chúng sanh đều có Phật tánh bình đẳng và có sự tương quan với nhau trong cuộc sống cùng nhau xây dựng và kiến tạo xã hội được tốt đẹp, hạnh phúc.

Vì vậy Phật dạy về “tứ ân”, mỗi chúng ta cần phải biết để thực hành tứ ân này.

Làm thế nào để báo ân? Phật dạy chúng ta, thứ nhất cần phải “hoằng dương giáo pháp”. Hoằng dương nghĩa là phổ biến truyền bá những lời đức Phật đã dạy ra khắp mọi nơi. Chúng ta là đệ tử Phật phải siêng năng học hỏi giáo pháp, hành giải tương ứng. Lời nói luôn đi đôi với việc làm để làm bậc mô phạm cho chúng sanh. Thể hiện từng lời nói, hành vi trong sinh hoạt hằng ngày, bằng thân giáo (hành động) để cho mọi người noi theo. Bởi vì người xuất gia ở trong giáo pháp của đức Phật, trên phải báo tứ trọng ân, dưới cứu khổ tất cả chúng sanh, thay Phật tuyên dương giáo pháp, làm tiêu trừ dần dần các họa hoạn, là nơi nương tựa cho tất cả chúng sanh, là ruộng phước để cho khắp nơi gieo trồng căn lành. Như vậy mới đúng nghĩa là người xuất gia.

Phước điền có 3 loại:

- Kính điền Tam bảo: Tam bảo là ruộng phước để cho mọi người cung kính và gieo trồng căn lành.

- Ân điền phụ mẫu: nghĩa là luôn nghĩ đến ân cha mẹ, cũng là ruộng phước để thực hành hiếu thuận.

- Điền cùng khổ-bi: Là xót thương tất cả những nỗi

đau của đồng loại, ra tay cứu giúp, cũng là ruộng phước để thực hành hạnh lợi tha.

Thành kính, hiếu thuận, từ bi là cội gốc sanh ra tất cả các điều thiện. Thành kính xuất phát nơi tự tâm của chính mình, thể hiện lòng tôn kính Phật, Pháp, Tăng.

Hiếu thuận phải từ nơi tự tâm và lòng chân thật chính mình. Đối với thâm ân sanh thành dưỡng dục của cha mẹ luôn nghĩ đến việc báo đáp.

Từ bi là thể hiện lòng thương xót, đối với nỗi khổ đau của tất cả chúng sanh. Phật, Bồ tát, sư trưởng, cha mẹ, chúng sanh là những mảnh ruộng tốt để chúng ta gieo trồng phước đức. Có người hỏi không biết cầu phước ở chỗ nào? Họ không biết “tứ ân” là ruộng phước lớn nhất giúp mình gieo tạo phước báu. Việc này có mấy người biết được. Cho nên Phật từ bi nói ra đạo lý này, người nào tin, liền tiếp nhận thực hành, siêng năng làm các việc phước thiện thì sau sẽ hưởng thọ phước báo vô cùng vô tận. Tôi giảng đến đây, mong tất cả mọi người, chúng ta siêng năng tu tạo phước đức, nhằm đem lại lợi ích an vui cho mọi loài.

Xin quý vị xem tiếp câu sau:

“Đời sau không lo sợ”. Một câu lại có hai ý.

Thứ nhất là chưa đắc đạo mà đã chết. Nếu đời này có gieo trồng phước đức, thì khi chết được sanh về cõi trời, thân tâm an lạc, không lo sợ.

Thứ hai là thành tựu được đạo nghiệp, minh tâm

kiến tánh, dứt trừ những mê hoặc, điên đảo, ngộ được nguồn tâm, sanh về cõi Phật, thoát khỏi luân hồi, rốt ráo an vui, không còn lo buồn. Đây mới chính là kết quả rốt ráo viên mãn. Vì vậy chúng ta là đệ tử Phật, phải luôn luôn nhớ đến ân đức của Phật, ân đức của những bậc tiền bối đã hết lòng dạy dỗ. Chúng ta phải siêng năng tinh tấn tu học Phật pháp để làm vị thầy mô phạm cho cõi trời, cõi người, phát tâm hoằng truyền giáo pháp để báo đáp tứ ân. Tứ ân cũng là bốn mảnh ruộng phước cho tất cả chúng sanh gieo trồng căn lành. Điều cần yếu của người muốn nhập đạo là phải lấy trí tuệ làm gốc, trí tuệ cần phải lấy phước đức làm gốc. Tôn giả A-nan là bậc mô phạm làm gương mẫu, đáng để cho chúng ta học tập.

“A-nan tiếp vâng lời cung, cung kính thực hành theo”.

Đoạn này A-nan kính vâng lời Phật dạy, phát nguyện hoằng dương giáo pháp, làm cho khắp tất cả chúng sanh tin hiểu, pháp khởi Bồ đề tâm, tinh tấn tu học, phá mê khai ngộ, để đạt đến hạnh phúc an lạc. Đến đây quý vị rõ được mọi vấn đề, chúng ta có tâm nguyện và thực hành những công hạnh như thế, nhất định chúng ta sẽ được giàu sang, mọi việc sẽ được toại nguyện như ý.

Tiếp theo tôn giả A-nan hỏi Phật về quả báo của tội sát sanh. Phần hỏi này liên quan đến giới luật. Trong năm giới căn bản đối với người đệ tử Phật, giới thứ nhất là không được sát sanh. Đức Phật chế ra giới này, chung

cho cả người tại gia và xuất gia. Trong kinh Lăng Nghiêm nói: “Tâm sát không dứt trừ, trần lao khó ra khỏi”. Dù hiện tiền tu tập được thiền định có nhiều trí tuệ, nếu không đoạn trừ tâm sát sanh, ắt phải rơi vào ác đạo. Sát sanh hại mạng rốt cuộc bị quả báo trầm luân, thật là đáng sợ. Trong kinh nói rất rõ điều này, nếu người nào tâm sân si nhiều, lòng từ bi ít chẳng phải đệ tử Phật. Nhân sát sanh hại vật, sau này chịu quả báo không thể kể hết được. Trong kinh nói rằng: “Chúng sanh đoạn trừ nghiệp sát sẽ thoát ly sanh tử”. Tỳ kheo thanh tịnh, nghĩa là đã chứng ngộ rồi, mỗi bước đi của các ngài không giẫm đạp lên ngọn cỏ. “*Sống ở thế gian mà giải thoát, thì cũng như vượt ra khỏi tam giới.*” Ở đây nói lợi ích của việc trì giới. Người nào nghiêm trì giới luật, thì từ tâm xuất hiện lòng an nhiên thanh thản. Được như thế mới đúng thật là Thánh đệ tử Phật. Vậy đệ tử Phật phải biết nương vào giáo pháp của Như Lai mà hành trì để đem lại sự lợi lạc viên mãn.

Kinh văn A-nan lại bạch Phật rằng: “Người không tự tay sát sanh, như vậy có tội không bạch Thế Tôn”.

Giải: Đoạn này là lời thỉnh giáo của A-nan, vì muốn lợi lạc cho tất cả các chúng sanh, nên ngài thưa hỏi Phật cho thật rõ ràng. Tất cả chúng sanh có hai cái sợ : Là sợ khổ và sợ chết. Nhưng sợ chết thì nhiều. Vậy ai cũng ham sống sợ chết, nếu biết như vậy thì chúng ta tôn trọng mạng sống của mọi loài, không gây tạo tội lỗi.

Trong năm giới Phật chế, người nào phạm vào giới sát sanh, là phạm vào tội lớn thứ nhất. Kinh sách các bậc Thánh thế gian và xuất thế gian cũng đều nói đến giới này. Theo văn hóa Trung Quốc, làm người phải lấy đức nhân từ làm đầu. Còn trong Phật giáo coi việc hộ mạng cho chúng sanh là việc đầu tiên. Tuy trong kinh chỉ nói một việc sát sanh, nhưng lại bao hàm trong giới luật. Lễ giáo nhà Nho và luật học nhà Phật đều nói đến đức tính hiền thiện thanh tịnh, vốn đầy đủ trong mỗi chúng ta. Đức tính thanh tịnh đó sẽ làm môi trường sống trong lành biểu hiện qua từng cử chỉ, hành vi, vì nó đều mang nét văn hóa chân thiện mỹ. Mục đích của giới luật là muốn mọi người trở lại nơi bản tánh của mình. Để tránh những tai họa về sau, không phải là ràng buộc.

“A-nan lại bạch Phật rằng”. A-nan nghe Phật giảng xong về nguyên do học Phật đem lại kết quả tốt đẹp và kết quả không tốt đẹp. Tiếp theo A-nan hỏi Phật: *“Nếu như có người không tự tay sát sanh, mà sai bảo người khác làm, hoặc khi thấy người khác sát sanh lại sanh tâm vui mừng. Thì tội ấy sẽ như thế nào?”* Ý ở đây hỏi việc sát sanh không tự tay mình làm, chỉ sai bảo người khác làm, hoặc thấy người khác sát sanh mà tâm vui mừng. Vậy mình không làm vẫn có tội hay không có tội ? .

Kinh văn: Phật nói: “Này A-nan! Bảo người giết hại chúng sanh, thì tội nặng hơn tự tay mình giết.”

Giải: Người không cố ý sát sanh, nhưng do bị ép

buộc hoặc bị bức bách mà làm, thì tội nhẹ. Vì sao vậy? Vì người bị ép buộc phần nhiều là những người nghèo hèn đi làm thuê làm mướn hoặc người không có trí huệ, không biết tội phước, bị nhà chức trách, hoặc những người quyền thế bức bách ép buộc phải làm. Tuy họ bị tội, nhưng động cơ sát sanh là không phải cố ý, nên có sự sai khác về tội.

Kinh Sai khiến người giết hại chúng sanh, biết mà cố phạm, ôm lòng ngu si độc ác, sát hại chúng sanh, không có từ tâm, khinh khi Tam bảo, trái với tính tự nhiên, giết thân hại mạng, tội đó không gì nặng bằng.

Giảng Đoạn này đức Phật giải thích cho A-nan rõ trách nhiệm về tội sát sanh và tùy theo quả báo nặng nhẹ như sau:

- Thứ nhất bảo người khác sát sanh, tội nặng hơn tự tay mình sát.
- Thứ hai không biết mà bị bức bách ép buộc làm thì tội nhẹ.
- Thứ ba biết mà cố phạm là tội rất nặng.

Bây giờ tôi sẽ phân tích giảng giải ra cho quý vị thấy rõ ở điểm này.

“*Dạy bảo người khác sát sanh*”. Pháp luật hiện giờ gọi là “*xúi dục người gây tội*”. Phật bảo A-nan rằng, hành vi gây tội sát sanh tùy theo mức độ nặng nhẹ: Nếu xúi dục người khác gây tội thì tội nặng gấp đôi so với tự tay mình giết. Bởi vì hành vi sát sanh của họ không xuất

phát từ tâm ý mà do tâm ý người khác xúi dục. Nên nói bảo người khác sát sanh, tội rất nặng. Phật giải thích tiếp cho A-nan tại sao như vậy? “Hoặc là kẻ nô tỳ, người hạ tiện, hoặc người không có trí tuệ, không biết tội phước”. Ở câu kinh này đức Phật nói về kết quả của sự gây tội tùy theo hành vi mà phải bị tội nặng hay nhẹ. Ở đây đức Phật đưa ra hai ví dụ sau:

- Thứ nhất, thường ở trong gia đình có những người nô tỳ giúp việc, phải theo lệnh chủ nhân mà sát sanh. Họ không thể không nghe lời, mà ngay chính họ là những người không có trí tuệ, không biết tội phước.

- Thứ hai, là những người thừa hành hoặc bị “huyện quan ép buộc, bức bách”. Phật đưa ra ví dụ như thế, vì ngày xưa hành chính pháp luật không rõ ràng, một vị quan vừa làm hành chính, vừa làm quan tòa. Nếu có người phạm pháp, quan huyện phán quyết tử hình. Khi hành hình, không phải tự tay vị quan đó giết mà do cấp dưới làm, tức là đao phủ. Người đao phủ này tuy tự tay giết, nhưng hành vi đó không xuất phát từ tâm ý của họ, tuy bị tội nhưng sự việc lại không giống nhau. “Sự việc” là chỉ cho hành động sát sanh, thừa hành mệnh lệnh để làm. “Ý” là chỉ về tâm ý ngu si, sân giận, dạy người khác giết, tội nghiệp rất nặng. Cho nên người phán quyết rất quan trọng, xưa nay xảy ra biết bao nhiêu chuyện oan uổng.

Thời Đường, vua Đường Thái Tông nói với quần thần rằng: “Người xưa không dùng hình phạt với thần

dân trong thiên hạ. Các ngài lấy nhân đức để cảm hóa muôn dân. Không tổ chức yến tiệc ăn chơi xa xỉ. Trẫm nay cũng vậy, học theo gương người xưa không bày ra những trò vui chơi, yến tiệc linh đình. Vì làm những việc như thế, thì phải uống rượu, ăn thịt, tạo nhân duyên cho thần dân gây tạo tội nghiệp”. Chúng ta thấy người nắm giữ luật pháp và quyết định hình phạt thật vô cùng quan trọng. Người ấy cần phải có tấm lòng nhân từ, xót thương người vi phạm, mới không có chuyện oan uổng xảy ra. Người tích chứa nhiều âm đức thì cảm hoá nhiều người sai phạm, lại còn giúp cho họ giác ngộ quy hướng đường lành. Cho nên chúng ta phải có lòng nhân từ thương yêu tất cả mọi loài. Không vì quyền uy mà ra lệnh xúi giục người khác giết hại, không vì ác tâm, thù hận mà giết hại. Cho nên kinh nói : “Tội nặng nhẹ có sai khác”.

Lại nói, biết tội mà còn cố phạm, lừa gạt hư dối, tội ấy rất nặng. “Bảo người khác sát sanh, biết mà cố phạm”, đây là nói từ nơi tâm ý của mình, có chủ mưu cố ý sát hại hoặc ra lệnh, hoặc xúi giục người khác làm theo ý mình. Cho nên Phật nói: “Người ngu hằng ôm ấp độc ác, tự tay sát hại chúng sanh, không có tâm từ bi”. “Người ngu độc ác” là chỉ cho những người có tâm sân hận, không thanh tịnh, không tin nhân quả, lại không có trí tuệ để thông hiểu về vũ trụ vạn vật. Thường gây tạo những việc độc ác, không phản tỉnh lại hành vi bất thiện của chính mình để tu sửa. Chúng ta là đệ tử Phật phát tâm Bồ đề, tu Bồ tát đạo, học Bồ tát hạnh. Nếu không

làm được như thế chính là “khi đối Tam bảo, làm trái với bản tâm thanh tịnh của mình”. Tam bảo gồm Phật, Pháp và Tăng, là chỗ quy y đối với những người học Phật, là chỗ tối tôn của hàng thế gian và xuất thế gian. “Trái với bản tâm thanh tịnh” chính là trái với lương tâm của mình. Đó là khi đối Tam bảo mà còn đối cả lương tâm của chính mình. Làm việc mà thương hại đến chúng sanh thì phải thường mạng. Người tạo nhân như thế thì khiến cho tâm họ chẳng an lạc, tội nghiệp lại rất sâu nặng.

Kinh văn Oán đối tương báo, đời đời thọ nhận tai ương, không hề đoạn dứt, hiện đời không được bình an, lại gặp nhiều điều xấu ác tai họa.

Giảng Đoạn này, Thế Tôn dùng Phật nhãn nhìn chúng sanh oán báo xoay vần, trả vay, vay trả không dứt. Tất cả đều do nghiệp sát. Đạo lý nhân quả luôn luôn là chân lý, vĩnh viễn không sai lệch, không mê tín. Phật nói: “Muốn biết nhân đời trước, xem đời nay nhận quả gì? Muốn biết quả đời sau, xem đời nay tạo nhân gì?” Khổng Tử nói rằng: “Nhà tích chứa việc thiện, nhất định có nhiều điều vui vẻ. Nhà không tích chứa điều thiện, sẽ gặp nhiều tai ương”. Các bậc cổ đức nói rằng: “Họa phước không có cửa, chỉ do con người tự rước lấy”. Đức Khổng Tử nói rằng: “Làm tổn người mà lợi mình là không tốt. Bỏ người già, lấy người trẻ thì nhà đó không hay. Không thích bậc hiền, dùng kẻ gian manh thì quốc gia phải loạn. Người già không dạy, lớp

trẻ không học thì không biết về lễ nghi phong tục. Thánh nhân sống ẩn mình, khiêm hạ. Kẻ ngu thì cho mình là giỏi, chuyên quyền làm bậy, nên thế giới không hòa bình”. Quý vị đọc trong bộ *Nhị thập ngũ sử*, bộ sách này ghi về những chuyện nhân quả báo ứng rất nhiều. Khi đọc, quý vị tư duy, suy nghĩ nhất định sẽ rõ được lý nhân quả báo ứng. Nhưng nói về đạo lý nhân quả một cách tường tận rõ ràng, chỉ có trong kinh Phật mà thôi. Người nào có ý muốn nghiên cứu thì nhất định sẽ rõ được đạo lý này. Khi quý vị đọc, tụng kinh điển, tôi hy vọng quý vị có niềm tin sâu xa, không nghi ngờ gì nữa.

Trong phần này tôi đã trình bày với quý vị đoạn kinh “Oán Đối Tương Báo”, nói những điều không được tốt đẹp trong hiện đời do gieo những nhân không tốt ở đời trước. Vì vậy, người thế gian cứ chịu oan gia đối đầu, xoay vần mãi mãi không có dứt được. Do bên này, bên kia không nhường nhịn rồi sinh ra oán hận, nếu không hoá giải kịp thời, thì dần dần sẽ tích chứa những oán cừu sâu dày để xảy ra những cuộc chiến tranh tàn sát đẫm máu, vay trả, trả vay muôn đời không dứt. Cho nên Phật nói: “Đời đời thọ nhận tai ương không đoạn dứt”, quả báo cứ xoay vần như thế, càng lúc càng thảm khốc, càng lúc càng thống khổ. Kết quả này hoàn toàn là do vô tri, do mê hoặc, điên đảo mà thành. Muốn tránh quả báo thống khổ như thế, điều trước tiên đối với người tu học Phật phải xem “kẻ oán người thân đều bình đẳng như nhau”. Phải nỗ lực học Phật để khai mở trí tuệ, có một tầm nhìn sâu rộng, nhận chân và hiểu ra

được mọi vấn đề của vũ trụ nhân sinh, nhất là đạo lý nhân quả báo ứng. Trong tâm xả bỏ những ý niệm báo thù, dần dần đoạn trừ và hóa giải các nhân xấu ác. Những oán cừu nhiều đời được hóa giải bằng lòng đại từ đại bi, mỗi niệm coi oán thân với ta là một. Quán nhập vào pháp môn bất nhị, đi vào cảnh giới bất khả tư nghì, mới thật sự xa lìa tất cả những thống khổ, rốt ráo an lạc. Đây gọi là giác ngộ. Nói là vậy nhưng thật không dễ dàng, tuy nhiên không thể không làm, điều quan trọng là chính mình có chịu làm hay không làm mà thôi.

Người không thực sự tu hành, thì làm sao giác ngộ. Tâm duyên theo trần cảnh, bị trần cảnh xoay chuyển. Lưu chuyển từ đời này đến đời khác, các duyên ác càng ngày càng tăng trưởng, khó có thể dứt trừ được. Đương nhiên sẽ đưa đến kết quả là “hiện đời không an, gặp vô số tai hung”. Thân tâm hiện đời không an lạc, thường ưu tư lo sầu, hay gặp những tai nạn không được cát tường như ý. Ở đây thuộc quả báo oán đối hiện đời.

Kinh văn Chết đọa vào địa ngục, chịu mọi cực hình vô cùng đau khổ. Ra khỏi địa ngục, không được thân người, lại đọa làm súc sanh, bị đồ tể phanh thây xẻ thịt. Thọ khổ trong tam đồ bát nạn. Muôn ngàn vạn kiếp, dùng thịt trả nợ cho người, vô cùng vô tận. Ăn cỏ cây uống nước khiến thân thể khốn khổ vô cùng.

Giảng Đoạn này nói rõ đời sau sẽ bị đọa vào tam đồ chịu khổ báo vô cùng vô tận. Đoạn trước đức Phật nói về nghiệp sát sanh và quả báo hiện đời gặp đủ thứ

tai hung, lại còn bị những khổ nạn đời sau. Và trong đoạn này, đức Phật nói rõ chân tướng quả báo đời sau như thế nào, để tất cả chúng ta ai ai cũng hiểu vấn rõ ràng. Quý vị nên biết, chúng ta cùng với mọi người, loại vật ở đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều là thân bằng quyến thuộc. Do bị luân hồi xoay chuyển sanh diệt, thay đổi từ hình dạng này qua hình dạng khác, nên thấy có sự khác biệt về hình dạng. Nhưng về phần tinh thần, người thế tục gọi là “linh hồn”, đích thực luôn luôn tồn tại bất diệt.

Ngày 29-9-1980 đài truyền hình Trung Quốc đưa một bản tin nói về chuyện “thần bí”, thừa nhận phần tinh thần của con người sau khi mất vẫn còn, không hủy diệt như thân xác. Họ thừa nhận khi xác thân huỷ diệt, linh hồn sẽ chuyển qua một đời sống mới. Điều này đức Phật đã nói trước rồi. Tất cả đều do nghiệp báo tuần hoàn, nhân quả luân hồi vô cùng vô tận. Linh hồn là sự biến hiện từ nơi tâm trí, trong Duy Thức học của Phật giáo đã trình bày và chứng minh một cách rõ ràng về vấn đề này. Đây là chân lý, là sự thật, tuyệt đối không phải lý luận để suy diễn. Cho nên từ cổ chí kim các bậc Thánh triết nào cũng dạy cho chúng ta về cách làm thăng hoa tâm trí, thuần hóa tâm hồn. Đây đúng thực là sinh mạng của chúng ta, là cảnh giới cực thiện.

Dù vẫn còn luân chuyển trong vòng luân hồi, nhưng cũng gặp được những hoàn cảnh, môi trường tốt đẹp. Đây là một vấn đề vô cùng trọng yếu, nhưng mọi

người trên thế gian này lại xem thường bỏ qua, thật đáng tiếc. Họ không tư duy, nhìn nhận vấn đề này một cách sâu sắc. Đôi khi nhìn nhận một cách biên kiến cố chấp, đã không tin lại còn bài bác nhân quả làm trái những lời chỉ dạy của các bậc hiền thánh. Đã vậy, họ còn điên đảo mê lầm tin theo những chuyện mê tín, nên kết quả rơi vào tà kiến. Họ cống cao ngạo mạn cho mình là hiểu biết, dùng trí thế gian biện hộ những sai lầm của mình, lại còn rao giảng, mê hoặc lòng người. Họ xưng mình đã chứng đắc tự tại, buông xả hết các pháp không còn dính mắc... bỏ kinh điển không đọc tụng, xem thường hiếu thuận, luân thường đạo đức, làm tổn hại đến cha mẹ, sư trưởng. Các thiên tai, bão lụt, hạn hán, chiến tranh v.v... càng ngày càng nhiều đều do những mê hoặc điên đảo này mà ra. Vì vậy cuộc sống con người càng ngày càng khổ. Ai tạo ra vấn đề này? Chính con người tạo ra, do không hiểu luật nhân quả nghiệp báo. Trong các kinh, Phật thường nói về luật nhân quả nghiệp báo, nhất là quả báo sát sanh hại vật. Kết quả báo ứng rất đáng sợ, hiện đời bị những tật bệnh, tâm thường bất an, gặp tai hoạ v.v... Khi gần lâm chung những cảnh tượng hiện ra đòi mạng rất ghê sợ, tức khắc chiêu cảm vào địa ngục chịu những khổ quả vô cùng vô tận. Điều này ở trong bản đồ “Thập Pháp Giới” trình bày rất rõ ràng, đặc biệt nói về tam đồ bát nạn. Sao gọi là tam đồ bát nạn? Tam đồ tức là ba con đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Riêng ở trong địa ngục gồm có ba đường ác là: hỏa đồ, đao đồ, mãnh đồ. Các chúng sanh

tạo ra ba nghiệp ác thân khẩu ý, rồi bị chiêu cảm vào hỏa đồ. Ở nơi đây chúng sanh bị thọ những quả báo, như uống nước đồng sôi, tro nóng v.v... nóng bức vô cùng.

- Đao đồ: Còn gọi là địa ngục đao bén. Các chúng sanh bị chiêu cảm vào đây, tự dùng dao gậy bức hại đâm chém lẫn nhau.

- Mãnh đồ: Còn gọi là địa ngục máu huyết, chúng sanh đọa vào đây, chịu rất nhiều khổ sở, loài mạnh thì ăn nuốt loài nhỏ, chúng sanh ở trong ngục sát hại ăn thịt uống máu lẫn nhau. Nên gọi là mãnh đồ.

-Sao gọi là bát nạn: Còn gọi là bát nạn xứ, tức tám nạn. Trong đó có một nạn là không nghe, không học được Phật pháp. Nếu như người ham dục nặng là nhân của loài ngựa quỷ. Người sân si nhiều là tạo nhân ở địa ngục. Người tâm ngu si nặng nề không phân biệt được tà chánh, thị phi, thiện ác là nhân của loài súc sanh. “Oán đối tương báo” là nói tâm sân si thù hận nhiều thì nhất định chiêu cảm quả báo địa ngục.

Các vị muốn tìm hiểu sự lý liên quan đến quả báo địa ngục, nên đọc các bộ kinh : Thủ Lăng Nghiêm, Địa Tạng Bồ tát bản nguyện thì sẽ rõ. Kinh nói rằng: “Một ngày thọ khổ báo ở địa ngục là rất dài, chịu đủ mọi cực hình trong địa ngục. Khi ra khỏi địa ngục phần nhiều chuyển qua làm loài ngựa quỷ hoặc loài súc sanh để đền trả nợ”. Kinh nói: “Không được làm người, đọa vào loài súc sanh, bị đồ tế xẻ thịt”. Nên biết đây là sự trả nợ với nhau, khi thọ nhận cũng không một chút tăng, khi trả

cũng không giảm. Ăn của người tám lạng, ít nhất cũng phải trả tám cân. Do đó mới có “Tam Đồ Bát Nạn”.

“Cõi âm ty báo ứng, xưa nay không buông tha một ai” Tại sao chúng ta có lỗi mà không mạnh mẽ nhận lỗi để sám hối, khi chúng ta thức tỉnh sám hối, tức là chúng ta quay đầu vào bờ giác.

Đức lục tổ Huệ Năng nói rằng: *“Tất cả phước điền không rời chúng ta gang tấc”*.

Kinh nói : “Họa phúc tốt xấu đều do tâm tạo”, “Tội phước khổ vui đều do ba nghiệp tạo thành”. Tất cả là từ tâm niệm chiêu cảm, người có tâm tham sân si, tà dâm tức là nghiệp địa ngục. Người có tâm keo kiệt tham lam không chịu bố thí, tức là nghiệp ngạ quỷ. Ngu si mê muội, tức nghiệp súc sinh. Cống cao ngã mạn, tức nghiệp A-tu-la. Thường trì ngũ giới, tức là nghiệp làm người. Tinh tấn tu thập thiện, tức là nghiệp sanh ở cõi Trời. Thể nhập vào thể tánh tức là Thanh văn. Biết tính duyên khởi các pháp mà xa lìa, tức là Duyên giác. Tu lục độ vạn hạnh, tức Bồ tát. Chứng nhập chân tướng vạn pháp, trí tuệ từ bi, bình đẳng gọi là Phật. Tâm thanh tịnh thì rừng cây tỏa thành hương thơm, cõi đất cũng hóa tịnh, bằng phẳng. Tâm cấu uế thì biến thành gò hố, quốc độ dơ uế. Đó hoàn toàn không phải do trời đất sinh ra, quả thật là do tâm niệm này sanh ra, chứ không ngoài vật gì khác.

Đạo lý nhân quả rõ ràng: Khi chúng ta đã nghe hiểu về vấn đề này rồi, từ nay về sau quyết tâm cùng với người khác làm việc thiện để trở thành người tốt.

Khi gặp cảnh thuận cảnh nghịch phải có sự nhẫn nhục và hóa giải bằng lòng từ bi, thì sẽ diệt trừ các báo chướng hận thù trong nhiều đời. Như vậy giúp cho tâm được thanh tịnh, từ bi, bình đẳng thì lúc đó mới thực sự dứt trừ bi kịch “ân oán nhiều đời trả vay vay trả”. Nếu chúng ta không tinh tấn tu tập như thế, thì đời đời không tránh khỏi “oán đối trả vay”.

“Hình” chỉ cho thân thể tất cả chúng sanh trong lục đạo luân hồi. Về tánh giác thì tất cả giống nhau, nhưng do chiêu cảm quả báo, thành ra mang nhiều thân hình khác nhau.

- Ở đoạn kinh trước khuyên chúng ta dừng các việc ác, tu các việc thiện. Mọi người muốn làm được việc này, điều trước tiên cần phải vâng theo lời dạy của thầy.

Tiếp theo nói đến vấn đề “Giáo dục”. Ở đây chúng ta sẽ thấy được giáo pháp và tinh thần giáo dục của đức Phật đến nay đã hơn ba ngàn năm rất đáng cho chúng ta học tập.

Kinh văn A-nan bạch Phật rằng: “Người đời có tâm ý độc ác. Đệ tử muốn mưu hại thầy, hại người đạo đức, thì tội đó như thế nào ?”

Giảng Đoạn này A-nan thưa hỏi và được đức Phật khai thị cho A-nan, cùng mọi người ở thế gian biết được trách nhiệm và bổn phận của mình. Sách Luận ngữ nói: “Người quân tử lo vun trồng cội gốc nhân đức. Cội gốc thành thì đạo từ đây phát sinh”. Chúng ta làm người

phải biết trách nhiệm và bổn phận của mình. Nếu mọi người ai cũng biết điều này, thì gần với đạo vậy. Đây là một câu hỏi quan trọng trong việc giáo dục. Việc giáo dục liên quan đến thầy giáo, vì người thầy luôn có trách nhiệm, hướng dẫn cho học sinh hiểu biết về tư cách làm người, trách nhiệm với gia đình, quốc gia và tất cả chúng sanh.

Giáo dục của Phật giáo và Nho giáo đều lấy chữ “Nhân” và chữ “Hiếu” làm cội gốc đưa con người đạt đến chân thiện mỹ. Được kết quả này, gọi là “Thánh nhân” là “Phật”. Ngày xưa các bậc cổ đức nói: “Người thành tựu con đường học vấn chính là thành tựu lòng nhân đức”. Lòng nhân đức xuất hiện chỗ nhân từ hiếu để. Giáo dục Nho gia lấy “nhân hiếu” làm đầu, dạy con người tu dưỡng đức hạnh, biết về nhân nghĩa lễ trí tín. Văn hóa Á Đông từ xưa đến nay dạy con người cần phải “học hiếu thuận, học nhân từ”, “hành hiếu hạnh, hành lòng nhân”, “dạy hiếu dạy nhân” đều nói về lòng nhân hiếu, coi tất cả mọi người trên thế gian đều là anh em, bạn bè, ruột thịt cả.

Còn Phật giáo tiến thêm một bước nữa, là không chỉ xem người sống ở thế gian là anh em mà xem con người và vạn vật đồng một thể nhất như. “Tinh dã vô tình đồng thành Phật đạo”. Đây mới là chỗ tốt cùng “nhân hiếu” cũng là sự nghiệp giáo dục hoàn mãn nhất, giúp mọi người rèn luyện nhân cách đạt đến trình độ viên mãn. Mục đích giáo dục của Phật giáo và Nho giáo

đều đặt trọng tâm rèn luyện nhân cách phát triển trí tuệ. Muốn đạt được điều này phải có tâm ý chân thành. Theo tinh thần của Phật pháp, người siêng năng đoạn trừ phiền não chính là người có công phu rèn luyện nhân cách. Học Phật pháp chính là nâng cao trình độ trí tuệ. Phật giáo Đại thừa dạy chúng ta tu lục độ, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định đều là học rèn luyện nhân cách. Đây là mục đích của việc tu học Phật pháp, còn gọi là “Bát -nhã” tức là đạt đến trí tuệ rốt ráo, viên mãn. Như vậy mới phát lòng đại từ đại bi, mới tề gia trị quốc, đem lại cho thế giới hòa bình an lạc được. Đạo Nho, đạo Phật, đạo Trời, đạo Người đều lấy thể nhân đức này làm một.

Đạo không có hai, bất cứ người nào tu tập, đạt đến chỗ rốt ráo viên mãn gọi là Thánh nhân, là Phật. Theo tinh thần giáo dục của Phật giáo đại thừa thường lấy bốn bậc Đại Bồ tát làm trọng tâm.

- Thứ nhất: - Bồ tát Địa Tạng: Đại biểu cho lòng hiếu đạo, Địa tức là đất. Đất có khả năng nuôi dưỡng và hàm chứa vạn vật. Hiếu là cội gốc của vạn điều thiện, tàng chứa đức năng vô cùng vô tận. cho nên khi nói hiếu, tức là nói đại bi tâm, đây là bài học đầu tiên của người bước vào tu học Phật. Bồ tát Địa tạng biểu hiện lòng hiếu thuận và kính trọng thầy giáo. Giáo dục của nhà Nho lấy trung hiếu làm đầu. Bước đầu tiên, các bậc thầy đã giáo dục lớp trẻ bằng những bài học căn bản, như dạy về phước và huệ. Khi hiếu được vấn đề này rồi

học sinh cần phải sống chân thật, sáng suốt, nhân từ. Do vậy tinh thần giáo dục của Bồ tát Địa Tạng và nhà Nho rất giống nhau.

- Thứ hai: Bồ tát Quán Thế Âm đại biểu lòng đại bi.

- Thứ ba: Bồ tát Văn Thù đại biểu cho trí tuệ. Hai vị Bồ tát này, có đầy đủ bốn đức là nhân ái và tín nghĩa. Đây là điều quan trọng đối với nền giáo dục. Nhân là người với ta cùng một thể tánh bình đẳng. Trung hiếu là bản thể của nền giáo dục.

Nhân ái ,tín nghĩa là dụng của việc giáo dục. Giao tiếp với người luôn thể hiện lòng nhân ái. Sống phải lấy chữ *tín* làm đầu. Làm việc, hành sự phải lấy chữ *nghĩa* để Phục vụ đem lại lợi ích cho tất cả mọi người với một tinh thần vô vụ lợi. Bước đầu phải dạy cho học sinh ý thức về bốn đức tánh này. Đến khi trưởng thành, đem năng lực của mình ra để cống hiến làm lợi ích cho xã hội. Đây mới đúng thật là nền giáo dục tốt đẹp và hoàn thiện nhất . Tinh thần của Phật pháp phải áp dụng “bi-trí” đi đôi với nhau. Nhà Nho dạy rằng “gần dân” để giáo dục cho mọi người biết tu nhân biết tạo phước.

- Thứ tư: Phổ Hiền Bồ tát đại biểu cho công năng tu hành, thực hành hạnh chân thật bình đẳng khắp tận hư không pháp giới, giống như hai chữ “hòa bình”. “Hòa” nghĩa là hòa thuận, tùy hỷ, tức là đối với các pháp tùy duyên hòa thuận. “Bình” nghĩa là tâm và cảnh đều bình đẳng, không biến đổi. Tông chỉ Bồ tát Phổ

Hiền là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Chúng ta học đạo thánh hiền phải nuôi dưỡng đức tánh hòa bình, bình đẳng, không phải riêng cho mình mà cho khắp tất cả mười phương cõi nước. Hôm nay quý vị hiểu ra được vấn đề này, thì từ đây khi nói năng, hành động, nhất cử nhất động cũng đều lưu xuất từ nơi bản tánh thanh tịnh vắng lặng của mình. Đó mới chính thật là cảnh giới chí thiện. Mọi người ai cũng mơ ước một cuộc sống yên ổn, hạnh phúc, muốn đạt được điều ước muốn này, chúng ta cần phải đề cao hòa bình.

Yên bình thanh tịnh nội tâm, đây chính là nền giáo dục hoàn thiện nhất. Phải lấy nhân-hiếu làm gốc. Tinh thần giáo dục tại Trung Quốc dạy con người qua các giai đoạn sau: lúc thiếu thời dạy trẻ hiểu về phước, lúc thanh niên thì ra sức tạo phước, về già thì an hưởng phước. Đây chính là mục tiêu chí thiện, nếu mọi người ai cũng hiểu và thực hành như thế thì sẽ làm cho toàn thế giới hòa bình an lạc. Vừa rồi, tôi có trình bày sơ lược về giáo dục của Phật giáo và Nho giáo. Nhân đây, hy vọng quý vị hiểu nhiều hơn về giáo dục của Phật giáo và Nho giáo. Khi hiểu rõ tư tưởng Phật giáo và Nho giáo, sẽ giúp cho quý vị rất nhiều điều lợi ích trong cuộc sống sinh hoạt của mình. Tiếp theo tôi sẽ trình bày quý vị hiểu về tinh thần “tôn sư trọng đạo” và từng câu hỏi của A-nan và lời giải thích của đức Phật .

Câu: “Những người thế gian và đệ tử”. Ở đây nói về những người thế gian như anh em, bạn bè v.v... Còn

nói đệ tử là chỉ những học sinh đang học mà có “tâm ý độc ác”. Đó là tâm khinh mạn, sân hận, tật đố, phản bội, mưu hại v.v... đều là hành vi ác độc rất nặng.

“Đạo đức” theo sách Lễ Ký nói rằng: “Đạo là chỉ sự vận hành của vạn vật. Đức là nói về lý bao trùm tất cả vạn sự, từ vật nhỏ đến tất cả vật lớn”.

– “Đạo” phạm phu ai cũng đạt đều đạt được, nhưng muốn đạt được, điều trước tiên phải hoàn thiện nhân cách, sau mới hoàn bị tư cách của bậc thánh nhân. Mà biểu hiện qua các sự vật, sự việc, hằng ngày là đạo.

– “Đức” là người thực hành đạo đức từ nơi nội tâm. Phật giáo lấy giới định tuệ làm căn bản cho việc tu đức. Nhà Nho là ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) làm nền tảng cho việc tu đức.

Theo tinh thần giáo dục, nhà Nho và nhà Phật đều chú trọng đến đạo đức làm cội gốc. Hầu dạy dỗ mọi người lấy đó để lập thân. Thiền sư Minh Giáo đời nhà Tống nói rằng: “Tôn chẳng gì tôn bằng Đạo, đẹp chẳng gì đẹp bằng Đức, người có đạo đức dù là kẻ bình dân cũng không nghèo”.

Người không tích chứa đạo đức, dù làm vua ở trong thiên hạ cũng chẳng được (ý nói làm thiên tử, dân dục, bạo ác cũng không bằng người bình dân có đạo đức). Nói tóm lại tu dưỡng Giới – Định – Huệ hoặc thực hành hiếu đễ, trung tín đều gọi là người đạo đức. Thầy giáo là người đại biểu cho đạo đức, học sinh cần phải

kính quý thầy như quốc bảo. Vì khả năng và trình độ của người thầy có thể dạy dỗ làm cho học sinh tăng trưởng về trí tuệ đạo đức. Tương lai đem lại lợi lạc, hạnh phúc cho nhân quần xã hội. Nên công đức của vị thầy rất lớn.

A-nan lại hỏi rằng: “Nếu là người thế gian, hoặc là những học sinh mà có ý không tốt với thầy giáo, hoặc ác ý với người có đạo đức thì tội đó như thế nào ?”

Kinh văn Phật bảo A-nan, phàm làm người, phải hoan hỷ kính mến khi thấy người khác làm việc thiện, không nên có tâm ganh tỵ ghen ghét. Người có ác tâm, ác ý đối với thầy hoặc người đạo đức, cũng không khác gì có ác tâm, ác ý đối với Phật.

Giảng Đoạn này Phật đưa ra ba phần để giải thích những thắc mắc của A-nan.

Thứ nhất: Người có tâm ý xấu ác đối với thầy giáo và bậc thiện tri thức.

Thứ hai: Đưa ra những ví dụ về những người có tâm ý ác với thầy giáo và người hiền.

Thứ ba: Nói rõ những điều thiện, cảm ứng đến trời đất, nên thận trọng chớ có ganh tỵ tật đố.

Phật bảo A-nan: “Phàm làm người phải biết phải hoan hỷ kính mến khi thấy người khác làm việc thiện, không nên có tâm ganh tỵ ghen ghét”. Tiêu chuẩn của việc thiện, phần trước tôi có giảng qua rồi. Người Phật tử chúng ta, muốn thực hiện điều thiện một cách đúng

đẫn, phải theo đúng tinh thần của Phật dạy. Đó là hành trì năm giới, thập thiện giới. Điều thiện nhà Nho nói đến là nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Đây là mục thước vô cùng trọng yếu. Sách Lễ Ký nói rằng: “Tu sửa hành vi lời nói gọi là hành thiện”.

Đại sư Trung Phong nói rằng: “Làm lợi ích cho người gọi là thiện, làm lợi ích cho mình gọi là ác. Vì lợi ích cho người dù đánh người chửi người cũng là thiện. Vì lợi ích cho mình dù kính người, lễ người cũng là ác”. Cho nên các bậc cổ nhân làm việc thiện vì lợi người và công bình. Công bình mới đúng là chân thiện, còn lo lợi cho riêng mình, tự tư tự lợi đó là giả thiện. Người xưa nói: “Người làm việc thiện, không tính kết quả hiện tại, không sợ điều thị phi, không luận là làm một thời, làm lâu dài, hay làm một đời, mà phải nói bao trùm tận hư không cõi giới chúng sanh”.

Bây giờ chúng ta làm thiện nhưng bên trong lại muốn hại người, vì cầu danh, vì phô trương hình thức bề ngoài. Như vậy thật chẳng phải là thiện. Còn hiện tại, bề ngoài tuy chẳng làm thiện, nhưng lúc nào cũng có tâm giúp người, hoan hỷ khi thấy người khác làm thiện. Nhìn họ không làm thiện, nhưng thật tế đó là chân thiện.

Liễu Phạm tiên sinh nói: “Số người làm việc thiện thì ít, còn người không làm việc thiện lại nhiều. Ở thế gian này khó gặp người nào là chân thiện. Thường những người thông minh lanh lợi thì hay có tâm đấu tranh, tâm

cao ngạo chẳng nhún nhường tu sửa. Nếu họ làm việc mà bị chỉ trích thì hay bỏ cuộc, nên dễ dẫn đến sự thất bại. Thông thường người làm việc thiện cũng dễ bị hủy báng, chỉ trích. Chỉ có người có lòng nhân từ cao thượng, coi những lời hủy báng đó như là lời để tu sửa cho chính mình thì họ thành công rất lớn”. Do đây, chúng ta biết, người có thiện tâm, thiện chí làm việc thiện, khi công đức của họ đầy đủ thì họ có thể làm vị thầy dẫn dắt, giáo hóa, cho toàn thể chúng sanh, giúp mọi người biết sống lễ phép và kính trọng nhau, đem lại sự an định cho xã hội và lợi ích quốc gia. Họ như ngọn đèn thấp sáng giữa màn đêm, là kim chỉ nam hướng con tàu trên biển cả không bao giờ lầm đường lạc lối được. Do vậy, chúng ta luôn nghĩ đến việc tốt, cùng người làm việc tốt, mong mọi người ai cũng thành người tốt. Trừ bỏ tâm ganh tỵ, đố kỵ làm chướng ngại mọi việc làm tốt lành của họ.

“Người có tâm ý ác, muốn mưu hại người đạo đức và những vị thầy hiền, thì cũng như hại Phật, không khác”. Người không học Phật, dễ bị rơi vào nhân quả báo ứng một cách nghiêm trọng, vì hủy báng chê bai, mưu hại Phật Thánh. Phước đức của một vị Phật, không lấy gì sánh bằng, bàn nói không thể hết, năng lực giáo hóa của Phật ảnh hưởng rất lớn, sức lan tỏa khắp tận hư không pháp giới. Do đó ngài A-nan ở trước Phật luôn tôn xưng Phật là “Thầy của trời người”, vì Phật là bậc thầy dẫn đường cho tất cả chúng sanh. Người nào khởi tâm ý xấu ác hại Phật, thì bị đọa vào địa ngục vô gián đến muôn ngàn kiếp khó có ngày ra khỏi . Khi rõ được

đạo lý này, đối với từng câu từng chữ mà đức Phật nói ra, chúng ta nên thận trọng, không nên vi phạm. Tại sao những người đạo đức ở thế gian hoặc những vị thầy ở thế gian không phải là Phật, nhưng ai có tâm ý muốn hại cũng giống như hại Phật, không khác? Điều này, chúng ta nên biết, đối với một vị thầy hoặc một vị có tâm hiền lành đạo đức mà ai có tâm ý mưu hại, thì cũng như sát hại chư Phật. Sát hại tất cả chúng sanh đồng như tiêu diệt Phật pháp. Thân mạng chúng ta có được là do cha mẹ, huệ mạng chúng ta có được là từ nơi thầy dạy dỗ. Vì vậy ân đức của thầy cũng giống như ân đức của cha mẹ. Sách Lễ Ký nói: “Đệ tử kính trọng thầy, thì không vi phạm, không đối trá, luôn lắng nghe lời thầy chỉ dạy, siêng năng học hỏi hầu thầy chu đáo. Thầy chết phải để tang ba năm”. Bậc thầy có đạo đức tâm hạnh cũng giống như tâm của Phật, cho nên được các chư thiên quỷ thần cùng các loài kính trọng luôn theo học hỏi. Công hạnh giáo hóa của các vị thầy rất lớn, giúp cho mọi loài có trí tuệ hiểu biết, nên công đức, phước đức của các ngài không thể nói hết được.

Kinh văn *Thà tự mình đeo ngàn vạn cân đá lớn trên thân, chứ tuyệt đối không có tâm ý độc ác để mưu hại thầy và những người đạo đức. Phật hỏi A-nan: “Tự mình mang như thế có khổ không?”. A-nan thưa: “Bạch Thế tôn, khổ lắm! khổ lắm!”. Phật nói: “Người ôm tâm ác độc muốn mưu hại người đạo đức, hại thầy, nỗi đau khổ còn khốc liệt hơn ngàn vạn lần mang đá”.*

Giảng Đoạn này đức Phật đưa ra ví dụ nói rõ những người có tâm ý độc ác, muốn mưu hại thầy giáo và những người đạo đức. Đoạn này rất dễ hiểu, Phật nói thà mang ngàn vạn cân đá lớn trên thân mình, tuyệt đối không có tâm ý mưu hại người đạo đức, mưu hại thầy giáo. Thời xưa 120 cân là một thạch, vạn thạch, chúng ta hình dung sức nặng còn như thế nào? Mà mang như thế trải qua thời gian rất dài. Đức Phật dùng ví dụ này để khuyên nhắc mọi người không nên tạo ra những ác nghiệp mà bị đọa lạc, để rồi chịu những quả báo khổ đau. Tiếp theo Phật nói : “A-nan, tự mình mang ngàn vạn cân đá như thế có khổ không?”. A-Nan thưa Thế Tôn: “Khổ lắm, khổ lắm!”.

Phật nói: Nếu như người có tâm ý ác độc mưu hại các bậc thiện tri thức cũng như những người đạo đức thì sẽ bị quả báo thống khổ như thế. Bởi vì nổi khổ mang đá trên vai chỉ khổ một đời, một lúc. Còn nổi thống khổ ở địa ngục tới ngàn vạn năm không ngày ra khỏi được, đức Phật lấy đá để ví dụ, thay lời khuyên nhắc. Không nên có tâm ý mưu hại các bậc tri thức, cũng như những người chân tu đạo đức.

Kinh văn *Làm người hoặc đệ tử, không nên có tâm ngạo mạn coi thường thầy mình. Không có tâm ý ác độc hại người đạo đức, coi những vị này giống như Phật, không có tâm xem thường, tạt đổ. Thấy người làm việc thiện, tâm mình vui vẻ. Người giữ gìn giới pháp đạo đức của họ, cảm ứng đến chư thiên, trời rồng, quỷ thần, vậy*

không thể không tôn kính. Thà thân bị lửa dữ thiêu đốt, đao bén xẻ thịt, thận trọng chớ ganh tỵ, ghen ghét người hiền. Tội đó rất nặng. Phải thận trọng! thận trọng!

Giải: Đoạn này, Phật nói chúng ta biết, những người có tâm thiện, làm việc thiện thường cảm động đến chư thiên, quỷ thần. Chúng ta phải thận trọng, chớ khởi tâm ganh tỵ đố kỵ.

Đặc biệt đoạn kinh này, Phật nói về bốn phận người đệ tử. Đệ tử tuyệt đối không có tâm ngạo mạn, xem thường thầy mình và mưu hại người đạo đức. Phải có tâm kính trọng thầy và những bậc đạo đức, xem các ngài như Phật, Bồ tát không khác. Câu “thấy người làm việc thiện, tâm mình vui vẻ”. Đây là tu tập tâm tùy hỷ, khi thấy người khác làm các công đức mà mình vui mừng theo, lại còn nỗ lực, hỗ trợ giúp họ hoàn thành những công việc thiện, như thân cung kính, miệng tán thán, ý vui mừng. Như vậy người đem tài vật ra bố thí cúng dường, chúng ta hoan hỷ tán thán như thế thì công đức hai người bằng nhau. Giống như công dụng báo giờ của đồng hồ, do từng linh kiện, từng bộ phận ráp lại thành chiếc đồng hồ. Thì mỗi bộ phận đều có công dụng, công đức để cùng nhau hoàn thành việc báo giờ. Trợ giúp người làm việc thiện, thì công đức hai người ngang nhau. Vậy tại sao chúng ta chẳng muốn làm thiện? Phật nói : “Người trì giới thanh tịnh, đức hạnh của vị đó có thể cảm ứng đến chư thiên quỷ thần, ai ai cũng tôn kính”. Giống như ngài Đạo Tuyên luật sư đời

nhà Đường. Ngài tu trì giới luật rất nghiêm mật, nên cảm ứng đến Tứ Thiên Vương. Tất cả chư thiên luôn theo hầu và cúng dường thức ăn cho Ngài vào giờ Ngọ trai. Kinh Pháp Hoa nói rằng: “Nếu ai trì giới Cụ túc thanh tịnh thì tất cả các Như Lai ở mười phương đồng tán thán khen ngợi”, được tất cả quỷ thần cung kính theo phò trì gia hộ. Phật nói: “Thà gieo mình vào lửa dữ thiêu chết, dùng dao bén xẻ thịt đến chết, không bao giờ có ý mưu hại các bậc Thánh hiền. Chúng ta thận trọng và cẩn thận điều này, chớ có tâm ganh tỵ đố kỵ. Nếu có hành vi và việc làm như thế, thì tội không thể nhỏ. Trong Tông Cảnh Lục nói rất rõ về quả báo của những ai có tâm đố kỵ đối với bậc Thánh hiền, ganh tỵ những người làm việc thiện.

Chú thích: Đạo Tuyên luật sư là một vị cao tăng sống vào đời nhà Đường. Ngài còn có pháp hiệu là: Nam Sơn luật sư. Nam Sơn đại sư sinh ra ở vùng đất Đan Hồ. Năm 16 tuổi xuất gia học đạo. Vào năm Đại Nghiệp, đời nhà Tùy, ngài theo pháp sư Trí Thủ thọ giới Cụ túc. Đến năm Vũ Đức, đời Đường, ngài ở chùa Tây Minh. Ngài là một bậc cao tăng có công rất lớn trong việc truyền bá giới luật, cũng được tôn xưng là vị tổ của phái Luật tông.

Kinh văn A-nan bạch Phật: “Làm thầy có được quyền trách phạt đệ tử khi sai phạm không? Đệ tử có lỗi nhỏ lại làm cho lớn. Vậy người thầy đó có tội hay không?” Phật dạy: “Không nên như thế; không nên như thế! Tình thầy trò tự nhiên cảm ứng. Sâu đậm như người thân mình.”

Giảng Đoạn này chúng ta thấy A-nan đặt câu hỏi rất hay, đặc biệt cho thời mạt pháp khi cách Phật khá xa. Xã hội hiện thời có một vị thầy hiền giỏi sáng suốt đầy đủ tài năng, thật chẳng dễ dàng. Thời bây giờ việc giáo dục phổ cập rất nhiều so với nền giáo dục thời xưa. Trường học, học sinh và thầy giáo cũng nhiều nên việc giảng dạy của thầy giáo, tương đối dễ dàng quán xuyên học sinh học tập chặt chẽ hơn. Tình thầy trò giống như tình cha con, thầy giáo la trách học sinh không đúng lý, quả thật rất ít thấy. Thầy mất đi, học trò luôn thương tiếc, nhớ mãi ân đức thầy đã truyền dạy cho mình. Trường học thời bây giờ, cũng có những điểm giống và khác so với thời xưa. Khi nghe những lời A-nan hỏi, chúng ta thấy cũng không có gì phải ngạc nhiên cả. Vì hơn ba ngàn năm trước trong quá trình học tập, cũng phát sinh ra những sự việc giống như thời bây giờ. Cho nên tôn giả A-nan đưa ra vấn đề này để thừa thỉnh đức Phật giải thích.

A-nan hỏi: “Làm một vị thầy, có quyền trách phạt, khi đệ tử sai phạm không? Đệ tử có lỗi nhỏ lại làm cho lớn. Vậy vị thầy đó có tội hay không?”

Phật nói: “Không thể được, làm một vị thầy khi chưa rõ ràng sự việc, thì không thể tùy tiện trách phạt học trò, cũng không thể từ một lỗi nhỏ của học trò mà làm cho lớn ra. “Nghĩa thầy trò cảm ứng tự nhiên”. Ở đây nói ân đức tình nghĩa thầy trò hòa hợp với tính đức, thuận với tự nhiên, hòa quyện và giao cảm rất thâm tình. Ôn thầy giống như xương như thịt, thấm đậm hơn tình

ruột thịt cốt nhục. Cho nên giữa thầy và trò cùng học hỏi, luôn sống trọn đạo thầy trò. Học trò xem thầy như người cha, như anh của mình. Thầy yêu thương học trò như con như em. Đức Phật là một bậc thầy với lòng từ bi thương yêu khắp tất cả chúng sanh. Ngài dùng từng lời nói để giáo dục chúng sanh. Mong muốn tất cả mọi loài luôn đạt được những điều thánh thiện. Bậc cha mẹ, thầy giáo, huynh trưởng là những người đi trước, cần phải biết những cái được, cái mất. Những sai lầm thất bại, những thành công v.v... của cả một đời mình đã đi qua, đem những kinh nghiệm đó chỉ dạy lại cho con em mình. Người xưa nói: “Những thất bại của người trước, là những điều răn dạy cho người sau”. Đây là điều mong muốn của lớp người đi trước, muốn thế hệ sau vươn lên thành tựu nhiều hơn lớp người đi trước, vượt lên trên thời đại, thành tựu mọi công việc một cách vĩ đại. Đây là kết quả của việc giáo dục, giúp mọi người đều có một tấm lòng nhân ái, và đạt được hạnh phúc một cách trọn vẹn. Do vậy bổn phận của người con, người học trò, nhất định phải biết ân đức anh em, cha mẹ, sư trưởng.

Kinh văn Dạy không đúng lý, dạy không hợp với đạo, mình không thực hành, chớ bảo người khác làm. Phải tôn trọng giới luật, không thì người khác oán trách.

Giảng Đoạn này nói rõ, thầy dạy học trò, phải đúng quy củ hợp với chánh đạo, đúng với chánh lý. Bởi vì người trao truyền kiến thức rất quan trọng, nếu dạy không đúng sẽ khiến học trò ô mê oán hận.

“Dạy không đúng lý”. Học sinh vi phạm những điều sai lầm, tất nhiên thầy giáo phải la rầy quả trách, nhưng không nên la rầy trong sự sân hận vô cớ. Mọi việc phải bắt nguồn từ nơi lòng yêu thương vì sự thành tựu của thế hệ kế thừa. Mục đích của người thầy làm sao để cho học trò thấy được những lỗi lầm mà cải đổi. Đây là trách nhiệm cũng là việc thiện hết sức lớn.

“Dạy phải hợp với đạo”. Con người có những điểm đặc biệt hơn các loài động vật con người thông minh, có sức tiếp nhận hiểu biết cao hơn. Đặc biệt là về đạo lý. Lý là chân lý, thiên lý, tính lý, nên các bậc hiền thánh xưa nay vận hành những quy tắc đó vào cuộc sống để sống hợp với đại Đạo. Các bậc Nho gia, thì lấy “Tam cương ngũ thường” áp dụng vào cuộc sống của mình. Còn người Phật tử, muốn sống hợp với đạo Đạo, đúng chánh pháp, phải áp dụng năm giới, thập thiện giới vào trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta. Nhờ vậy mới thành tựu được tam vô lậu học, tức là “Giới Định Huệ”. Thực hành được lục độ vạn hạnh, minh tâm kiến tánh, chúng ta mới sống hợp với đại Đạo. Ngày nay với sự phát triển mạnh mẽ khoa học đã phát minh ra rất nhiều công nghệ tiên tiến hiện đại. Điều trọng yếu là cần phải biết học lễ, hành đại đạo thì nền khoa học đó mới thực sự tạo ra phước báu cho toàn thể nhân loại. Còn thiếu phần đó đi thì rất quy hiểm cho nhân loại, vì họ sẽ chế tạo ra các loại vũ khí giết người hàng loạt, làm tiêu diệt thế giới, tội đó thật vô lượng vô biên tội nghiệp. Do vậy, giáo dục cần làm thế nào để mọi người tiếp nhận

được phong cách đạo đức và đời sống trong lành để lợi mình lợi người. Nền giáo dục như thế gọi là phước huệ viên mãn đem lại cho toàn thể nhân loại một nền hòa bình an lạc thật sự.

“Mình không làm, chớ bảo người khác làm, phải tôn trọng giới luật, không thì người khác oán trách”. Nhà Nho nói về lễ, Phật nói về giới luật. “Giới luật Nghi lễ,” là môn học nói về đạo đức rất thực tiễn giúp con người sống hợp với đại Đạo, hoàn thiện được nhân cách cảm nhận được hạnh phúc chân thực. Bởi vậy Phật, Bồ tát và các bậc Thánh luôn tôn trọng lễ nghi, giới luật, nên các Ngài hoàng dương không mỗi một. Thời xưa, các bậc tiền nhân Ở Trung Quốc dạy rằng: “Muốn ngoại giao các nước được tốt đẹp, điều trước tiên phải dùng lễ nghi. Một quốc gia muốn cho hòa bình hạnh phúc, thì phải dạy mọi người hiểu biết về lễ nghi. Xã hội đó nhất định hòa bình an lạc”.

“Lễ nghi - Giới luật” dạy cho con người phép lịch sự và đức hạnh chân thật. Mục đích của giới luật và lễ nghi là giúp con người trở về cội gốc, tức là bản tâm thanh tịnh vốn có xưa nay của họ. Ngày xưa trước khi học sinh vào trường học phải làm qua các công việc: gánh nước, quét nhà, hầu thầy. Khi học, điều trước tiên phải học thuộc lòng từng câu từng chữ. Còn đối với người xuất gia học đạo thì năm năm đầu phải học thông về phần giới luật căn bản, rồi mới bước vào học kinh luận. Chúng ta có thành công các việc đại sự, đều xuất

phát từ cội gốc tu học lễ nghi và giới luật. Đây là điểm vô cùng trọng yếu cần phải chú ý.

Khi có nền tảng kiến thức vững vàng, thì chúng ta sử dụng trọn đời cũng không hết, đó không phải là trí tuệ phát sáng sao? Khi phước trí đầy đủ, lúc đó chúng ta sẽ làm lợi lạc và lợi ích cho quốc gia xã hội. Nhà Nho và Phật cũng thế, khi nhân duyên đầy đủ, các ngài giáo hóa và làm vô lượng công đức để lợi lạc chúng sanh. Tâm các Ngài được an định, lý các Ngài được tỏ suốt thì làm gì có oán đối, có bất bình ?

Khổng Tử nói: “Người không biết, mà đi oán hận họ, như vậy có đúng là bậc quân tử không ?” Học đạo hiểu ra được điểm này gọi là đắc đạo, muốn đạt được chỗ này, điều căn bản đầu tiên phải có “Lễ nghi - Giới luật”. Lễ là gốc của sự hòa thuận, luật là cội gốc của sự trang nghiêm, lịch sự. Học và hành cần phải đi đôi mới đúng là “học mà thường thực tập, há không vui sao ?”.

Kinh văn Đệ tử cũng vậy, phải có ân nghĩa chân thành với thầy. Làm thầy có bốn phận của người thầy, coi đệ tử như con. Chớ chê bai hủy báng nhau, ôm lòng độc hại đưa đến oán hận. Để rồi từ lỗi nhỏ thành lỗi lớn, tự mình làm thiêu đốt thân mình.

Giảng Đoạn này Phật ân cần nhắc nhở thầy và trò không nên chê bai hủy báng lẫn nhau.

“Đệ tử cũng vậy”. Câu này nói làm bốn phận một người học trò, điều trước tiên phải có tâm tôn kính với

thầy, đây là đúng với giới luật, đúng với tinh thần tôn sư trọng đạo. Tình thầy trò ân nghĩa rất sâu đậm. Người thầy phải làm tròn trách nhiệm và bổn phận của một người thầy. Làm học trò cũng vậy, dù thế nào đi nữa, tuyệt đối không được chê bai hủy báng lẫn nhau. “Ôm lòng độc hại oán hận”. Ở đây nói một học trò mà trong lòng, luôn chứa những tâm ý ác độc, muốn hại thầy và người đạo đức thì còn gì phải nói. “Tội nhỏ làm thành tội lớn”. Là nói tư cách người thầy không vì một lỗi nhỏ, một chút sai phạm của người học trò, rồi làm thành tội lớn. Nếu giữa thầy và trò mà có tâm ý ác độc với nhau, thì cuối cùng mỗi người sẽ tự thọ nhận những kết quả không tốt nơi chính mình. Cho nên Phật nói: “Trở lại thiêu đốt thân mình”.

Người xưa nói:

“Nhìn bạn sẽ biết được người,

Nhìn thầy sẽ biết được trò

Nhìn trò sẽ biết được thầy.

Đây là đạo lý rất rõ ràng, người nào hay đi nói chuyện thị phi, tốt xấu, thật chẳng phải là người chân thật.

Tiên sinh Dương Minh nói: “*Bạn bè ở cùng chỗ thường thấy lỗi ở chính mình, do đó mới hóa giải được lỗi người*”. Người học đạo, trước tiên phải tìm thấy lỗi mình trước mới tiến đạo được

Kinh văn: Làm người đệ tử, nên hiếu thuận với các sư trưởng, thận trọng không khởi tâm ý ác với thầy.

Ác ý với thầy cũng như ác ý đối với Phật, Pháp, Tăng, với cha mẹ không khác. Tội này trời không dung, đất không tha.

Giảng: Đoạn này Phật nói bốn phận làm một người thầy. Bốn phận làm một học trò mà trái lại lời thầy dạy, kết quả là đồng với tội hại thầy phản đạo.

Các bậc cổ đức nói : “Quy y Phật, không đọa địa ngục. Quy y Pháp, không đọa ngạ quỷ. Quy y Tăng không đọa bàng sanh. Vì sao vậy ? Vì Phật là bậc vô thượng y vương. Pháp là vị thuốc hay để chữa bệnh. Tăng là những bậc thiện tri thức, là ruộng phước thanh tịnh. Nếu học trò làm trái lại là tà, còn làm đúng tư cách người học đạo là chánh. Muốn đắc đạo phải dựa vào lời đức Phật dạy, làm ngược lại thì không còn gì phải nói. Phật nói, nếu chúng sanh không quy y Tam bảo, vĩnh kiếp đọa vào trong tam ác đạo.

Đức Lục tổ Huệ Năng nói: “Phật là giác, Pháp là chánh, Tăng là tịnh. Quy y giác, đầy đủ phước trí, thật đáng tôn quý. Quy y chánh, xa lìa dục vọng, thật đáng tôn quý. Quy y tịnh, là nương tựa vào đoàn thể thanh tịnh, thật đáng tôn quý”. Từ nay về sau, ta lấy giác làm thầy, những tà kiến si mê, không cho phát sanh nữa. Quy y chánh, là từ nơi tự tâm của chúng ta, mỗi niệm không tà kiến. Do không tà kiến thì không cống cao ngạo mạn, nhân ngã, tham ái chấp trước. Đó gọi là ly dục tôn quý. Quy y tịnh, là tất cả chúng ta, tâm không chạy theo cảnh trần ái dục nhiễm ô. Giữ tâm ý thanh

tịnh, được như thế gọi là đoàn thể thanh tịnh tôn quý. Chúng ta tu hành, nên quy y tự tính Tam bảo, sẽ được Tam bảo chứng minh. Lại nói “phàm phu” không thể hội được ý này. Khi ta thọ tam quy ngũ giới rồi, từ sáng đến tối, nói quy y Phật, vậy Phật ở đâu ? Nếu không thấy Phật, thì quy y chỗ nào ? Nếu nói thì vọng tưởng. Các bậc tiền bối thường quán chiếu chính mình, không dụng tâm sai lệch. Kinh nói rõ: “Tự quy y Phật, tức là không quy y Phật ở bên ngoài. Tự mình là Phật, không quy y Phật ở bên ngoài. Không chỗ nương dựa, vì nay đã tỏ ngộ tự mình quy y. Tự mình là Tam bảo, bên trong điều hòa tâm tính, bên ngoài tôn kính người khác. Đó là tự quy y”.

Định nghĩa Tam bảo và nói thế nào là quy y?

Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục tổ Huệ Năng nói rõ ràng vấn đề này, giúp chúng ta hiểu và có tâm tôn kính chí thành đối với đức Phật. Vì thân mạng chúng ta có được là từ nơi cha mẹ. Huệ mạng chúng ta có được là từ nơi sư trưởng. Cho nên bốn phận làm một học trò phải có lòng hiếu thuận và kính trọng cha mẹ sư trưởng. Thận trọng trong mọi cử chỉ, hành vi xấu ác với sư trưởng. Nếu có tâm ý xấu ác thì hành vi đó cũng như hủy báng Phật, Pháp, Tăng không khác. Người mà không hiếu thuận cha mẹ thì mọi người xa lánh, quỷ thần oán ghét, trời không dung, đất không tha. Đây là lời Phật đã giải thích cho A-nan về bốn phận giữa thầy và trò.

Kinh văn Đòi mạng pháp nhiều người làm ác, bất trung, bất hiếu, không nhân nghĩa, không hiếu thuận, không trọn đạo làm người.

Giảng Phần trước nói về bốn phạm thầy trò. Quý vị nên biết, chúng ta sống vào thời này là ngay thời mạng pháp (tính từ lúc Phật diệt độ, trải qua 2000 ngàn năm gọi là thời kỳ mạng pháp). Lễ nghi xã hội càng ngày càng quên lãng, tinh thần tôn sùng trọng đạo cũng giảm. Đây là tình hình chung của xã hội. Nghĩ thật đáng thương xót.

Phật nói ra sự việc này, với lòng thương xót tất cả chúng sanh ở vào thời mạng pháp. Chúng ta cách Phật khá xa, sự tu hành giảm sút rất nhiều, tinh thần giới luật, lễ nghi Phật giáo cũng theo đó dần đi xuống. Chúng sanh do vọng nghiệp nên gây tạo nhiều điều ác. Điều này trong kinh đức Phật nói cách đây hơn 3000 ngàn năm trước. Ngài đã dùng Phật nhãn quán sát và biết trước tất cả sự việc một cách rõ ràng, đích xác như xảy ra ở trong lòng bàn tay.

Phần này, Phật nói những người ác ở thời mạng pháp, ở đây phân ra bốn loại người:

- Thứ nhất: Bất trung. Một quốc gia muốn hòa bình hưng thịnh, phải lấy dân làm gốc. Dân phải tôn kính vua. Bề tôi phải tận trung với nước. Làm bậc nguyên thủ cùng các hàng lãnh đạo của một nước mà không tận trung với quốc gia, là một đại ác.

- Thứ hai: Bất hiếu. Gia đình cha mẹ là bậc tôn kính, cho nên hiếu kính là điều trước tiên. Phật nói:

“Nếu một người trong một trăm năm, vai trái cõng cha, vai phải cõng mẹ, làm rất nhiều việc lợi ích, đem những trân bảo quý hiếm thức ăn y phục dâng cúng cho cha mẹ, cũng chẳng báo trả hết ân sâu lớn của cha mẹ. Vì vậy đức Phật khuyên nhắc các thầy Tỳ-kheo rằng: “Từ nay các ông siêng năng tinh tấn tu hành, cúng dường cha mẹ. Nếu không làm được như thế, tội rất sâu nặng”. Cho nên bổn phận làm một người con mà không hiếu thảo cha mẹ là một đại ác.

- Thứ ba: Không nhân nghĩa. Đây nói về xã hội. Chúng ta phải luôn luôn kính trọng mọi người, làm điều nhân nghĩa. “Lòng nhân” chính là tâm từ bi thương yêu cứu giúp tất cả chúng sanh. Làm việc gì cũng hợp tình hợp lý, gọi là “nghĩa”. Sống trong một cộng đồng, một xã hội mà đối xử với nhau không nhân không nghĩa là đại ác.

- Thứ tư: Không thuận đạo. Ở đây nói về đạo làm người. Khổng Tử nói về nhân, lễ, nghĩa, trí, tín; cha hiền con hiếu, anh hiền em thuận, tình chồng nghĩa vợ... Làm người lớn phải quang minh chánh đại, người nhỏ phải kính trọng lễ phép, nhu thuận vâng lời người trên. Vua phải nhân đức, thần phải trung tín. Nhà Phật nói về năm giới, thập thiện giới, đều dạy về đạo đức làm người. Sách Tả truyện nói: “Mọi người mà phế bỏ Tam cương(*vua, thầy và cha*) ngũ thường (*nhân, lễ, nghĩa, trí, tín*) thì sẽ thành yêu ma”. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Giới luật là cội gốc của đạo đức. Phá giới luật thì yêu tà càng ngày càng thịnh hành ở thế gian”.

Nếu người vứt bỏ Tam cương ngũ thường, phá bỏ giới luật, thì không hoàn thiện nhân cách, không hợp với đại đạo. Đây là việc ác thứ tư. Phật nói: “Vào thời mạt pháp, ở thế gian hạng người ác như thế rất nhiều và ở trong Phật pháp, người xuất gia tu hành không đúng chánh pháp cũng không ít”.

Kinh văn Tỳ kheo thời mạt pháp, ở trong tứ chúng, thường nhìn lỗi người, tự mình tạo tội mà không chịu dừng lại soi xét nơi chính mình.

Giảng Đoạn này Phật nói tỳ kheo thời mạt pháp, phần nhiều làm những việc không đúng pháp. Kinh Lăng Nghiêm, quyển thứ sáu có nói: “Tỳ kheo thời mạt pháp” và kinh này cũng nói về các “Tỳ kheo thời mạt pháp”. Tức là nói những người tu hành đạo tâm bại hoại, làm việc của ma, giả dạng lên lỗi vào cửa Phật, trà trộn vào chốn thanh tịnh, mang hình tướng xuất gia lo tranh giành chức vị trong chùa, phá hoại đạo pháp. Cho nên nói trùng sư tử ăn thịt sư tử.

“Tứ chúng” chỉ cho bốn chúng đệ tử Phật, hàng xuất gia, gồm có Tỳ kheo, Tỳ-kheo ni, Phật tử nam và Phật tử nữ. “Thường nhìn thấy lỗi người khác, tự mình tạo tội mà không chịu dừng lại”. Ở đây nói, luôn thấy lỗi người khác, còn mình làm vô số hạnh ác, vi phạm cấm giới mà không biết, không chịu dừng, chẳng chịu phản tỉnh hành vi việc làm của mình. Dù gặp bạn hiền, thầy tốt khuyên răn cũng không biết hồi đầu, không chịu ăn năn cải đổi. Kinh nói: “Ganh tỵ bậc hiền, lại cản

ngăn người làm việc thiện, tự họ làm những việc bại hoại”. Câu này nói, đem lòng ganh tỵ các bậc hiền, cản trở người làm việc thiện. Bậc hiền là nói chung cho những người đạo đức chân chánh tu hành, luôn luôn nghĩ đến lợi ích cho mọi người, kẻ ác thấy họ làm những việc thiện như thế, lại sanh tâm đố kỵ giống như bọn tà ma tìm cách quấy phá cản trở. Vì bọn chúng chỉ chuyên lo tự tư tự lợi, không có một ý niệm thiện để cứu giúp người khác. Nên Phật nói “Không nghĩ đến việc thiện, ngang ngược, ganh tỵ bậc hiền”. Câu này nói những người mà trong tâm họ không bao giờ nghĩ đến việc thiện, ngang ngược hủy báng những lời bậc thánh hiền giảng dạy, làm những việc vô đạo. Lão Tử nói: “Người ngang ngược, chết bất đắc kỳ tử” Kinh nói, ganh tỵ bậc hiền là làm những việc đại ác. “Chẳng chịu làm điều lành. Lại chê bai hủy báng, mưu hại mọi người”, hai câu này, nói người xuất gia phải có trách nhiệm hoằng dương Phật pháp, làm lợi ích cho chúng sanh. Nếu tự mình đã không làm được việc này, không biết tầm quý, hổ thẹn, ngược lại còn phá hoại, cản trở việc hoằng dương Phật pháp của người khác. Đây chẳng phải là làm cho Phật pháp hoại diệt hay sao? Câu kinh: “Đoạn tuyệt đạo tâm. Khiến không được lưu hành”. Câu này nói Tỳ-kheo ở đời mạn pháp, mang hình tướng Tỳ-kheo, nhưng không thông hiểu đạo lý, khiến chúng sanh chìm đắm trong biển khổ sanh tử. Loại Tỳ-kheo này, đều là con của ma giả làm đệ tử Phật, cố ý phá hoại Phật pháp. Chúng ta nên cảnh giác đề phòng. Bên

cạnh đó, còn có rất nhiều người thế tục phá hoại Phật pháp. Cho nên người Phật tử chân chánh phải có trách nhiệm hộ trì chánh pháp, bảo vệ đạo pháp bằng trí tuệ và những phương tiện thiện xảo, khiến cho Phật pháp mãi mãi trường tồn trên thế gian này, làm lợi lạc cho vô số chúng sanh. Đoạn này, nói các Tỳ-kheo cố ý mưu hại người khác, cản trở người chân chính tu hành, phá hoại Phật pháp.

Kinh Đuổi theo tham dục tâm thường, mưu cầu lợi dưỡng.

Giảng Hai câu này nói Tỳ-kheo ác ở đời mặt pháp tham cầu lợi dưỡng, theo dòng thế tục. Nói đến xuất gia, trong Phật pháp chia ra làm ba loại:

Thứ nhất : Ra khỏi nhà thế tục, tức nhà cửa, ruộng vườn, tài sản.

Thứ hai : Ra khỏi nhà ngũ dục là; tiền tài, sắc đẹp, danh tiếng, thực ngon, ngủ nghỉ.

Thứ ba : Ra khỏi nhà lục đạo là; cõi trời, người, A tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Nói tóm lại, ta phải xuất ly khỏi ba nhà này. Riêng Đại sư Liên Trì nói có 4 loại :

– Hiện tại ở nhà, thân tâm còn tại gia, ý chưa có xuất gia.

– Thân tuy ở tại nhà, nhưng tâm lại xuất gia. Nghĩa là, người này, tâm ý lúc nào cũng nghĩ đến đạo. Cho nên,

chúng ta thấy phần nhiều các bậc Bồ tát hay thị hiện làm thân trưởng giả, cư sĩ. Các Ngài dùng những phương tiện xảo, hòa nhập để hoá độ chúng sanh.

– Thân tuy xuất gia, mà tâm chưa xuất gia, nghĩa là người này chỉ mang hình tướng của người xuất gia, còn tâm của họ luôn nghĩ đến danh lợi, đam mê ngũ dục như người thế tục không khác. Kinh nói: “Sự nghiệp của họ là tham cầu ngũ dục, chuyên làm những việc thế tục, tham cầu lợi danh, chuyên lo tự tư tự lợi, không đem lại lợi ích cho ai cả, nhất là lợi ích cho mọi loài chúng sanh, thì họ không chịu làm”. Nên kinh nói: “Họ tuy cạo đầu, thọ giới, hình tướng là Tỳ-kheo. Kỳ thật chuyên làm những chuyện của người thế tục, chẳng phải là đệ tử Phật”.

– Thân tâm xuất gia: Nghĩa là người này xuất gia mà không bị các thứ ngũ dục lục trần làm nhiễm ô. Vì họ chuyên tâm hành trì giới luật, từ đó phát sinh ra tam vô lậu học tức là “Giới Định Tuệ”. Chí nguyện chuyên nhất, tinh tấn tu hành, ngộ được bản tâm thanh tịnh. Đây mới thật là đệ tử Phật.

Kinh “Tích chứa tài sản tài, sản bị tiêu tán là đạo tặc cướp tài vật”.

Giảng Ở đây đức Phật quở trách hàng Tỳ-kheo thời mạt pháp rất nặng. Vì sao vậy? Vì xuất gia mà tâm còn tham đắm ngũ dục thế gian, lo tích chứa tài sản cho riêng mình. Thì nhất định sẽ bị tán mất. Tục ngữ nói: “Một nhà giàu sang no ấm, ngàn người oán”. Ở đời còn thế, huống gì là người xuất gia làm đệ tử Phật phải hiểu

và biết rõ việc này hơn ai hết. Cần nhận thức rõ về sự lý nhân quả báo ứng. Một chút lợi danh, làm mê mờ đạo tâm, đánh mất tất cả. Thật đáng thương, thật đau đớn thay! Người xuất gia coi trọng tiền tài vật chất hơn việc tu đạo là nghiệp đại trộm cướp. Năm ngoái, tôi giảng kinh ở Hồng Kông, có một Tỳ-kheo tuổi còn khá trẻ, đến cầu xin tôi học giảng kinh và hỏi tôi rằng: “Học như vậy cần có điều kiện gì ?”

Tôi nói vị Tỳ-kheo :

Thứ nhất: Quyết tâm học, không màng danh lợi.

Thứ hai: Không sợ chết đói, không sợ lạnh chết.

Thứ ba: Không bị bát phong lay động, đó là: lợi, suy, hủy, khen, chê, khổ, vui, không oán trời oán người.

Làm được ba điều kiện này thì học đạo, giảng kinh được. Vị đó nghe xong tìm cách thối lui. Nếu đã xuất gia mà không an bền lạc đạo làm sao tu hành để thành tựu đạo nghiệp được? Nhưng thực tế, thời nay người chân thật buông bỏ tiền tài danh lợi, tu học đúng theo chánh pháp của đức Phật, có bao nhiêu người ? Thành ra, phần nhiều tham đắm vào ngũ dục như người thế tục, không khác. Nên Phật nói: “Thật đáng thương xót đối với những hạng người này”. Chúng ta đúng là người đệ tử Phật, phải nghiêm trì giới luật, chân thật tu hành. Điều quan trọng là phải có tinh thần tôn sư trọng đạo. Ham muốn hưởng thụ giàu sang, đối với ta coi như mây như khói vậy !

Nếu không như thế, Phật nói: “Chết đọa vào ác thú, rơi vào đại địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.”

Đoạn kinh này nói, những hàng Tỳ -kheo đó, cuối cùng bị đọa vào tam đồ, ác đạo. Vì sao vậy? Vì xuất gia tu học mà làm những việc không đúng chánh pháp. Thì họ không khác với người ác độc ở thế gian. Khi gây tạo nghiệp bất thiện thì dễ, đến lúc đọa vào tam đồ ác đạo, cũng không khó. Mong rằng tất cả mọi người chúng ta thấy rõ điểm này, nhất định không làm những việc si mê, tà kiến như vậy.

Hai chữ “ác thú” là chỉ cho ba đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. “Đại nê-hoàn” là tiếng Ấn Độ, chính là địa ngục vô gián, địa ngục này rất khổ, khi đọa vào đây muôn ngàn kiếp không có thời kỳ ra khỏi, điều này trong kinh Địa Tạng nói rất rõ.

Kinh Chớ nên như thế, ở thế gian cầu gì ? Cầu cầu báo ân Phật.

Giảng Đoạn này nói người phát tâm xuất gia, không nên mưu cầu danh lợi. Thân xuất gia, mà tâm như người thế tục thì có lợi ích gì cho Phật pháp, cho chúng sanh. Mục đích của người xuất gia, là phải đoạn trừ việc ác, buông bỏ ngũ dục thế gian, sống cuộc đời phạm hạnh. Như vậy người xuất gia luôn nghĩ gì? Đức Phật bảo chúng ta, luôn nghĩ báo ân Phật, trong thời khóa tu tập hằng ngày, có bài kệ hồi hướng, thường nhắc nhở chúng ta “Trên báo bốn trọng ân, dưới cứu ba đường khổ”.

Thế nào là bốn trọng ân?

Thứ nhất: Nghĩ đến nỗi khổ của chúng sanh, Phật luôn khởi tâm thương xót, cứu độ tất cả.

Thứ hai: Báo ân phải tự độ, độ tha, tâm nhu thuận, giống như tâm Phật, hạnh Phật.

Nói tóm lại trong tứ ân, nói cho đúng bao gồm có ân chư Phật, ân cha mẹ, ân sư trưởng, ân quốc gia, ân của tất cả chúng sanh và ân của những người hộ pháp đàn việt (thí chủ). Người muốn cầu quả vị Phật, đầu tiên phải nghĩ đến bốn ân này. Bên trong phải phát nguyện lập công hạnh tu hành, nghiên cứu học hành kinh điển, làm những việc thiện đều vì mục đích cứu khổ chúng sanh. Đó là báo ân vậy.

Kinh nói: “Nên học kinh trì giới, sớm được thành đạo”

Kinh luận là mực thước tăng trưởng tri kiến, hiểu biết. Giới luật là chỗ y cứ để tu sửa hành vi. Mục đích của người tu hành là nghiêm trì giới luật, rõ thông kinh điển, bỏ ác làm thiện, đoạn trừ phiền não, tự mình chứng đạo. Muốn ra khỏi tam giới, nhất định phải cầu đạo, vẫn tự là phương tiện dùng để chuyển tải đạo. Đạo quý ở chỗ chân chánh thực tâm tu hành, học theo Phật và Bồ tát, tự lợi rồi sau lợi tha, làm bậc mô phạm trong đại chúng, mới giáo hóa được mọi người.

Kinh văn: Đạo không thể không học, kinh không thể không tụng, thiện không thể không làm.

Giảng “Đạo” giúp mọi người phá mê khai ngộ, là khổ được vui. Chúng ta nương dựa vào giáo pháp, tu hành đúng chánh pháp thì nhất định sẽ đạt được giải thoát rốt ráo. Người muốn thành tựu được đạo nghiệp, không thể không học. Những lời dạy của các bậc Thánh hiền được ghi lại trong kinh điển, giống như trân bảo quý hiếm cất giữ trong kho. Việc đọc tụng kinh điển rất quan trọng, có xem kinh mới giúp chúng ta khai mở trí huệ. Nhờ có trí huệ mới ta hiểu một cách sâu sắc đầy đủ, chính xác về vũ trụ nhân sinh, sau đó mới tùy duyên làm vô số việc thiện.

“Việc thiện không thể không tu”. Chúng ta phải thực hành phước huệ song tu, vì tu thiện là tích chứa phước đức. Người thế gian nói đem đến “Chân Thiện Mỹ” tức là đem lại hạnh phúc cho mọi người.

Ở trong Phật pháp có câu: “Lưỡng Túc Tôn” là chỉ cho người thành tựu viên mãn cả phước và huệ hơn cả phước cõi người, và cõi trời. Nên được tất cả chúng sanh ngưỡng mộ tôn kính .

Mục đích của đoạn kinh này, nói đến việc học đạo.

Câu thứ nhất nói đến tu đạo là con đường tốt nhất.

Câu thứ hai nói đọc tụng học tập kinh điển đưa đến sự nhận thức hiểu biết tốt nhất.

Câu thứ ba làm việc thiện, giống như phương tiện giao thông, nhanh chóng đưa mọi người đạt đến hạnh phúc mỹ mãn nhất. Ba câu này thật vô cùng trọng yếu.

Nếu làm không được như vậy, thì sự tu học của chúng ta khó có tiến triển. Cũng như chúng ta miệng chỉ nói ăn, nhưng thực tế trong bụng không có gì hết thì quả báo như thế nào ? Không nói quý vị ai cũng biết hết rồi.

Ý câu dưới là khuyên chúng ta nên “Hành Thiện, Bồ Đức”. nói đến thực hành công hạnh độ tha đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh. Đây là việc làm thiện vô cùng lớn lao, là đại phước đức. Cho nên Phật và Bồ tát vào đời hóa độ chúng sanh. Các Ngài rộng tu các hạnh như; lục độ vạn hạnh, tứ nhiếp pháp, gồm bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự và tứ vô lượng tâm, từ bi hỷ xả. Bồ thí cho khắp chúng sanh, khiến cho chúng sanh thấm nhuần được ân đức, thì lúc đó chúng ta rất dễ giáo hóa. Họ còn nói “bồ đức” là nói về các bậc Bồ tát, dùng đại uy đức để cảm hóa chúng sanh, chúng sanh khát ngưỡng uy đức, hiểu Phật pháp, nhất định phải cung kính cầu học và trở thành bậc pháp khí trong Phật pháp.

Chúng ta thấy ở cõi này, chư Phật, Bồ tát từ bi đã dùng vô số phương tiện, ứng hóa thân hòa nhập vào chúng sanh để giáo hóa làm cho muôn loài giác ngộ.

“Tỉnh thức là khổ, vượt ra khỏi sanh tử”. Nói tóm lại người xuất gia luôn tu tạo công đức để báo ân Phật. Chữ “Thức” chỉ cho thần thức mà thông thường người thế gian nói là “linh hồn”. Chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay, tạo nghiệp rồi thọ báo, sinh tử xoay vần trong khắp các nẻo luân hồi, chịu rất nhiều nỗi thống khổ không thể kể hết. Chỉ có Phật pháp mới có thể giúp cho

tất cả chúng sanh định thân, tỉnh tâm thoát khỏi luân hồi, vượt ra ba cõi, đi đến cảnh giới bất sanh bất diệt. Tóm lại đoạn này nói, người xuất gia cầu gì? Cầu tu học giác ngộ, hóa độ chúng sanh, báo ân đức Phật.

***Kinh văn** Gặp bậc hiền lại coi thường, thấy việc thiện dễ hủy báng, từ một lỗi nhỏ trở thành tội lớn, làm sai lệch chánh pháp đánh mất chân lý, tội đó rất nặng. Tội phước rõ ràng, càng nên thận trọng.*

Giảng Đoạn này đức Phật dạy chúng ta, cải đổi tập khí xấu ác, thanh lọc tâm ý. Phần trước tôi có nói qua, điều cần thiết đối với người học Phật, phải thận trọng và luôn tỉnh thức để cải đổi tập khí của mình.

- Thứ nhất: Không được khinh mạn, coi thường bậc hiền thánh, “**gặp bậc hiền lại coi thường**”. Người học đạo, đọc sách thánh hiền, thấy công hạnh các bậc thánh nhân thì xét lại mình có bằng các Ngài không? Nếu không bằng thì sanh lòng hổ thẹn, tôn kính và thiết tha cầu học, dẹp trừ tâm cống cao ngạo mạn, ganh tỵ, đố kỵ. Người nào trong tâm luôn chất chứa những tập khí xấu ác này, thì biết tâm của họ bị bệnh rất nặng, không được bình thường. Phật dạy chúng ta cải đổi tập khí xấu ác nơi tự tâm. Gặp được các bậc Thánh hiền, gặp được thầy tốt phải cung kính học hỏi, lễ bái cúng dường. pháp sư Ấn Tông đời nhà Đường, Ngài là một tấm gương sáng đáng để chúng ta học theo. Trong kinh Pháp Bảo Đàn nói: “Đại sư Huệ Năng sau khi đắc pháp ở Hoàng Mai, qua sông đến vùng Tào Khê tránh nạn, nhưng

không bao lâu, bị kẻ ác phát hiện. Đại sư liền trốn đến Tứ Hội Huyền, vào sống chung trong nhóm thợ săn, trải qua mười lăm năm, một hôm ngài tự nghĩ cơ duyên hoằng pháp đã đến, nên ra hoằng pháp cứu độ chúng sanh, báo Phật ân đức, không nên ở ẩn cả cuộc đời như thế này và Ngài rời khỏi nhóm thợ săn. Đi đến chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu, đang lúc pháp sư Ấn Tông giảng kinh Niết Bàn. Khi ấy gió thổi làm lay động lá phướn treo trước chùa, có một vị tăng nói “Gió động”. Vị Tăng kế bên nói “Phướn động”. Hai vị tranh luận mãi không xong, đại sư Huệ Năng ở ngoài bước vào bên nói: “Chẳng phải gió động, cũng không phải phướn động, mà tâm hai nhân giả động”. Lúc ấy đại chúng đang ngồi thính pháp, nghe đại sư Huệ Năng nói như vậy vô cùng kinh ngạc. Pháp sư Ấn Tông liền từ pháp tòa bước xuống thỉnh ngài lên pháp tòa khai thị đạo lý huyền diệu trong kinh.

Thấy Đại sư Huệ Năng nói năng tuy đơn giản, mà rất khế hợp với đạo lý, không do văn tự giải thuyết, vì thế nên vô cùng bội phục nói rằng: “Nhất định hành giả chẳng phải người thường. Tôi nghe nói y bát của Hoàng Mai đã truyền về phương Nam, có phải chính Ngài không?”. Khi ấy đại sư Huệ Năng đang còn hình tướng cư sĩ, nên Pháp sư Ấn Tông gọi Ngài là “hành giả”. Đại sư Ấn Tông cùng đệ tử chấp tay đánh lễ, thỉnh Ngài truyền thọ chỉ giáo. Lục Tổ nói: “chẳng truyền thọ chỉ luận về thấy tánh, chẳng luận thiền định và giải thoát”.

Ngài Ấn Tông hỏi : “Sao chẳng bàn luận thiên định và giải thoát ?”

Lục Tổ nói : “Vì Thiên định và giải thoát là pháp nhị nguyên, chẳng phải Phật pháp. Phật pháp là pháp chẳng hai”.

Ở đây chúng ta chú ý những lời chỉ dạy của Lục Tổ, chỗ tu và chỗ dạy của Ngài là pháp thượng thượng thừa, chỉ tâm người thấy tánh sáng tâm. Cho nên nói : “Chỉ luận kiến tánh”. “Phật pháp không phải là pháp bất nhị”. Phần nhiều người sơ học quên ý này, nên không ít người chịu khổ vào chùa tu là ứng làm Tổ làm Phật liền, và điều này phần trước tôi đã giảng nói rất rõ.

Lục tổ Huệ Năng nói : “Phàm phu thấy hai, người trí hiểu đạt được bản tánh thì không hai, tánh không hai tức là Phật tánh”.

Ngài Ấn Tông sau khi nghe Lục Tổ thuyết pháp, rõ được bản tâm rất đổi vui mừng, chấp tay cung kính lễ tạ Lục Tổ. Và lúc này pháp sư Ấn Tông ở chùa Quang Hiếu làm lễ xuống tóc cho Huệ Năng. Lục Tổ được ngài Ấn Tông giúp đỡ, mới có cơ duyên khai mở đạo tràng, xiển dương Phật pháp, rộng hóa độ vô số chúng sanh. Chúng ta học theo tấm gương của ngài Ấn Tông khi gặp Lục Tổ Huệ Năng tâm vô cùng kính, thiết tha cầu học. Thực ra Huệ Năng là bậc tiền bối của pháp sư Ấn Tông, nhưng trái lại Huệ Năng tôn Ấn Tông làm thầy để xuống tóc xuất gia. Nếu người có tâm ngạo mạn xem thường thì sẽ đánh mất cơ hội không thể gặp được.

Vì ngài kính trọng bậc hiền, hết lòng mộ đạo nên quên mình vì người, thật một con người phi thường không thể nói hết được.

Công đức Lục tổ Huệ Năng thành tựu cũng như công đức của ngài Ấn Tông thành tựu. Lục tổ Huệ Năng và ngài Ấn Tông giống như Bảo Thúc Nha và Quán Trọng thời chiến quốc. Qua đây chúng ta thấy được ở thế gian, hay xuất thế gian, thành tựu việc lớn, lập nên đại nghiệp, làm lợi ích cho đời, cần phải hội tụ năng lực nhân duyên rất lớn, còn gọi là nhân duyên thuần thực.

Tiếp theo câu: “Thấy thiện dễ huỷ báng”. Câu này dạy chúng ta không nên cản trở người làm điều tốt. Không luận người nào làm, dù người ác hoặc oan gia họ làm việc lành nhỏ, ta cũng nên ca ngợi tán thán công việc của họ. Đây là cơ hội rất tốt khiến người ác thay đổi tập khí xấu để làm thiện, thấy lỗi, ăn năn hối cải, quay đầu về bờ giác. Đây là việc thiện rất lớn.

Ngài Liễu Phàm đời nhà Minh nói: “Cùng người làm thiện, tâm luôn từ ái, kính trọng mọi người, thì sẽ thành người tốt. Khuyên người làm việc thiện, giúp người gặp hoạn nạn, đem tài vật tạo phước báu, là việc làm lợi ích lớn lao. Hộ trì chánh pháp, tôn kính người hiền và các bậc trưởng lão. Quý tiếc tài vật và sinh mạng, người nào làm được những việc như thế, thì tự mình cảm hóa được người khác, vạn đức tự nhiên hội tụ viên mãn”.

Khuyên người làm việc thiện, khuyến hoá họ trở thành người tốt, đây là việc thiện lớn nhất ở thế gian.

Trái lại cản trở người làm việc thiện, nhất là cản trở người ác khi họ làm việc thiện, thì đó cũng là việc ác nhất thế gian. Việc ác này rất lớn, người chân chánh thực hành công hạnh Bồ tát, phải đầy đủ đại trí tuệ và lòng đại từ bi.

Kinh nói: **“Không vì lỗi nhỏ lại bắt thành tội lớn”**.

Câu này là ví dụ thứ ba, nói về việc chưa có rõ ràng mà quy tội cho người. Làm một vị thầy, tức là một nhà giáo dục phải vì thế hệ sau, vì tương lai của dân tộc, quốc gia, phải xử sự với học sinh như người mẹ hiền thương con, giảng dạy phải đúng như pháp như lý. Nói rộng ra là phải vì tất cả mọi dân tộc trên toàn thế giới này. Tinh thần giáo dục làm cho những mầm non phát triển, nâng cao trí tuệ đạo đức. Điều này rất quan trọng cho cả tương lai của nhân loại. Hiểu được tầm quan trọng này, làm sao chúng ta không tận tâm tận lực trong việc giáo dục? Do vậy mà ơn của thầy giáo còn lớn hơn ơn của cha mẹ. Học sinh lỡ vi phạm một vài lỗi nhỏ, thầy không nên làm thêm tội lớn, la trách, nóng giận, khiến học sinh ôm lòng oán hận, không còn sinh khí để học tập nữa. Giáo dục như thế vô tình chúng ta làm tiêu diệt những mầm non trong tương lai. Tội này bị nhân quả báo ứng, như phần trước tôi đã có nói qua.

Thứ tư: **“Trái với giáo pháp, đánh mất chân lý. Tội và phước rõ ràng, phải nên thận trọng”**.

Đoạn này đức Phật dạy chúng ta, phải thận trọng đối với luật nhân quả. Đặc biệt là đứng trên cương vị

của một vị thầy tức là “hòa thượng”. Hòa thượng là tiếng Ấn Độ. Chính là vị thầy thân cận dạy dỗ chúng ta. “hoà thượng” còn gọi là thân giáo sư cho tất cả chúng sanh. Cho nên giáo sư phải y cứ vào giáo pháp của đức Phật để giảng dạy, không trái lại chân lý, không sai lệch các chỗ mà chư Phật đã giảng nói.

Chúng ta là người Phật tử, tu học Phật pháp phải có tâm bình đẳng, thanh tịnh, từ bi. Làm việc gì phải khế hợp với sự lý. Nếu hiểu và nói sai chân lý, việc học không có lợi lạc gì, tức giáo dục đi ngược lại với giáo pháp của đức Phật, đó là phản giáo dục. Chúng ta nên biết, chùa, tự viện là cơ cấu giáo dục của Phật đà, vị trụ trì ở chùa, tự viện chính là thân giáo sư, chịu trách nhiệm về giáo dục cho mọi người. Vị này phải lãnh trách nhiệm, sứ mạng của các bậc tiền bối giao phó, phải hoằng dương giáo pháp, hướng dẫn tất cả mọi người tu học hợp với chánh pháp, cũng là chỗ nương tựa của tất cả mọi người, để nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng. Cho nên mới gọi “hòa thượng”, “thân giáo sư”. Nếu những vị này, làm công việc giáo dục cho người mà không đúng chánh pháp, thì tội đó rất nặng. Người xưa nói: *“Làm việc bất thiện công khai rõ ràng, thì bị người bắt tội, làm điều bất thiện trong bóng tối thì bị quỷ bắt tội”*. Lại nói: *“Dùng thuốc giết thân mạng người, khi chết đọa vào mười tám tầng địa ngục. Giảng dạy cho đệ tử hiểu sai lệch chánh pháp, cũng đồng với tội giết người không khác, tội địa ngục cũng thế”*, hống gì nắm giữ thánh giáo làm bậc thầy của trời người. Nếu

việc giáo dục đúng pháp, hóa đạo nhiều nơi, công đức đó thật không thể nghĩ bàn. Trong kinh luận nói về những chứng cố tội phước, chúng ta hãy rất cẩn thận vấn đề này.

Kinh văn A-nan bạch Phật rằng: “Nhân duyên tương sinh, đệ tử chúng con sinh vào thời mạt pháp, bị gia quyến ràng buộc khiến cho thân khẩu ý tạo nghiệp. Nên làm thế nào? Kính bạch Thế Tôn!

Giảng Đoạn này nói việc “học Phật” có liên quan đến đời sống sinh hoạt hằng ngày và có gì trở ngại không ? Trở ngại chỗ nào? Và không trở ngại chỗ nào?

Đối với những người sơ phát tâm, mà ham thích học Phật rất là quan trọng. Nếu không có người hướng dẫn, không có những người đồng tu, nhưng ít nhất cũng thuộc câu “nhất nhật tam tỉnh Ngô thân- một ngày ba lần xét lại thân ta” coi lại mình, làm những việc gì đúng việc gì sai? Vâng làm theo lời Phật, để cho tâm mình được bình an. Đoạn kinh này có hai ý :

- Hỏi pháp thế gian và xuất thế gian có gì sai khác không? Thế tôn nói người học Phật pháp phải lấy giới luật, đạo đức làm trọng yếu.

A-nan thay chúng sanh thắc mắc rằng: “Người học Phật có đem lại hạnh phúc cho gia đình không? Có làm trở ngại cho sự phát triển sự nghiệp gia đình không?” A-nan thương chúng sanh thời mạt pháp, bèn cầu thỉnh Phật chỉ dạy. Câu “Nhân duyên tương sinh, đệ tử sinh

vào thời mạt pháp”. Câu này, A-nan hỏi hiện tại và cả trong tương lai, đặc biệt là thời mạt pháp. “Đệ tử” chỉ cho những Phật tử tại gia học Phật “Nhân duyên tương sinh”. Phật thường nói, vạn pháp đều từ nhân duyên sinh, nói thiện nói ác, cũng đều do nhân duyên sinh, nhân duyên thế gian, kết thành quả báo thế gian, nhân duyên xuất thế gian đưa đến quả báo xuất thế gian. Có người hỏi cuộc sống sinh hoạt của người tại gia, đều là nhân duyên thế gian, làm sao học Phật có thể vượt ra khỏi thế gian để thành Phật, thành Bồ tát ?

Vấn đề thắc mắc này A-nan đưa ra để hỏi đức Phật. Người tại gia học Phật bị ràng buộc biết bao chuyện gia đình, xã hội và những nhu cầu sinh hoạt trong cuộc sống. Cho nên họ bị trói buộc các duyên làm cho ngăn ngại trên con đường tu học. Vấn đề là vậy. Giải quyết làm sao mới đạt được sự tốt đẹp cả hai? Để đưa họ đến giải thoát giác ngộ?.

Thực tế học Phật, thành Phật, thành Bồ tát, vấn đề này không phải xuất gia hay tại gia. Trong kinh Phật, ta thường thấy các đại Bồ tát thị hiện tướng cư sĩ tại gia nhiều vô số, làm bậc mô phạm cho Phật tử tại gia.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Các bậc Bồ tát vì chúng ta mà thị hiện mỗi hình tướng khác nhau, mỗi hạnh nguyện khác nhau, thậm chí còn thị hiện luôn cả thân ngoại đạo”. Cho nên điều cần biết là chúng ta học Phật phải cầu giác ngộ, giác thì đối với sự lý không còn mê lầm nữa. Phải chân chánh dùng trí huệ nhìn thấu được

toàn bộ thật tướng của vũ trụ, nhân sinh. Đức Phật khai thị cho chúng ta một cách rõ ràng. Tại sao lại phân biệt tại gia hay xuất gia? Sống giữa đời thường có gì làm trở ngại cho việc tu Phật chứ ?

Kinh văn Phật nói: “A-nan, có người thọ cấm giới Phật, thành tín phụng hành, hiếu thuận cha mẹ, thận trọng ngăn trừ các việc ác. Tôn kính quy y Tam bảo. Hết lòng giúp đỡ người thân, trong ngoài siêng năng làm các việc thiện, thân tâm tương hợp, có thể làm được mọi việc thế gian mà không có ý tham luyến ở thế gian.

Giảng Đức Phật vô cùng từ bi, Ngài nói với A-nan rằng: “Người phát tâm học Phật, điều quan trọng nhất là tôn trọng “cấm giới”. Vì giới luật đối với người đệ tử Phật vô cùng trọng yếu, nó là quy củ làm mô phạm cho tất cả chúng sanh, như tam quy ngũ giới, thập thiện giới, Bồ tát giới v.v... đều dạy con người phải sống như thế nào?, làm việc như thế nào?” Do vậy người đệ tử Phật cần phải phát khởi lòng chí thành thọ trì giới pháp, y giáo phụng hành. Học Phật, thứ nhất, cần phải hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính sư trưởng. Dù là thế gian, hay xuất thế gian, nền tảng đạo đức chính là lòng hiếu thuận, tôn kính sư trưởng.

Đối với Phật giáo Đại thừa, hiếu là nói về Bồ tát Địa Tạng. “Địa” nghĩa là đất, tạng nghĩa là tàng chứa. Đất là sinh ra và nuôi dưỡng vạn vật, bao dung và nhẫn nhục vì vạn vật. Người học Phật trước tiên cần phải lấy Bồ tát Địa Tạng làm tôn sư. Học căn bản về hạnh hiếu

thuận. Người có lòng hiếu thuận thì tâm an định, thuận hòa. Có thể tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, thì thành tựu được vô lượng phước huệ, con đường thành tựu đạo nghiệp cũng bắt đầu từ đây sinh khởi. Người muốn học làm thánh hiền, cũng bắt đầu học từ chỗ này. Người có lòng hiếu thuận, không bao giờ có hành vi không tốt đối với người khác, động niệm khởi tâm, cử chỉ, hành vi, đều rất thận trọng. Họ tin sâu vào luật nhân quả, báo ứng.

“Tôn kính Quy y Tam bảo”. Câu này nói quy kính Tam bảo, cần phải hiểu rõ ràng đạo lý quy y tự tính Tam bảo. Đoạn này phần trước, tôi có trích trong Pháp Bảo kinh của Lục tổ Huệ Năng và giảng qua cho quý vị rồi.

“Hiếu dưỡng cha mẹ, hết lòng giúp đỡ mọi người, trong ngoài siêng năng làm thiện, tâm khẩu tương ứng”. Ba câu này Phật dạy chúng ta điều cần thiết trong sinh hoạt hằng ngày, đó là hiếu dưỡng cha mẹ, khéo chăm lo cho cha mẹ được khỏe mạnh. Đây thuộc về *thân*. Làm cho cha mẹ lúc nào cũng an vui, đó là chúng ta lo về phần *tâm*, tức là phần tinh thần ý chí. Khuyến khích cha mẹ quy y Tam bảo, hộ trì Tam bảo và hoằng dương Phật pháp. Chúng ta phải tu tập, dùng giới thân huệ mạng để nuôi dưỡng cha mẹ. Nếu làm trọn vẹn như vậy, tức là không phụ công ơn sanh thành, dưỡng dục cha mẹ. Ngay đây chúng ta gặp được Phật pháp.

“Tận trung”. Đức Phật dạy chúng ta, làm bất cứ việc gì phải hết lòng nhiệt tình, trách nhiệm, nhất là

phục vụ lợi ích cho quốc gia cho xã hội. Là đệ tử Phật, phải tận tâm tận lực, bằng mọi phương tiện, chúng ta nỗ lực hoằng dương và hộ trì chánh pháp, làm lan tỏa ánh sáng từ bi trí tuệ của đức Phật ra khắp pháp giới chúng sanh, để mọi người hiểu được tinh thần của Phật giáo và Nho giáo. Vì đây là cội gốc sinh ra muôn ngàn điều thiện, vạn vạn điều phước. Cho nên đức Phật dạy phải **“tận trung tận lực, trong ngoài siêng năng làm các việc thiện”**, bên trong chỉ cho tâm, bên ngoài chỉ cho thân, thân tâm cùng làm việc thiện, trong ngoài nhất như.

“Tâm khẩu tương ứng”. Kinh Lăng Nghiêm, Phật nói với A-nan: “Ông nay muốn nghiên cứu quả vị vô thượng Bồ đề, sáng tỏ chân tánh, phải trực tâm trả lời câu hỏi tôi ... Tâm ngay nói lời ngay, như thế trải qua các địa vị, trước sau không bao giờ có tướng giả dối cong vạy”.

Do đây có thể biết, muốn chứng được quả vị vô thượng Bồ đề, thanh tịnh sáng suốt, nhất định **“Tâm khẩu tương ứng”**. Đây chính là tâm chân thật, miệng nói lời chân thật. thân làm việc chân thật. Chân thật, là nói tâm rất chí thành, cũng là chân tâm, là đại Bồ đề tâm. Kinh Quán Vô Lượng Thọ có nói: **“Chí thành tâm”**. Qua những lần khai thị của đức Phật, Ngài khuyên chúng ta phải chân thành trở về với cội gốc ở ngay chính mình, cội gốc chính là lòng chân thành. Cội gốc của việc học thế gian là đạo học của người quân tử, khuyên mọi người trở về với chính mình, hướng hồ chúng ta học tập

theo Bồ tát đạo, trong Phật giáo Đại thừa ? Tu học mà không từ cội gốc căn bản, cũng giống như xây nhà cao tầng mà không làm móng, hậu quả về sau không thể nói hết được!

Hai câu tiếp theo: *“Có thể được mọi việc ở thế gian, không có ý tham luyện ở thế gian”*. Ở đây Phật giải thích cho A-nan rõ: Các việc thế gian thì chúng ta nhiệt tình phục vụ, nhưng không có ý tham luyện, đắm nhiễm các ngũ dục ở thế gian.

A-nan hỏi: “Việc thế gian, ý thế gian là thế nào ? Xin Thế tôn giải nói!” A-nan nghe Phật giải thích rồi, nhưng không hiểu việc thế gian và ý thế gian như thế nào? Vì sao làm việc thế gian nhưng không có ý thế gian? Lại lần nữa Ngài thỉnh Phật giải nói rõ ràng, thế nào là việc thế gian?

Kinh văn Phật nói: “Là đệ tử Phật, có thể được buôn bán kinh doanh, làm các nghề nghiệp sinh sống lợi ích, đong đo phải cân bình mực thước, không lừa dối người, làm việc phải hợp lý. không nên trái đạo lý và bản tánh tự nhiên của mình, việc tống táng, dời nhà, hôn nhân đều là việc thế gian”.

Giải Nói việc thế gian, thì vô lượng vô biên. Ở đây đức Phật đưa ra một vài thí dụ để chúng ta rõ và giúp chúng ta giác ngộ. Qua đây chúng ta hiểu được Phật pháp không tách rời pháp thế gian, không làm chướng ngại pháp thế gian. Pháp thế gian chính là những sinh hoạt hàng ngày của chúng ta, cũng là công

phu tu hành trong Phật pháp, áp dụng những việc nhỏ nhất vào trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Đó là: sáng suốt, buông xuống rồi sau mới khởi động làm việc.

Đức Phật Bốn sứ Thích Ca Mâu Ni bảo chúng ta: “Làm một đệ tử (học sinh) của đức Phật, phải thông hiểu các pháp thế gian. Có thể làm các sự nghiệp kinh doanh thương nghiệp, mua bán trao đổi hàng hóa, nói chung là có thể làm các việc kinh doanh, sản xuất đem lại lợi ích. Điều cần yếu là phải thành kính, trung thực, khi đối đãi cũng như quan hệ qua lại trong việc mua bán, cần phải giữ sự quan hệ cho tốt giữa người với người. Cho nên nói, sự nghiệp phải lấy lòng nhân đức để làm lợi. Tài sản làm ra phải hợp với đạo nghĩa. Kinh Hoa Nghiêm quyển 40 có nói, Phật và Bồ tát thị hiện rất nhiều thân như thế để hóa độ chúng sanh”.

“Đong đo phải công bình, không lừa dối người”.

Hai câu này, đức Phật dạy chúng ta phải có lòng trung tín, mua bán phải công bình, không lừa dối người, lại càng không có tâm ý hại người.

“Làm việc phải hợp lý”. Câu này nói chúng ta làm việc gì phải hợp tình, hợp lý lấy bốn đức “nhân, ái, tín, nghĩa” để phục vụ xã hội. Đây chính là học Phật và thực hành Bồ tát đạo.

“Không trái với bản tâm và lý tự nhiên”. Câu này, đức Phật nói bản tánh tự nhiên của con người xưa nay vốn hiền thiện. Đức Phật nói, không luận làm việc gì,

điều cần yếu, việc đó phải hợp với bản tánh tự nhiên thì tâm sẽ được an lạc. Nếu chúng ta làm những việc phi pháp, hiện tại có thể trốn tránh được pháp luật, nhưng khó tránh khỏi lương tâm bị ray rứt bất an.

“Việc tống táng”. Ý nghĩa làm việc này phải “Thận chung truy viển”. Chung : Nói về người mất, tức là chỉ cho cha mẹ. Viển : Nói về tổ tiên. Câu này nói chúng ta phải thành kính chí thành việc thờ cúng cha mẹ, tổ tiên. Đây là đạo lý dạy làm người, vì cuộc sống giữa người với người có liên quan nhau chặt chẽ. Nơi nào làm được việc này thì người dân sẽ không quên truyền thống ông bà tổ tiên và văn hóa gia tộc tổ tiên của mình. Đó cũng chính là giúp họ trở về với cội gốc đạo đức.

“Dời nhà, hôn nhân”. Dời nhà, xây dựng là nói chung cho mọi người. Hôn nhân, cưới vợ gã chồng cũng vậy. Đây toàn là việc thế gian, đệ tử Phật có thể làm được. Qua vài ví dụ ở trong đây, đức Phật đưa ra để chúng ta biết, điều quan trọng chúng ta cần phải giác ngộ, Phật giáo cùng với những tập quán sinh hoạt hằng ngày, thực tế không trái ngược nhau. Đức Phật không cấm chỉ việc này, Phật bảo chúng ta làm việc nhưng không có ý thế gian. Vậy ý thế gian là thế nào ?

Kinh văn Ý thế gian là đối với đệ tử Phật ở đời, không được bốc que, bói toán, tôn sùng bùa chú, học phép trừ yểm của ngoại đạo, cúng tế, giải yêu, không được coi ngày, đoán giờ.

Giảng Đoạn này đức Phật giải thích ý thế gian và đưa ra những thí dụ, qua đây chúng ta có thể hiểu ra mọi vấn đề. Ý thế gian, chính là chỉ việc *mê tín*. “Không được làm việc có ý thế gian”. Đức Phật dạy chúng ta không được làm những việc mê tín tin theo quỷ thần. Việc mê tín thì rất nhiều, làm sao cho mọi người hiểu được vấn đề này. Sở dĩ có vài việc mê tín là do thói quen tập tục của người thế tục. Đúng thật là người đệ tử Phật thì không làm những việc như trên. Nếu tin theo và làm những việc đó đều là tình thức phàm, tình theo ý thế gian.

Người phát Bồ đề tâm tu hành, là siêu vượt khỏi thế gian. Điều này chúng ta không thể không biết. Phật nói : “Làm đệ tử Phật, phải biết bốn việc như sau mới ra khỏi Tam giới.

- Thứ nhất: Không được đoán quẻ gồm: bói toán, đoán chữ, xem tướng, tính mệnh, phong thủy, dự đoán cát hung, họa phúc v.v... Vì đây là việc làm của thế tục.

- Thứ hai: Không được tôn sùng những người lên đồng, ngòi xác, phù thủy, thầy bùa... Các loại người này chuyên thỉnh quỷ thần, tiên cô. Là Phật tử, ta không nên làm.

- Thứ ba: Bùa chú, là Phật tử không học đồ sấm, niệm chú, đuổi quỷ, trừ ma, các việc trị bệnh v.v...

- Thứ tư: Không được trấn yểm, đây là việc làm của các ngoại đạo dùng để trấn yểm. Như thời xưa, ngoại đạo hay làm những việc nặn ra những người bằng

đất, hoặc đào bằng gỗ dùng để trấn yểm. Vào thời Hán Võ Đế họa Giang Sung là một minh chứng, Giang Sung là quan cận thần của Hán Võ Đế. Một hôm ông ta thấy thái tử đi xe ngựa ở giữa đường, mà con đường này chỉ dùng cho vua đi. Thái tử đi như thế là bất kính với vua. Thái tử biết Giang Sung là người cận thần thân cận với vua, nếu ông ta đem chuyện này trình tâu vua thì nhất định sẽ bị tội. Nghĩ vậy, thái tử đến xá Giang Sung và trình bạch mong ông ta đừng tâu trình lên nhà vua chuyện này. Giang Sung vâng dạ hứa không tâu, nhưng về lại hoàng cung, Giang Sung đem việc này trình lên nhà vua. Trải qua thời gian, một hôm nhà vua bị bệnh, Giang Sung lo sợ, nếu lỡ nhà vua băng hà, thì thái tử sẽ lên ngôi và mối nguy hiểm nhất là ông bị chém đầu. Giang Sung nghĩ ra một kế để hãm hại thái tử. Nhân lúc Hoàng đế bị bệnh, ông ta đến trước quỳ bên giường và tâu rằng: “Nguyên do bệnh tình của bệ hạ là bị số người trừ yểm, vì họ có ý mưu hại bệ hạ nên dùng ma thuật để yểm”. Hán Vũ Đế nghe xong liền tin ra lệnh tìm những thầy phù thủy đào đất để bắt ma. Giang Sung bắt một số người tra tấn họ bằng những thanh sắt nung đỏ ép vào người, buộc họ phải thừa nhận có làm việc này để mưu hại vua. Do vậy hàng vạn người bị đem ra chém đầu một cách oan ức. Giang Sung lại tâu với nhà vua rằng, trong cung có ám khí của ma. Sau khi vua nghe xong liền lập tức ra lệnh cho quân lính đào hết cung thái tử lên, phát hiện một tượng gỗ chôn dưới ấy. Ông ta đem dâng lên nhà vua, lập tức truyền lệnh bắt thái tử. Trước

chứng cứ như vậy, không có ai minh oan được cho thái tử. Biết không thể thoát khỏi tay Giang Sung, nên hoàng hậu và thái tử đều tự sát. Hán Vũ Đế sau đó mới biết Giang Sung lừa dối mình để hãm hại thái tử, nên vô cùng hối hận, nhưng mọi việc đã muộn. Vua bèn bắt hết dòng họ ba đời của Giang Sung đem chém đầu. Qua câu chuyện trên, chúng ta là đệ tử Phật, tuyệt đối không làm những bùa chú, trừ yểm để mưu hại người khác.

Thứ năm: Không được cúng tế, lễ lạy và tin theo tà thần, ma quỷ.

Thứ sáu: Không được giải yêu, nghĩa là trấn yểm hoặc làm văn số tau lên thiên ma, quỷ thần.

Thứ bảy: Không được coi ngày giờ tốt xấu. Tập tục này, nay vẫn còn, người đời khi làm việc gì cũng muốn chọn ngày tốt, giờ hoàng đạo. Phật nói: “Đó là ý thế gian là việc làm mê tín, trái với lý tánh”. Đức Phật không cho phép đệ tử làm những việc như thế, mà ngay cả Khổng Tử cũng có nói về vấn đề này “quỷ thần nên kính nhưng không nên gần”. Khổng Tử là bậc Nho gia sáng suốt dạy cho người đời không nên làm việc kỳ quái mà loạn tinh thần. Những việc đó là ý của thế gian.

Nhưng cho đến nay, người ta quên đi lời dạy của đức Phật và Khổng Tử. Cuộc sống sinh hoạt của họ lại thích những chuyện kỳ quái như thế. Chỉ tăng thêm sự mê tín và làm rối loạn tinh thần, mê hoặc lòng người. Nhiều người không biết còn tranh nhau mà tin theo. Khắp nơi không loạn thì không nên làm những việc này.

Tinh thần của Phật và Khổng Tử là giáo dục con người làm thế nào giúp họ khai mở chánh trí, nhận thức mọi vấn đề cho đúng đắn, không mê tín. Những vấn đề này, phần trước, tôi nói qua rồi, người trồng nhân thiện thì được quả thiện, trồng nhân ác nhất định cảm ứng quả báo ác, không lẫn lộn, sai lệch chút nào. Việc mê tín tin theo quỷ thần, cầu cho quỷ thần giúp đỡ, cũng như đi theo nịnh nọt, mong kết duyên với quỷ thần, không những không chuyển được vận xấu trở thành tốt mà lại còn xấu hơn thêm chẳng đem lại kết quả tốt đẹp gì cả !

Phật dạy chúng ta không được làm những việc như thế. Khổng Tử dạy chúng ta đối với quỷ thần thì có tâm kính nhưng không nên gần. Mục đích của các Ngài mong sao chúng ta phá trừ mê tín, khai mở chánh trí. Nếu tin và làm những việc mê tín như thế, đều là ý thế gian. Có người hỏi: “Làm những điều tốt, tại sao không gặp những điều tốt, mà lại gặp những điều xấu?” Không nên làm những việc theo ý thế gian mà nên làm những việc gì chân chánh để cho thân tâm được cát tường như ý.

Phần sau, đức Phật dạy đệ tử Phật nên làm gì ?

Đức Phật chỉ ra sáu điều cần làm đưa đến sự tốt lành, tránh những điều xấu. Mọi người nên biết và y lời dạy của Phật.

Kinh văn *Người giữ gìn năm giới thì được phước đức, làm việc gì, nên bạch Tam bảo, đức Phật là bậc toàn tri không có điều gì mà Ngài không biết.*

Giảng Đoạn thứ nhất này, đức Phật dạy cho chúng ta rõ về việc tiếp nhận giáo học. Đó là thọ trì năm giới của Phật, mở ra con đường hành trì tu tập đúng đắn, đem lại mọi người vô lượng phước đức. “Phước đức” theo kinh này nói:

- Thứ nhất: Trường thọ.
- Thứ hai: Giàu sang
- Thứ ba: Thanh tịnh.
- Thứ tư: Mọi người cung kính.
- Thứ năm: Có lòng nhân đức và trí tuệ.

Phần lớn các kinh nói đều giống nhau, chỉ có vài điểm hơi khác. Phước đức chính là quả, tu tập hành trì năm giới chính là nhân. Là đệ tử Phật nên biết tu nhân thiện thì được quả báo thiện. Khi làm việc, cần phải nương vào Tam bảo cầu sự gia trì của chư Phật thì nhất định được cảm thông.

Phần trước có nói đến đệ tử Phật có thể làm những việc thế gian, nhưng không có ý thế gian. Sau đó với lòng từ bi vô hạn của đức Phật, ngài đã chỉ cho chúng ta các điều cần thiết, giúp chúng ta đạt được sự mọi sự tốt đẹp, tránh các họa hung xấu ác. Đây cũng là đường lối tu hành, giúp mọi người tự mình tạo ra vô lượng phước báu và đạt được đại trí tuệ.

Điều thứ nhất: Phật nói, là đệ tử Phật khi làm việc, thì nên tác bạch trước Tam bảo. Trước tiên đối trước

Phật đốt hương, quỳ gối chấp tay, nhất tâm hướng đến Phật hoặc bạch rằng: “Việc này con làm là không trái với những lời giáo huấn ở trong kinh, việc làm hợp với lương tâm con và hợp với lẽ tự nhiên”, hoặc thỉnh giáo những vị Tăng có đạo đức. Nếu được như vậy thì tự nhiên tâm của chúng ta sẽ cùng với tâm chư Phật cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn được.

Kinh văn *Người đạo đức là người trì giới, làm cho đạo pháp được bền lâu và vững mạnh, khiến chư thiên, thiên long, quỷ thần, cung kính nể phục. Quý trọng giới thì được tôn kính, không giữ giới thì là bất thiện. Sao lại ghen ghét đố kỵ, làm trái lại những điều bất thiện ?*

Giảng Điều thứ hai: đức Phật dạy trong cuộc sống sinh hoạt của chúng ta, không gì quý báu bằng đạo đức. Mà đạo đức có được là do hành trì giới luật, mọi công đức cũng từ đây sinh ra lại được chư thiên quỷ thần tôn kính. Nếu người nào trì giới nghiêm mật thì đạo đức tự cách đầy đủ, thân tướng trang nghiêm. Càng ngày giúp cho sự tu học của họ được thăng tiến vì có sự gia hộ của chư thiên thiện thần. Cho nên nói, làm cho đạo được tăng trưởng và lớn mạnh là như thế. Đây là nói những người đã thành tựu đạo đức một cách trọn vẹn thì tất nhiên được các chư thiên thiện thần cung kính. Cư sĩ Lý Thông Huyền vào đời nhà Đường và ngài Đạo Tuyên luật sư ở núi Nam Sơn lúc nào cũng có chư thiên thiện thần đi theo hộ trì. Theo truyện kể về các bậc cao tăng có nói: “Các thiện thần thường theo phụng sự những người đạo đức”.

Các sự tích ghi lại rất nhiều trong “Truyện Cao tăng”.
Quý vị nên tìm xem.

“Thiên long Quỷ Thần đều kính phục”.

Ở đây chỉ tám bộ quỷ thần thuộc từ cõi trời Tứ Thiên vương, những vị này thấy được người tu đạo trì giới, rất mực tôn kính nên theo phò trì, nói rằng: “Quý trọng giới thì được tôn kính, không giữ giới thì không được tốt”. Tinh thần giới luật ở nhà Phật khuyên chúng ta: “Không làm các điều ác, siêng làm các việc thiện”. Cho nên người Phật tử tuyệt đối không được có tâm ý nào hại chúng sanh, luôn khuyến khích họ làm những việc thiện, mong mọi người trở thành người tốt. Người hành trì giới luật làm các việc thiện là cao quý nhất, công đức nhất. Người có giới đức khi làm việc gì, cũng đem lại kết quả thuận lợi. Đây là pháp môn tu hành đem đến đại cát đại lợi.

“Sao lại lo sợ kiêng kỵ, cho mọi việc là không tốt?”.

Đoạn này nói, những người hay lo sợ, kiêng kỵ, khi làm việc gì trong lòng họ luôn lo sợ sẽ không đưa đến những kết quả tốt đẹp cho họ. Khi chúng ta rõ được những điều Phật dạy về phương pháp tu tập như thế, lo gì không có sức mạnh và sự gia hộ ! Có gì chúng ta phải kiêng kỵ, lo sợ những điều bất lợi đến với ta ? Vậy có cần phải tin theo những việc mê tín của thế gian không?

Kinh văn Đạo bao hàm tất cả, lớn rộng khắp trời đất, người không đạt được thì tự mình gây tạo các chương ngại.

Giảng Đoạn thứ ba này nói về Đạo. Đạo là chỉ cho chân như, bốn tánh. Người nào đoạn trừ những mê hoặc, điên đảo thì sẽ được minh tâm kiến tánh. Khi ấy tâm rộng lớn, bao trùm khắp thái hư. Trong kinh thường thí dụ về tâm rộng lớn như hư không, giống như mặt trời, có năng lượng chiếu khắp trời đất. Đây là sự tướng chân thật, người mê thì không thông đạt được lý này, không hiểu việc này, cuối cùng tự mình làm chướng ngại con đường tu đạo.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tính không chân giác, thường hằng thanh tịnh biến khắp pháp giới, tùy tâm của từng chúng sanh ứng ra lượng hiểu biết khác nhau”.

Vọng kiến chúng sanh là: “Từ chân tâm sáng suốt, giống như sóng lặng, thì ngay đây thấy biển rộng lớn vô cùng. Nhưng chúng sanh bỏ biển, nhận sóng là thể của mình ...”

Lại không biết: “Gốc là vô thượng Bồ đề, thể tánh tròn đầy thanh tịnh, vọng là sắc không, cùng với kiến văn”. Phật mới xót thương, nói người tu mà không thành tựu được đạo nghiệp, tự mình làm chướng ngại, nhận vọng tưởng là của mình. Khi giác ngộ rồi thì vượt khỏi thế gian này.

Kinh văn *Việc thiện ác, do tâm người tạo ra. Họạ phước đi theo người như hình với bóng, như âm thanh và tiếng vang.*

Giảng Đoạn thứ tư này nói rõ việc thiện ác là do tâm người gây tạo ra thì quả báo sẽ đi theo họ như hình

với bóng. Chúng ta gieo nhân thiện thì được giàu sang phú quý, gieo nhân ác thì gặp tai ương hoạn nạn. Tâm gây tạo thì thân thọ nhận quả báo. Đây là luật nhân quả nghiệp báo không sai một mảy may nào. Nếu mọi người hiểu việc này tường tận, thì hằng ngày trong sinh hoạt phải biết luôn phản tỉnh từng hành vi lời nói của mình. Việc gì là thiện, niệm nào là bất thiện, hành động nào đưa đến phước báu, hành động nào đưa đến tai họa. Người có phước đức lớn là người phải có trí tuệ. Cho nên chúng sanh thì sợ quả báo, Bồ tát thì sợ nhân. Đức Phật dạy điều cần thiết của người tu đạo, đầu tiên phải gây tạo phước báu, đừng để kết quả xấu đến với mình!

Kinh văn Công đức hành trì giới luật tự nhiên cảm ứng được chư thiên gia hộ sở nguyện được toàn ý. Cảm động mười phương cõi giới, chư thiên cảm mộ đức độ, công đức sáng rực, thánh chúng ca ngợi tán thán, không thể tính hết được.

Giảng Đoạn thứ năm này nói rõ chư thiên vô cùng cảm mộ và tán thán công đức người trì giới. Vì người này, nhận chân được mục đích của việc tu học. Nếu chúng ta giữ giới riêng cho mình gọi là Tiểu thừa giới, còn giữ giới vì mục đích làm lợi ích chúng sanh, gọi là Đại thừa giới. Người trì giới làm các việc thiện thì tự nhiên đạo đức của họ sẽ cảm ứng được chư Phật và Bồ tát. Chúng ta biết các bậc Bồ tát vào đời cứu độ chúng sanh, các Ngài tùy duyên ứng hiện rất nhiều thân tướng, nhưng bản tánh bất biến, gọi là tự nhiên, tức là không

trái với bản thể tự nhiên. Khi hiểu được đạo lý này, quý vị sẽ hiểu được mục đích của việc trì giới tu thiện của chính mình. Vậy tại sao chúng ta phải đi cầu thần Tiên, cầu Bồ tát, cầu Phật, mà không hiểu mục đích việc làm của chúng ta? Nếu quý vị làm đúng những việc như trên, tự nhiên cảm ứng được chư Phật, Bồ tát. Các Ngài sẽ luôn hộ trì cho quý vị. Vậy tại sao lại nói, các chư thiên quỷ thần sao không hộ trì cho quý vị được?.

“Nguyện được toàn ý”.

Nghĩa là từ lời nói đến việc làm đều toại nguyện như ý. Có cầu tức có ứng, tâm đồng với tâm Phật, mỗi lời nói ra đều tương ứng với lời đức Phật, việc làm thể hiện giống như công hạnh Phật. Tự mình trau dồi trí tuệ đức hạnh, phát tâm làm lợi ích cho mọi chúng sanh thì nhất định cảm ứng đến mười phương thế giới. Tâm hành gọi là tánh, tức làm mà không làm, cũng như vạn vật trong trời đất, trải qua bốn mùa dung hòa với thiên nhiên vũ trụ để trưởng dưỡng vạn loài. Người làm việc độ sanh, công đức cũng vậy, tự nhiên trời đất cảm mộ ân đức bất khả tư nghì của họ, lại còn ca ngợi tán thán không hết. Chúng ta đọc đến đoạn khai thị này, thì nên phát tâm, một lòng chuyên làm các công đức, thì sẽ luôn được các bậc Thánh tán dương và hộ trì. Đó là điều chúng ta không phụ lòng từ bi vô hạn mà Phật đã chỉ dạy!

Kinh văn Người trí rõ vạn mạng, trọn đời không làm việc tà vạy, vâng theo lời Phật dạy, luôn làm các việc thiện, thì ngay trong đời này sẽ được chứng đắc .

Giảng Phật dạy, người nào muốn thấu đạt vận mệnh, nên dựa vào giáo pháp mà tu trì sẽ thông hiểu pháp duyên khởi và biết được được luật báo ứng thiện ác, tức là biết được thiên mệnh. “Trọn đời không làm việc tà”. Người thông được lý duyên khởi và sự vận hành các pháp thì người này trọn đời không nghi ngờ và không bị các thứ mê hoặc làm mê mờ. Tích cực làm các việc thiện thành tựu được phước đức trang nghiêm, thế mới đúng là làm việc thiện như Phật chỉ dạy. Dù còn tại gia nhưng y theo lời dạy của Phật mà tu hành cũng thành tựu quả vị giác ngộ như bậc xuất thế gian khác.

Đến đây, tôi đã giảng xong những phần A-nan thắc mắc. Đoạn kinh tiếp theo nói về người tại gia học Phật vẫn không bị trở ngại là do khéo léo vận dụng lời Phật dạy đúng như lý vào trong cuộc sống, khiến sự sinh hoạt trở nên tốt đẹp và hạnh phúc, làm cho cuộc đời của quý vị càng thêm giá trị và ý nghĩa vô cùng.

Sau khi nghe Phật giải thích những đạo lý trên, tôn giả A-nan lòng rất vui mừng, nghĩ mình có nhân duyên rất lớn gặp Phật nghe pháp, đạt được lợi ích chân thật. Nếu không thì dễ bị những mê hoặc điên đảo, gây ra biết bao tội nghiệp. Vì lẽ đó A-nan thương xót chúng sanh, thiết tha thỉnh Phật trụ thế.

Đây là A-nan được giác ngộ nói lên những cảm tưởng của mình.

Kinh văn *A-nan nghe Phật dạy xong, liền chĩnh sửa y áo, dập đầu đánh lễ sát đất bạch rằng: “Duy*

nguyện Thế tôn, chúng con có phước gặp được Thế tôn, ân đức lòng từ bi rộng lớn của Ngài, thương xót tất cả chúng sanh là ruộng phước rộng lớn để cho muôn loài được thoát khổ.

Giảng Sau khi A-nan nghe lời Phật dạy, giác ngộ khai mở tâm trí liền chỉnh y sửa áo, cúi đầu lễ lạy sát đất. Động tác của A-nan biểu thị tâm cung kính đối với Phật “duy nguyện Thế tôn”. Nghĩa là tôn giả A-nan có lòng tin kính không chút nghi ngờ. “Duy nguyện”, chỉ cho tất cả chúng sanh chưa có nhân duyên gặp Phật nghe Pháp hoặc chưa tin Phật pháp. Tôn giả A-nan thay thế chúng sanh thỉnh cầu giáo pháp và nguyện tiếp nối Phật để tuyên dương giáo pháp, hầu mong tất cả chúng sanh phát khởi niềm tin mà phát tâm tu tập, đạt được giải thoát an lạc.

Trong Kinh Kim Cang có câu giống kinh này: “Chúng con có phước được gặp Như Lai” là nói tất cả chúng ta cùng với tất cả mọi người trong hội chúng, do nhiều đời nhiều kiếp đã có gieo trồng phước báu sâu dày, nay mới đầy đủ cơ duyên được gặp Như Lai. Như Lai là một trong mười danh hiệu của đức Phật, còn có nghĩa là “chân như”, là những giáo nghĩa Phật đời nay nói ra cũng giống như các đức Phật thời quá khứ không sai khác. “Lòng đại bi và ân Phật rộng lớn, thương xót tất cả chúng sanh”. Câu này tán thán Phật đã dùng lòng từ bi ban bố khắp tất cả chúng sanh. Ngài là mảnh ruộng phước điền để chúng sanh gieo trồng làm tăng

trưởng căn lành và phước đức. Nguyên sanh ra thời nào cũng gặp Phật nghe pháp mà phá mê khai ngộ, lia khổ được vui, chứng được quả vị giải thoát an lạc !

Ấn Quang đại sư nói rằng: “Đức Phật A-Di-Đà là ruộng phước điền lớn nhất, người nào niệm Phật cầu vãng sanh là đệ nhất đại phước điền, là bậc thượng căn lợi trí”. Vì vậy mong quý vị tin và làm theo lời Phật, lời Tổ chỉ dạy. Các Ngài tuyệt đối không bao giờ nói những lời hư dối đối với chúng sanh.

Kinh văn Lời Phật chân thật, nhưng lại ít người tin, cõi này ác nhiều, chúng sanh phỉ báng, chê bai, thật là thương xót! Nếu có người tin, thì chỉ có một vài người mà thôi, đời ác như thế! Tệ hại như thế!

Giảng Tôn giả A-nan thương xót chúng sanh ở thế gian này, gây tạo nhiều điều ác, ít làm các việc thiện, nhất là những chúng sanh vào thời mạt pháp. “Phật nói lời chân thật nhưng người tin nhận lại ít”. Trong pháp hội giảng kinh Bát Nhã, đức Phật nói với trưởng giả Tu Bồ Đề rằng: “Lời của Như Lai là chân thật ngữ”. Chân thật nghĩa là không hư ngụy, dối trá. Lời nói của Như Lai là như ngữ. Nghĩa là lời Phật nói ra không dối trá, không ba hoa. “Lời nói của Như Lai là bất dị ngữ”. Lời nói của Như Lai trước sau không mâu thuẫn. Đức Phật 49 năm trụ thế thuyết pháp độ sanh, mỗi câu mỗi chữ Phật nói ra đều là chân thật nhất như. A-nan cảm thán và nói: “Người tin thì ít”. Vì sao người đời không tin những lời Phật dạy ?

Đức Phật nói: “Người đời phần nhiều tạo mười ác nghiệp, cùng nhau dùng bùa chú trấn yểm, mắng chửi, làm thương hại lẫn nhau, người làm những việc như vậy, thật vô cùng tội nghiệp, vô cùng xót thương!”

Người đời thường tin theo những lời hư dối, không tin điều chân thật. Đây nhận giả làm chân, đây là hành vi ngu si mê muội. Những người này thiện căn phước đức rất mỏng, phiền não lại nhiều, nghiệp chướng sâu dày. Dù họ có duyên gặp các bậc thiện hữu tri thức, gặp Phật pháp, cuối cùng cũng hiểu lệch lạc, hành vi sai trái. Thật đáng thương xót! Thật đáng thương xót! “Nếu có người tin, chỉ một, hoặc hai người”. Cho nên nói người tin rất ít.

Kinh Kim Cang có ghi tôn giả Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sanh được nghe một câu, một chương, một lời của Như Lai, có thể phát khởi niềm tin không?”. Phật bảo Tu Bồ Đề: “Sau khi Như Lai diệt độ, khoảng năm trăm năm sau, có người trì giới tu phước, đối với một câu, một chương của bộ kinh này, mà phát khởi tín tâm, đây là sự thật” .

Sau năm trăm năm, chính là kể từ lúc Phật diệt độ đến năm trăm năm, và năm trăm năm trở về sau là chỉ cho thời đại của chúng ta. Có người trì giới tu phước, siêng tu tam vô lậu học giới, Định và Tuệ, tu phước, hành lục độ.

- Phật nói: “Những người như thế nhất định tin Phật, tin những lời của Phật là chân thật.”

- Phật lại nói: “Nên biết những người này, đời nay tin những lời Phật nói, không phải chỉ gieo trồng căn lành với một vị Phật, hai vị Phật cho đến ba, bốn, năm vị Phật, mà đã gặt vô lượng ngàn vạn vị Phật, để gieo trồng căn lành. Nay nghe một câu kinh, tâm liền thanh tịnh, sanh niềm tin vững chắc và thành tựu được vô lượng phước đức.” Chúng ta ngày nay có duyên gặp Phật pháp phải tin vào lời Phật dạy. Vào thời mạt pháp ít có người tin vào lời Phật dạy để trì giới tu phước. Nên nói: “Đời ác như thế, lại tệ hại như thế”. Đoạn này A-nan than: “Tại sao cuộc sống đạo đức của con người từng bước suy giảm thế ...!”

Kinh văn Sau khi Phật diệt độ, Kinh pháp tu còn, mà người không tin, dần dần suy hao hủy diệt. Ôi thật đáng thương! Họ biết nương tựa ở đâu? xin nguyện Thế Tôn thương chúng sanh mê muội, đừng vào Niết bàn.

Giảng Đoạn này A-nan xót thương chúng sanh phần nhiều bị những khổ nạn là do họ mê muội, chấp trước, không giác ngộ. Thấy vậy nên A-nan cầu Phật trụ mãi ở thế gian này để giáo hóa cứu độ chúng sanh. “Diệt độ” chỉ cho ứng thân Phật rồi thị tịch, còn Pháp thân thì mãi thường trụ. A-nan nói: “Thế Tôn thị hiện tướng nhập diệt, nhưng kinh điển và phương pháp tu học vẫn còn ở thế gian chỉ lo rằng không có người chân chánh tin nhận phụng hành những lời Phật dạy rồi tất cả kinh điển và phương pháp tu học dần đi đến hủy diệt. Căn cứ theo sự tồn vong giáo pháp của Phật, có thể chia

ra các thời kỳ như sau: năm trăm gọi là chánh pháp, tính từ lúc Phật diệt độ đến ngàn năm. Vì thời gian này cách Phật không xa, phần đông người tu hành có niềm tin chánh pháp, tuân thủ giới luật nghiêm mật, nên thành tựu rất nhiều. Tiếp theo sau năm trăm năm trở về sau gọi là thời kỳ tượng pháp, cách Phật khá xa, kinh pháp lưu truyền rơi lạc rất nhiều, nhưng cũng có không ít người tu hành thành tựu. Thời kỳ thứ ba, là tiếp theo hết một ngàn năm của thời tượng pháp, về sau là thời mạt pháp. Thời kỳ này cách Phật khá xa, người tu học dần dần không đúng chánh Pháp. Không biết số người tu các pháp môn khác thành tựu được bao nhiêu, riêng người tu pháp môn Tịnh độ niệm Phật cầu về cõi nước đức Phật A-Di-Đà thành tựu rất nhiều. Cho nên chúng ta thấy được thời vận của Phật pháp cũng theo luật tuần hoàn thành trụ hoại không. Vì vậy nên A-nan nói: “Dần suy hao và hủy diệt”. Nay chúng ta thấy rõ ràng. “Ôi thật xót thương”, nỗi đau xót khi Phật pháp bị suy vi, thật bất hạnh cho chúng sanh bị những thống khổ, mà không có pháp cứu độ.

Phật pháp là ngọn đèn sáng soi đường cho chúng sanh ra khỏi đêm dài vô minh đau khổ, giúp nhận biết được giá trị hạnh phúc chân thật. Phật pháp suy tàn, chúng sanh bị khổ nạn, si mê, lầm lạc, thì biết nương tựa vào đâu? A-nan thấy vậy, đại diện cho tất cả chúng sanh thỉnh cầu Phật trụ thế. Thiết tha thương tất cả chúng sanh đời sau, nguyện xin Thế Tôn đừng vào Niết-bàn. Niết bàn là tiếng Ấn Độ, ý là “viên tịch” là công

đức đã thành tựu viên mãn, thanh tịnh, tịch diệt. Ở chỗ này nói việc Thế tôn thị hiện vào đời, rồi thị hiện nhập diệt. Phật, Bồ tát, các vị Thánh Tăng là những bậc đạo đức mô phạm, xứng đáng là bậc thầy của trời người là ruộng phước điền cho tất cả chúng sanh. Vì vậy chúng ta phải thỉnh các Ngài trụ mãi ở thế gian này để giáo hóa cho tất cả chúng sanh, giúp họ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui.

Đoạn tiếp theo A-nan nói 26 bài kệ. Theo kinh Phật, có nhiều thể loại khác nhau, nay giới thiệu sơ lược để quý vị rõ. Theo trong văn tự ghi chép kinh Phật, chia ra làm mười hai loại, thường gọi là mười hai phần giáo, hoặc là mười hai bộ kinh. Trong kinh thường dùng ba thể loại văn để ghi chép: văn trường hàng, kệ tụng và mật chú.

- Thứ nhất: Trường hàng thuộc thể văn, nghĩa lý như thiên mã lướt trên không, như âm thanh cao vút chứa đầy ý nghĩa vô tận.

- Thứ hai: Kệ tụng có nhiều loại như tứ ngôn, ngũ ngôn, thất ngôn v.v... , cú pháp của nó rất chặt chẽ, bốn câu là một khổ, có thể dùng vào những ca khúc, âm nhạc v.v... Riêng các bài kệ trong bản kinh này, viết theo thể ngũ ngôn, tổng cộng hai mươi bốn bài. Trong kinh thường dùng thể văn trường hàng, sau đó đúc kết lại thành nhiều bài kệ tụng hoặc những câu mật chú. Kệ tụng vừa tiện, lại dễ thuộc, khi tu tập mà thể nhập được ý nghĩa sâu xa thì sẽ cảm nhận được sự hoan hỷ tiềm ẩn trong đó. Đức

Phật và các bậc tổ sư thương xót và hy sinh vì sự nghiệp giáo dục cho tất cả chúng sanh.

- Thứ ba: Mật chú. Ở bản kinh này không có, nhưng chúng ta thường gặp các bài thần chú như Đại Bi chú, Vãng Sanh chú, Bạch Y Thần chú, sáu chữ Đại Minh chú v.v... Nói chung thì thần chú là những ngữ âm thời cổ. Ít có ai giải thích hay phiên dịch ý nghĩa của nó, bởi trong mật chú hàm nghĩa bao trùm cả lục đạo, thường người trì tụng mật chú phải thành tâm thì có kết quả. Ở Trung Quốc nhiều người tụng câu chú “Án, ma ni bát mê hồng”. Đại sư Chương Gia giải thích rằng: Án nghĩa là nói về thân, Ma Ni nghĩa là Hoa Sen, Bát Mê nghĩa là bảo trì là nắm giữ. Hồng nghĩa là tâm ý. Nói tóm lại giữ thân khẩu ý của mình cho tinh khiết giống như hoa sen. Vậy chúng ta biết ngôn ngữ thần chú hàm chứa vô lượng trí tuệ. Như vậy, kinh được ghi chép lại ba loại văn, đó là trường hàng, kệ tụng và mật chú. A-nan nói 26 câu kệ. Tôi phân ra thành bảy đoạn.

Đoạn kệ thứ nhất, bài kệ đầu có ba câu là A-nan thỉnh Phật trụ thế.

Đoạn kệ thứ hai có ba câu là đọc lại những trọng tội do nghi ngờ mà sanh tâm hủy báng.

Đoạn kệ thứ ba có bốn câu là tụng và nói về quả báo sai khác của từng loại tội.

Đoạn kệ thứ tư là nói về kết quả của sự hành trì năm giới.

Đoạn kệ thứ năm có ba câu nói về những tội do nghi ngờ và bị quả báo khổ.

Đoạn kệ thứ sáu có bốn câu là nói về quả báo và những việc làm mê tín ở thế gian.

Đoạn kệ thứ bảy có năm câu là tóm thâu công đức lớn rộng của Phật, khuyên mọi người gieo trồng nhân lành. Quý vị xem từng đoạn chúng tôi sẽ giải thích rõ ràng.

Kinh văn Phật là bậc bảo hộ tam giới, ân đức, lòng đại bi rộng lớn, nguyện vì tất cả chúng sanh không vào Niết bàn.

Giải: Đoạn này A-nan thương tất cả chúng sanh ở đời sau, nên thỉnh cầu Phật trụ thế. Chúng ta thấy trong mười đại nguyện của Ngài Phổ Hiền bồ tát, nguyện thứ bảy là “thỉnh Phật trụ thế”, bởi vì thỉnh Phật trụ thế là bốn nguyện và trách nhiệm của người Phật tử.

Tôn giả A-nan, với tâm nguyện hành Bồ tát đạo, nên Ngài thưa thỉnh những lời rất thực tiễn. Hai câu đầu là nói rõ lý do ngài thỉnh Phật ở đời. Phật là bậc tôn quý cả ba cõi là vị thầy giác ngộ, mô phạm, có năng lực hộ trì làm tiêu trừ các chướng nạn của chúng sanh trong ba cõi sáu đường, là chỗ nương tựa vững chắc cho muôn loài. Cho nên nói “Ân đức và lòng từ bi rộng lớn”. Ân đức và lòng từ bi của Phật đối với chín cõi giới chúng sanh rộng lớn vô biên không thể nói hết được.

Hai câu sau là A-nan cầu Phật thương xót chúng

sanh ở trong tam giới, do mê muội nên bị trầm luân trong vòng sanh tử, thọ rất nhiều nỗi thống khổ. A-nan không thể cứu hết, Ngài thiết tha nguyện cầu Phật trụ mãi ở thế gian này để làm lợi ích cho vạn loài chúng sanh .

Kinh văn

Người gặp pháp thì ít,

Thật giả không phân biệt

Dau xót người không biết.

Tội sâu là như vậy.

Giảng Đoạn kệ này A-nan trách chúng sanh có ý thương xót họ. Vì muốn họ sớm cải đổi những lỗi lầm nơi chính mình. “Người gặp pháp rất ít”. Ở đây nói Phật pháp khó nghe, chúng sanh tội chướng sâu dày, cơ duyên gặp Phật nghe pháp rất hiếm, vì sao vậy ? Vì **“thật giả không phân biệt”**.

Kinh Lăng Nghiêm, quyển thứ sáu nói: “*Thời mạt pháp, tà sư nói pháp nhiều như cát sông Hằng. Quyển thứ chín nói, thời mạt pháp, ma trà trộn vào trong pháp của ta, xuất gia tu đạo ... làm vẻ chân thật tu hành, có những người không biết được chánh tà, nên cuối cùng làm quyến thuộc của ma*”. Đọc qua đoạn kinh này, chúng ta thấy thời nay người có chánh tri chánh kiến rất ít, điều cần yếu là mỗi người phải dựa vào giới luật để tu tập thì mới thành tựu được định lực, phát sanh trí tuệ. Khi ấy mới nhận chân mọi sự việc sáng suốt. Người muốn an lạc giải thoát thì phải biết buông bỏ, không cố

chấp, chuyên tâm hành trì giới luật phát nguyện niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh độ. Những người như thế mới đúng là những bậc thượng căn, thượng trí, nhất định không đi lầm đường lạc lối. Nhưng quý vị xem có bao nhiêu người làm được việc này ?

Đoạn kinh này ví dụ cho tâm mờ tối, không nhận thức và phân biệt đâu là chánh pháp, đâu là tà pháp.

Hai câu sau, A-nan thấy chúng sanh điên đảo mê lầm, lòng vô cùng xót thương bởi do tội chướng sâu dày. Tự họ tạo ra các chướng ngại làm mất các nhân duyên thù thắng. Dù chư Phật và các bậc Bồ tát thị hiện ở thế gian này, nhưng những người như thế cũng khó gặp, hoặc có gặp nhưng nghe Phật giảng nói cũng không chịu tin nhận. Có một số người làm theo tà thần, tà pháp mà là Phật pháp. Phật ma lẫn lộn không biết phân biệt, thật đáng thương xót! Vì sao họ không nhận thức được? Bởi vì các tội chướng ở đời quá khứ quá sâu nặng, nên sanh ra đời này có sự nhìn nhận và hành động sai lạc là vậy. Quý vị xem tiếp đoạn kệ thứ hai, nói về người hoằng dương Phật pháp quá ít, cho nên Phật pháp lần lần suy diệt .

Kinh văn

Người đủ duyên gặp pháp

Từ một đến hai người

Kinh pháp dần suy diệt

Biết nương tựa vào đâu?

Giảng: Đoạn kệ này nói người gặp Phật quá ít, cho nên Phật pháp dần dần suy diệt.

Khổng Tử nói: “Người hoằng truyền đạo, pháp chẳng phải đạo hoằng truyền người”.

Như thế nào làm cho đạo không suy diệt? “Người đủ duyên gặp pháp từ một đến hai người”. Câu này nói người có túc duyên phước đức mới gặp được Phật pháp, Thực tế mà nói, số người đến với Phật pháp không quá một phần hai vạn người. Nếu người không có túc duyên phước đức thì cả cuộc đời họ cũng không nghe được hai chữ “Phật pháp”. Phật nói: “Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”. Còn chúng ta hôm nay được thân người, nghe Phật pháp, nếu tu hành không có kết quả, thật đáng chửi tiếu lắm sao?

Điều chủ yếu là không cầu ở người, thì chúng ta truyền đạo, họ mới tin nhận. Nếu ở đâu cũng cầu cạnh người khác, thì không những họ không tin nhận mà trái lại làm cho họ nghi ngờ và huỷ báng, tội đó rất nặng. Cho nên làm đệ tử Phật trong đời sống sanh hoạt cần phải đạm bạc, khiêm tốn. Tất cả vì lợi lạc cho muôn loài chúng sanh. “Kinh pháp suy diệt, biết dựa vào đâu?” Phật tử nếu không hoằng dương chánh pháp thì chánh pháp dần đi đến hủy diệt. Phật pháp hủy diệt rồi thì trách nhiệm rất lớn đó thuộc về Phật tử chúng ta. Phật pháp khi đã biến chất thì bị phế bỏ, đi đến hủy diệt, dù có truyền thì cũng không người học tập. Cơ duyên giải thoát của chúng sanh đã mất. Người sau này

biết nương dựa vào chỗ nào để giải thoát ? Giống như trẻ thơ mất cha mẹ, nỗi đau khổ đó biết thế nào nói hết!

Vì lý do đó, A-nan tỉnh Phật ở đời. Nay chúng ta cách Phật khá xa, điều may mắn là gặp được những bậc thiện tri thức, bậc minh sư, những vị có đạo đức. Bản thân tôi cũng như A-nan, thiết tha cầu cho tôi sống mãi ở cõi đời này để làm lợi ích cho trời người, mới không cô phụ ơn chỉ dạy của Phật và A-nan.

Đoạn kế tiếp nói rằng, đối với Phật pháp mà nghi ngờ không tin, rồi sinh tâm huỷ báng, cản trở người khác theo học Phật pháp, làm cho họ mất tín tâm, không còn cơ duyên để phá mê khai ngộ, lừa khổ được vui, cuối cùng những người phá hoại như thế bị quả báo rất nặng.

Kinh văn

Ơn Phật rất là lớn

Tội nghiệp chúng sanh tạo

Trống pháp vang tam thiên

Tại sao không nghe được?

Giảng Đoạn này nói, Phật giảng pháp nhưng họ không chịu nghe. Câu đầu nói Phật thuyết pháp độ sanh, ân đức rất lớn, nếu không giảng nói pháp cho chúng sanh thì không có ân đức. Nhưng thật đáng tiếc, chúng sanh nghiệp dày chướng nặng, đủ thứ vọng tưởng chấp trước, nên tự mình trói buộc, làm hố ngăn cách giữa mình và các bậc Thánh. Kinh Lăng Nghiêm nói : “Nhận bọ nổi mà quên biển lớn”.

Câu thứ hai nói mười phương ba đời các đức Phật và Bồ tát không lúc nào mà không nói pháp. Pháp âm vang vọng như trống giục, khắp cả tam thiên đại thiên thế giới nhưng chúng sanh bị nghiệp chướng che mờ bản tánh, nên không nghe được. Như nước yên thì trăng hiện, nếu nước dấy động thì làm sao thấy trăng hiện. Tâm chúng sanh cũng thế, nếu không vọng tưởng thì lắng trong như nước, khi ấy mới có khả năng tiếp nhận pháp âm của Phật. Còn tâm xao động như sóng thì không thể nghe được lời pháp Phật. Vào đời nhà Tùy, đại sư Trí Giả ở núi Thiên Thai một hôm nhập định thấy nghe Phật đang nói kinh Pháp hoa ở trên núi Linh Sơn. Đây là một việc bất khả tư nghì.

Kinh văn

Đời trước nhiều người ác

Điên đảo tự đọa lạc

Siểm nịnh chê bậc Thánh

Tà mị mất chánh kiến

Giải: Đoạn này nói người làm ác bị đọa lạc, do tạo ra vô số tội lỗi chê bai hủy báng Phật pháp. “Đời trước” là nói năm thứ trước ở thế gian gồm: kiến trước, kiếp trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước. Chúng sanh ở vào thời này phần nhiều gây tạo mười nghiệp ác thì nhất định sẽ bị đọa lạc. Kinh nói: “điên đảo tự đọa lạc”. Phần đông chúng sanh tâm tưởng điên đảo mê hoặc do bị các thứ danh văn lợi dưỡng làm che mờ tâm trí. Trong tâm chứa rất nhiều chủng tử xấu

ác, khi gặp ác duyên bên ngoài thì phát khởi lên ý tưởng xấu ác, phát ra hành động, giống như dòng thác chảy không làm chủ tâm ý, nên tạo vô số tội nghiệp càng ngày càng đọa sâu vào địa ngục. “Siểm nịnh” là chỉ những hạng người trà trộn vào trong giáo pháp của Phật để phá hoại Phật pháp. Thực tế họ vì danh văn lợi dưỡng, ngụy tạo, giả làm những người tín tâm phụng sự Phật pháp để làm những việc tội lỗi như thế. “Chê bai bậc Thánh” “che” nghĩa là dùng những lời nói thô ác chê bai hủy báng, trong tâm ý khinh chê Phật pháp, chửi mắng Thánh hiền. Nhưng tâm Phật, Bồ tát và các bậc Thánh hiền luôn hiển hiện như mặt trời, mặt trăng, làm sao có thể hư tổn được? Người vô tri mê muội muốn dùng tà pháp làm những điều bất chánh để hủy diệt chánh pháp. Nhưng đã là chân lý, làm sao có thể hủy diệt được? Những việc làm phi nghĩa tà pháp của họ, sao có thể thắng được chánh pháp, chẳng qua chỉ một lúc làm mê hoặc mọi người mà thôi, cuối cùng những điều mình làm thì tự mình chịu. Thời mạt pháp, thường thấy những người tin theo và phụng hành tà sư, tà giáo rất nhiều và số người này càng nhiều so với những người tu học Phật pháp chân chánh. Nguyên nhân là do si mê, chứ không có gì khác! Thật đáng thương xót vậy!

Kinh văn

Đời không tin có Phật

Nói Phật chẳng phải đạo

Nói rằng chẳng phải người

Tự tạo nhiều tội ác.

Giảng Người tà kiến, không tin thế gian có Phật. Phật là bậc đại trí đại giác mà họ lại nói Phật pháp không phải là đạo giác ngộ. Khổng Tử nói: “Biết cho là biết, không biết cho là không biết, đó mới là biết”. Đối với giáo lý của đạo Phật, nếu không thâm nhập nghiên cứu, nói đạo Phật không phải là chân lý, đây là loại cuồng vọng.

Trong Thiên tông, Lục tổ Huệ Năng khai thị cho thiền sư Pháp Đạt rằng: “*Phật là giác, khai thị tri kiến để ngộ nhập vào giác, nếu nghe khai thị liền có thể ngộ nhập tức là giác tri kiến, tự tánh xưa nay liền được hiển lộ. Ông thận trọng chớ giải thích sai lầm ý kinh. Thấy Phật khai thị ngộ nhập tri kiến Phật không có quan hệ gì đến chúng ta. Là do không hiểu một cách rõ ràng, còn đi giảng giải thế này, thế kia, vô tình lại rơi vào tội hủy báng kinh, chê bai Phật. Đức Phật đầy đủ tri kiến, sao lại phải khai, Ông nay nên biết, nói khai tri kiến Phật, tức chỉ nơi tự tâm của ông vốn là Phật không có Phật nào khác*”. Do đây có thể biết, Phật pháp chính là nơi tự tánh, đó mới thật là chân pháp, là đại pháp. Như vậy sao lại không tin? Người không tin, dù họ là con người, nhưng thực tế họ quên mất cội gốc để rèn luyện nhân cách làm người. Nhà Nho lấy nhân, lễ, nghĩa, trí, tín để rèn luyện nhân cách. Phật pháp lấy năm giới, thập thiện giới để rèn luyện nhân cách. Nếu bỏ đi ngũ thường, phước trừ năm giới, không biết cho là biết, vọng tưởng cố chấp, phân biệt, có những tư tưởng tà kiến sai lầm, tạo ra những hành động hành vi lời nói tà ác, đây là cội gốc đại trọng

tội. “Tự tác” là nói tự mình gây tạo tội. “Trọng tội” là đọa vào ba đường ác chịu quả báo đau khổ cùng cực. Do đây có thể thấy được, mọi tội ác ở thế gian, nguyên nhân chính là từ nơi không tin Phật pháp mà ra.

Kinh văn

Mạng chung đọa địa ngục

Đao kiếm xẻ thân hình

Quỷ nuốt ăn chém giết

Chìm trong vạc dầu sôi

Giảng Đoạn này nói những khổ báo ở địa ngục, nghĩa là những người đã gây tạo những trọng tội như đã nói ở trên, sau khi chết nhất định đọa vào địa ngục Vô gián. Kinh Lăng Nghiêm nói rõ ràng về vấn đề này. Ba câu sau nói những cực hình vô cùng thống khổ trong địa ngục. Có núi đao rừng kiếm, ác quỷ, nguừ đầu, ngục tốt, dạ xoa tính tình hung ác ăn nuốt, phanh thây, kéo lưỡi nhận vào vạc dầu sôi v.v...

Dâm dật ôm cột đồng

Lửa lớn lại thiêu đốt

Hai câu này nói về quả báo tà dâm, khi chết, người ấy phải đọa vào địa ngục ôm giữ một cây trụ giống thân hình, do sức chiêu cảm, lửa rực cháy thiêu đốt nóng bức vô cùng, tội báo này do chứa chấp tập khí xấu ác ở trong tâm mà chiêu cảm ra.

Hủy báng bậc chân tu

Đọa vào ngục bạt thiết

Hai câu này nói về quả báo, chê bai hủy báng, bị đọa vào ngục phạt thiết (ngục kéo lưới). Người tội này khi sống không biết tốt xấu, thiện ác, gây tạo vô số tội nghiệp như ác khẩu, mắng chửi, nói thêu dệt v.v... Chúng ta rõ được nhân quả thiện ác, nhất định thấy tà phải xa, thấy chánh nên gần để học hỏi thân cận với các bậc hiền nhân, người tốt, với những bậc đạo đức để tăng trưởng điều thiện.

Kinh văn

Loạn tửu không lễ tiết

Mê hoặc mất nhân cách

Chết đọa vào địa ngục

Đồng sôi rót vào cổ

Giảng Đoạn này nói tội báo về uống rượu, những người cuồng loạn là do uống rượu, phóng dật, buông lung. Các bậc thánh nhân biết đây là cội gốc của mọi sự đau khổ, nên khuyên nhắc tất cả mọi người không được ăn thịt uống rượu, vì ăn thịt uống rượu làm cho tiêu mất hạt giống từ bi. Vì ăn thịt là gây tạo nhân sát sanh hiện tại, đời sau hậu quả không thể nói hết được. Các ngài khuyên mọi người nên ăn chay, để tăng trưởng từ tâm lại được sống lâu khỏe mạnh.

Kinh văn

Thường gặp mọi ách nạn

Đau khổ không kể hết

Nếu sinh lại làm người

Ở trong cảnh nghèo khó

Giảng Đoạn kệ này nói tóm lại quả báo của việc phá năm giới. Hai câu trước và hai câu sau nói những thống khổ trong tam đồ vô cùng tận, không nói hết được. Khi xong tội báo trong tam đồ thì sinh lại làm người. Do vì ác báo tập khí của họ chưa trừ hết, nên lại bị chiêu cảm sinh vào nhà hạ tiện bần cùng, sống rất khổ. Sự lý về luật nhân quả báo ứng theo như bóng với hình, thật đáng sợ. Chúng ta là người có duyên học Phật pháp, phải rõ lý, hiểu sự. Sau đó mới gặp “cát–tốt” tránh “xấu–hung”. Phần này giảng cho quý vị rõ việc phá giới và quả báo về sau. Tiếp theo nói rõ phước báo của việc thọ trì năm giới.

Kinh văn

Không sát được trường thọ

Không bịnh thường khoẻ mạnh

Giảng Hai câu này nói về quả báo thù thắng của việc không sát sanh. Chúng ta nên biết, tất cả các loại động vật sống trong vũ trụ này, loài nào có máu huyết thì nhất định có tri giác, có tri giác thì cùng chung một thể. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Như Lai thường nói, các pháp sinh ra, đều do tâm biến hiện. Tất cả nhân quả, thế giới vi trần nhân nơi tâm mà thành*”. Ngay cả các loài thực vật, cây cỏ, chiếc lá... cũng có sự sống riêng của nó, đều chung một thể tánh. Dù một mạng nhỏ, ta cũng không làm tổn hại, mới đúng thật là chân đại từ bi. Dùng tâm từ bi bình đẳng nuôi dưỡng vạn vật thì tự nhiên được quả báo trường thọ, khoẻ mạnh, không tật bịnh.

Là đệ tử Phật chúng ta không những không được sát sanh, mà còn phải tích cực ăn chay, phóng sanh. Đây là nói mình cùng với người làm những việc tốt và đầy lòng nhân ái, thương yêu tất cả muôn loài. Ngoài ra chúng ta phải hiểu và tập các phương pháp dưỡng sinh, dùng thức ăn phải hợp vệ sinh, nhằm bảo vệ sức khoẻ tốt cho cơ thể, đem đến sự an vui khoẻ mạnh và trường thọ. Chúng ta muốn khoẻ mạnh, không tật bệnh, sống lâu, thì phải nuôi dưỡng tâm từ bi, bình đẳng. Không sát sanh, giết hại, mà phải tích cực phóng sanh, ăn uống bằng thực vật trường chay.

Không dâm, sau giàu lớn

Tiền tài hằng đầy đủ.

Hai câu này nói về kết quả lành do không dâm dật. Người học đạo, thứ nhất là biết đủ, an bản lạc đạo, dùng trí huệ thanh tịnh của mình rộng thực hành hạnh bố thí; lấy tài sản bố thí thì được giàu lớn, dùng pháp thí thì được trí huệ lớn, vô úy thí thì được khoẻ mạnh và trường thọ. Trong giới luật có nói: “Đồ quý báu của người khác như tiền, vàng bạc, cho đến cây kim ngọn cỏ, người ta không cho thì không được lấy, ngay cả mọi vật của thường trụ, của công, của nhà nước, của nhân dân. Nếu cưỡng đoạt để lấy hoặc lén lấy, hoặc lừa dối để lấy v.v... đều là tội ăn trộm. Người xưa dạy rằng: “Người quân tử đạo đức, thì đời đời gặp điều lành, kẻ tiểu nhân ích kỷ thì luôn gặp những việc bị oan uổng, của kẻ tiểu nhân khác đưa đến”. Cho nên người trộm cắp thì bị quả báo trộm cắp, nghèo

thiếu. Người chuyên bố thí thì đời đời giàu sang không thiếu. Vậy tại sao con người thấy tài vật của người khác lại khởi tâm trộm cướp?

Kinh văn

Không dâm, tâm thanh tịnh

Thân tâm tỏa hương thơm

Ánh sáng thường sáng rõ

Trên thì được làm vua

Giải Đoạn này nói về quả báo thù thắng của việc không dâm dật. Hai câu đầu nói rõ người không dâm dật cảm được thân thể trong sạch tinh khiết, mùi thơm lan tỏa “Ánh sáng thường sáng rõ”. Ánh sáng ở đây nói về phong độ, sức khỏe, gọi là thần sắc tinh thần. “Sáng rõ” ý nói đầy đủ tư cách. Ở đây chúng ta hiểu rằng thần khí và sắc diện của họ, người khác không thể bằng được.

“Trên thì được làm vua”. Người này sanh ra làm vua ở thế gian, được mọi người tôn kính, luôn ở địa vị sang trọng. Đây là nói quả báo thù thắng của việc không dâm dật, được tăng trưởng phước đức, còn ở trong nhân đạo thì luôn luôn ở địa vị tôn kính. Trong kinh Phật nói: “Nếu thân đoạn trừ dâm dục, sẽ sanh về tầng trời thứ ba thuộc cõi trời dục giới tức là Trời Đâu Suất, Trời Tha Hóa Tự tại. Còn tâm đoạn trừ dâm dục thì sẽ sanh về cõi Trời Sắc Giới, Vô Sắc Giới, Tứ Thiên, Tứ Không Thiên, lại có thể được quả báo thù thắng làm Tứ Thiên Vương.

“Chí thành không hư dối

Được mọi người kính vâng”

Hai câu này nói về kết quả tốt đẹp của việc không nói dối. Phật là bậc Đại giác, là bậc thầy trong ba cõi, chúng sanh ở cõi trời và người đều kính trọng. Chúng ta học Phật, điều quan trọng là phải có tâm thành tín, tâm chí thành. Mới thâm nhập Phật đạo được. Đây là một điều vô cùng quan trọng. Cho nên người sơ cơ học Phật, điều đầu tiên là bắt đầu từ lòng thành tín, trước phải tu sửa tâm cho chân thật, việc làm phải quang minh chánh đại, dù việc nhỏ cũng không dối gạt người, trong lòng mới thường đầy đủ pháp hỷ, vui vẻ. Lòng chân thành thì nhất định được mọi người ủng hộ, khi mọi người kính thuận phụng sự thì không việc gì không thành công. Là Phật tử muốn tiếp nối Phật độ sanh, trước cần phải tu sửa cho tâm thành tín.

Không say, được sáng suốt

Đức trí được tôn kính.

Hai câu này nói quả thiện do không uống rượu. Đệ tử Phật “luôn nguyện được trí tuệ sáng suốt” chính là không uống rượu, giữ thân tâm cho được thanh tịnh. Định huệ được tròn đầy, sáng suốt, từ đây mới hóa độ được tất cả chúng sanh. Người có đạo đức, có trí tuệ, thì luôn được mọi người tôn kính.

Kinh văn

Được đầy đủ năm phước

Đồng với trời và người

Đời đời vô lượng phước

Chân đế rất rõ ràng.

Giải Trong kinh này nói năm phước là :

- Trường thọ
- Đại phú
- Thanh tịnh (không ưu sầu lo lắng).
- Mọi người phụng sự quý kính.
- Đạo đức và trí tuệ.

Trong năm phước này, bốn phước trước thuộc về quả, phước thứ năm nói về đạo đức và trí tuệ. Người tạo phước gieo nhân tốt thì được quả tốt. Cho nên phước và tuệ càng ngày càng tăng trưởng, hơn cả phước thế gian, ngang phước cõi trời.

Phật pháp tu tập các giới thiện, làm tăng trưởng phước đức, như tu tập năm giới thì tạo ra phước đức ở thế gian; tu thập thiện là nhân phước của chư thiên ở cõi trời. Đó là nhân tu thiện giới, nhất định được quả trí tuệ.

“Đời đời vô lượng phước”.

Đây là nói tu tập nhân lành thì được quả lành, đời đời phước đức vô lượng vô biên. “Chân đế” chỉ cho năm giới, nghiêm trì giới luật vì giới là nhân, phước là quả, phân minh rõ ràng.

Đoạn kệ tiếp theo nói người ngu làm ác, không tin nhân quả tội phước, nghi ngờ lời dạy của Thánh hiền, để phải sinh ra các chướng ngại, gọi đó là đệ nhất căn bản phiền não.

Kinh văn

Mạt pháp nhiều người ác

Không tin, lắm nghi ngờ

Ngu si không biết đạo

Hôn mê, tội càng sâu

Giải Đoạn kệ này, nói về thời kỳ mạt pháp, chúng sanh gây tạo nhiều ác nghiệp. Phật, Bồ tát giảng dạy lý nhân quả về chân đế rõ ràng, lại còn hồ nghi không tin. Thực ra người ở thế gian mê lầm tạo mười điều ác, không tin lời Phật, không chịu học Phật. Nhưng đối với người thế gian chưa hiểu đạo, về tình có thể thông cảm tha thứ được. Còn về lý, là đệ tử Phật hoặc tại gia hay xuất gia mà không tin nhân quả, lừa dối mọi người, phá hoại làm tiêu diệt Phật pháp, đây mới thật là người đại ác trong số người ác, nên bị đọa lạc. Người tại gia không tin năm giới cấm Phật còn hồ nghi đạo lý quả báo ứng, trong lòng xảo trá, lại muốn cầu giàu sang, sống lâu, đâu có biết có được miếng ăn, miếng uống đều có do tiền định, thật là uống công dùng tâm để tìm kiếm. Còn người xuất gia, không tin năng lực gia hộ của hộ pháp Vi Đà, hoài nghi những lời giáo huấn của đức Phật, không để tâm ở nơi đạo, tham cầu lợi dưỡng, làm

sao có thể thành tựu được? “Ngu si không biết đạo” - ngu si là không có trí tuệ, bị mê hoặc hoặc điên đảo không giác ngộ. Người ngu si không phân biệt rõ ràng về đạo lý nhân quả, thật giả, thị phi thiện ác, lợi hại dùng tâm giả dối, xảo trá để làm việc, tội càng nặng thêm đường đi càng ngày đi vào đường tội lỗi.

Kinh văn

Hại Thánh hủy chánh giác

Chết vào đại địa ngục

Thần thức vào trong ấy

Đầu đội bánh xe lửa

Giảng Đoạn kệ này, nói về những người độc ác, phá hoại người hoằng dương Phật pháp làm chướng ngại người tu học, sẽ bị chiêu cảm quả báo rất nặng, không luận là hàng tại gia hay xuất gia. Chúng ta là đệ tử Phật, thời thời phải luôn phản tỉnh lại chính mình, xem từ hành vi đến tâm ý đúng hay không? Có làm gì trái với lương tâm hay không? Nếu có, thì tự mình hủy diệt tri kiến sẵn ở nơi chính mình. Đây là điểm then chốt của người tu hành. Những người làm chướng ngại ngăn che những lời của Thánh nhân chỉ dạy, làm hủy diệt giáo pháp và sự giác ngộ, đoạn dứt pháp thân huệ mạng của họ. Đây là tội lỗi cực ác, đời đời chịu quả báo ở địa ngục Vô gián. “Chết đọa vào ngục sắt, thần thức ở trong đó, đầu đội bánh xe lửa”. Thần thức của họ đọa vào địa ngục. “Thần thức” thế gian gọi là linh hồn. Trên

đầu tội nhân đội một bánh xe lửa bằng sắt rất lớn, lửa luôn đốt cháy. Đây là chiêu cảm quả báo đối với họ. Phật tử chúng ta nên biết, xác thân này là huyễn hóa, vô thường, sao lại phải đắm luyến tham cầu ngũ dục, chạy theo lục trần, rồi tạo ra vô số tội nghiệp, để bị chiêu cảm quả báo đau khổ trong ba đường ác vô lượng vô biên không ngày ra khỏi ?. Người trí thì không bao giờ gây tạo tội nghiệp. Đức Phật thường dạy đệ tử “thiểu dục tri túc”, làm việc thiện, siêng năng bố thí tu tập giải thoát giác ngộ là quan trọng, tận tâm tận lực hoằng dương Phật pháp, làm lợi ích chúng sanh, không nghĩ đến việc tư dục làm chướng ngại thánh giáo. Như vậy mới tránh khỏi trọng tội ác báo ở địa ngục. Quý vị xem đoạn kệ tiếp theo nói về những thống khổ ở địa ngục.

Kinh văn

Câu chết không được chết

Chốc lát đã thay hình

Gương giáo cùng đâm xẻ

Thân thể thành từng mảnh

Giảng Câu thứ nhất nói, khi chết đọa vào địa ngục vô gián, chịu rất nhiều cực hình ở trong địa ngục. Câu thứ hai nói về thân thể trong địa ngục Vô gián. Câu thứ ba nói thọ khổ trong địa ngục Vô gián. Câu cuối cùng nói, thời gian bị hành hình ở trong địa ngục Vô gián. Trong bốn câu kệ này diễn tả những cảnh khổ ở trong địa ngục. Nếu các vị muốn biết rõ ràng nhân quả báo

ứng ở địa ngục, thì tham khảo trong bốn kinh Địa Tạng hoặc kinh Lăng Nghiêm, đều có giảng nói những điều này rất rõ ràng. Đoạn kệ tiếp theo nói những ác báo về những việc làm mê tín ở thế gia, người Phật tử phải biết vấn đề này.

Kinh văn

Tại sao đời như thế

Bỏ chánh tín quỷ thần

Giải nạn thích đoán quẻ

Tế tự hại bất nhân.

Giảng Hàng đầu bài kệ nói nguyên nhân làm các việc ác ở thế gian. “Tại sao” tôn giả A-nan thốt lên lời than vãn. “Tại sao người thế gian phải làm những việc như thế?” Chúng sanh làm những việc trái với chánh giác, tà tri, tà kiến, lại còn làm những chuyện mê tín, tin vào quỷ thần. Đức Phật có giảng nói cho chúng ta rõ về các loại quỷ thần như: Tứ Thiên Vương cùng với các loại quỷ thần ở trong tam ác đạo, những loại này chưa ra khỏi luân hồi lục đạo, thấy biết chưa chân chánh, năng lực còn có hạn, kiến giải phần nhiều sai lầm. Chúng ta có thể cung kính nhưng không tin theo. Khổng Tử nói: “Quỷ thần thì kính nhưng nên xa”.

Do vậy người đệ tử Phật đối với thần, thì nên học theo cách ứng xử như cư sĩ Chu An, phát tâm từ bi để hóa độ họ. Hai câu kệ sau nói về những tập tục mê tín còn trong nhân gian. “Giải nạn” là nói những người tự

mình gây tạo tội nghiệp, rồi đến cầu thần giải cứu cho họ được thoát nạn. Họ đâu có biết quỷ thần không giải cứu những người gây tạo tội ác. Nếu như họ không chịu sám hối, không chịu tu sửa rốt ráo, thì những việc họ cầu quỷ thần không có ích lợi gì cả. Phật nói: “Khi tạo tội, biết thức tỉnh, biết ăn năn sám hối, đến lúc tâm thanh tịnh thì tội sẽ tiêu”. Cho nên sám hối là một phương pháp tu học vô cùng trọng yếu, vì sám hối giúp người ta thức tỉnh, về sau không còn gây tạo tội nghiệp nữa.

Khổng Tử nói: “Người biết cải lỗi, đáng thật là bậc trượng phu”. Chúng ta có lỗi, biết ăn năn cải đổi mới làm tiêu trừ các hoạn nạn, tránh các phiền não khổ đau. Lạy cầu quỷ thần, rồi dựa vào đó để gây tạo tội nghiệp, không chịu thức tỉnh ăn năn sám hối, coi việc bốc xăm xem quẻ, cầu thần tránh họa là chính, không phân biệt được họa phước, đây hoàn toàn là những việc làm mê tín. Nếu như các tai họa có thể nương vào quỷ thần mà trừ hết, làm cho tăng trưởng phước đức thì những luật nhân quả nghiệp báo thế gian và xuất thế gian, đức Phật không cần phải giảng nói. “Tế tự hại bất nhân” là nói đến việc cúng tế quỷ thần, bằng cách sát hại những sanh vật để cúng bái, dâng hiến cho các loại tà thần, làm đổ máu hại mạng biết bao chúng sanh, như vậy đã gây tạo cái nhân đại cực ác rồi, làm sao trông mong báo ứng điều tốt lành được? Khi bản thân và gia đình mình làm việc đại tội đó, mà những quỷ thần tiếp nhận đồ dâng cúng đó, tội lỗi cũng giống như người cúng cho họ vậy. Vì quỷ thần ăn thịt uống máu, làm hại

biết bao sinh mạng, nên phần nhiều đọa vào địa ngục. Sự lý như vậy, chúng ta cần hiểu rõ vấn đề này, không nên làm những việc như trên.

“Bất nhân” là nói những người không có tâm từ bi.

Kinh văn

Chết đọa mười tám ngục

Trải qua ngục tối tám

Tám nạn là khổ nhất

Khó được làm thân người.

Giảng Đoạn này nói về những người làm các việc mê tín ở thế gian, tạo ra vô số nghiệp ác, đến lúc mạng chung chiêu cảm vào địa ngục, chịu vô lượng khổ báo, hết địa ngục này đến địa ngục khác, trải qua tất cả “mười tám ngục” các loại như: ngục núi đao, ngục cát bay, ngục phần ướ, ngục băng đóng, ngục sắt, ngục đồng sôi v.v... Đều là những biểu hiện thân khẩu ý không chân chánh nên bị chiêu cảm vào, tùy theo mức độ nặng nhẹ, nếu tội nặng nhất định vào ngục Vô gián. Trong ngục Vô gián có đại địa ngục bát tràng, bát nhiệt, rồi trải qua các ngục tối tám không có ánh sáng, bị các đao bén, kim đâm xẻ vào thân, chịu trăm ngàn các loại hành hình chết đi sống lại, nổi thống khổ không thể kể hết được, đó là những hình phạt ở địa ngục. “Bát nạn là khổ nhất”. Đoạn này, ở trước tôi cũng giảng qua rồi, nói về cảnh tam đồ bát nạn rất khổ. Còn riêng ý đoạn này nói người không nghe được Phật pháp, gặp những

chướng ngại, khiến cho họ không có cơ duyên tốt để phá mê khai ngộ, lia khổ được vui, trong bát nạn mỗi nạn có sự khác nhau, có nạn khiến chúng sanh không gặp được Phật pháp. Do vậy những thấy biết của họ luôn sai lạc, làm mất đi cơ hội giải thoát, khiến họ đọa vào ba đường ác, muôn ngàn kiếp khó có ra khỏi. Cho nên được làm người là quý, có cơ duyên tốt, gặp được Phật pháp, thì trong một đời hãy quyết tâm tinh tấn tu tập giải thoát. Có cơ hội tốt như vậy mà không giải thoát giác ngộ được thì thân người có quý hay không? Phật nói: “Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”. Nay được thân người, sao không quý tiếc như trân bảo?

Kinh văn

Hoặc lúc được làm người

Ngang cuồng không nghĩa lý

Đần độn thân thiếu khuyết

Giảng Đoạn này nói đến những tội nhân bị vào địa ngục, thọ đủ tội báo trong địa ngục. Mãn tội địa ngục lại chuyển sinh lại làm người, tuy được thân người, nhưng chủng tử tập khí xấu ác còn nhiều, nên thường gặp rất nhiều tai ương hoạn nạn. Phật nói: “Tất cả chúng sanh trong ba cõi sáu đường, trong tâm chứa các chủng tử thiện-ác. Khi đi đầu thai, tùy theo chủng tử đó mạnh hay yếu mà đi đầu thai. Nếu người chứa nhóm chủng tử ác nhiều, phải đi theo đường ác, người chứa chủng tử thiện nhiều sẽ đi theo cõi thiện”.

Như vậy, trong một ngày chúng ta tự hỏi mình, niệm bao nhiêu câu Phật, Bồ tát? Bao nhiêu niệm chúng sanh? Bao nhiêu niệm để lợi nước lợi dân? Bao nhiêu niệm thị phi? Bao nhiêu niệm tham sân? Niệm Phật nhiều hay niệm ác nhiều? Nếu một hơi ra mà không vào, không biết sẽ đi về đâu? Tất nhiên tùy theo tập khí và sức huân tập lúc còn sống mà đi. Vậy chúng ta hãy thận trọng!

Hai câu kệ trước nói, tuy được làm người, nhưng đầu thai và sanh vào các vùng văn hóa thấp kém, lạc hậu. Những nơi đó thuộc vùng biên địa, không phát triển, con người không có cơ hội tốt để hấp thụ sự giáo dục, nên không rõ được đạo lý làm người. Câu thứ tư nói, tội báo tai nạn “Ngu si thân thiếu khuyết”: ngu si thân hình lại khiếm khuyết, sinh ra làm người lại bị tàn tật, chuyên làm các việc bất nhân, không có nhân nghĩa lễ tiết. Một chân tàn phế gọi là thọt chân, chân bị tàn phế gọi là què, không nói được gọi là câm, nghĩa là người mê muội, ngu ngốc, mê mớ, không thông đạt về lý sự. Người này do tư tưởng mê hoặc điên đảo, tạo vô số tội nghiệp rồi bị thọ báo, từ việc ác này đến việc ác khác, luôn câu móc với nhau, nhân ác thành quả ác, quả ác thành nhân ác. Cho nên phải biết ngu si là căn bản của phiền não, một trong ba món tam độc (tham, sân, si). Si là mê muội, mê muội nhất định làm tinh thần loạn cuồng. Người làm loạn, làm cuồng, nhất định họ không thích nói việc thiện, làm việc thiện, vì họ không biết điều hay điều tốt. Đạo lý mà họ không biết, không

hiểu thì làm sao khuyên họ làm thiện? Vì họ nhất cử nhất động chỉ lo tự tư tự lợi, cho nên thọ ác báo, rồi gây tạo nhân ác, như dây đan quán lại với nhau, như móc câu không gỡ ra được. Thật là đáng xót thương!

Phần trước giảng qua sáu đoạn kệ, do A-nan đọc lại. Trong số đó có bài, nói về những chúng sanh gây tạo các ác nghiệp ở thế gian, nên bị chiêu cảm các loại quả báo. Còn lại năm đoạn. Đoạn thứ nhất, nói rõ về nguyên nhân các việc ác do chúng sanh gây tạo ở thế gian. Đoạn thứ hai, nói rõ về các loại hành hình ở địa ngục, và đoạn thứ ba nói khi mãn quả báo ở địa ngục, chuyển làm thân người, do ác báo tập khí chưa hết, nên sinh ra sáu căn không đủ, hoặc sinh vào các vùng xa xôi biên địa, gặp vô số tai nạn. Đoạn thứ tư nói mãn quả báo địa ngục, sinh vào loài súc sanh, thọ nhận vô số sự thống khổ. Đoạn thứ năm tổng kết lại ba nạn.

Kinh văn

Vào các đường súc sanh

Mang hình loài cầm thú

Bị loài người xẻ thịt

Lột da cắt yết hầu

Đền trả nợ đời trước

Dùng thịt hoàn trả người

Giảng Đoạn kệ này nói về những người làm những việc điên đảo mê hoặc ở thế gian, chết đọa vào

địa ngục, do tích tập các nhân xấu ác, bị chiêu cảm vào các đường súc sanh. Đức Phật nói rõ những điều này trong tất cả kinh điển, người tham dục nhiều là nghiệp nhân của loài ngựa quỷ. Sân si tật đố, đấu tranh là nhân ở địa ngục. Ngu si không phân biệt được thiện ác thì phi tốt xấu là dư báo của loài súc sanh đời trước. Đúng vậy, những người làm các việc si mê ở thế gian chắc chắn sẽ bị quả báo làm loài súc sanh. Cho nên nói “loài người có nghiệp báo riêng, loài vật có nghiệp báo riêng”. Đúng như vậy! Điều thiện thì không gần với điều ác, điều ác thì không gần với điều thiện, chứa nhóm những tập khí ngu si mê muội thì tự nhiên ác báo sẽ chiêu cảm đến với các loài súc sanh.

“Hình cầm thú lục súc.”

Hai chữ “cầm thú” chỉ chung cho loài súc sanh. “Lục súc” là những loài gia súc được loài người nuôi dưỡng. Trong sách Tả truyện ghi có sáu loại lục súc là: trâu, dê, ngựa, chó, gà, heo. Nói chung là các loại được loài người nuôi dưỡng, cuối cùng đem xẻ thịt, lột da, hoặc dùng kéo xe, kéo cày rồi đem ra giết hại bằng đao gậy. Nguồn gốc nhân quả, oán cừu trả vay, vay trả là do đời trước mắc nợ, nay dùng thịt của mình để đền trả cho người. Cho nên nói đời nay ăn của người tám lạng, đời sau phải hoàn trả lại cho họ nửa cân. Chuyện này rõ ràng trước mắt, thật đáng thương xót!

Nói đến oán cừu báo trả, có người biết, có người lại không biết. Nếu như trong đời trước người nào gây

tạo duyên thiện nhiều thì nay gặp nhau, cảm thấy rất thân mật, gần gũi. Còn người nào đời trước gây tạo các duyên ác, và oán cừu thì nay gặp nhau, liền sinh ra chán ghét. Thực tế thì ai cũng gặp việc này. Không những con người gặp nhau sinh ra cảm mến, mà đôi khi đến một vùng nào đó, liền thấy như quê cũ của mình. Do đây đủ thấy lời Phật nói: “Nhân quả ba đời không sai một mảy may”. Người tạo nghiệp sát nhiều, nhân duyên hội tụ, sớm muộn gì cũng bị phanh thây, xẻ thịt. Khi trở quả rồi thì không trốn chạy đâu cho khỏi, có kêu trời, thần tiên gì đến cũng không cứu được. Hoặc có người do nghiệp sát sanh, đời nay đang sống bị người ta giết chết, nếu làm loài súc sanh thì bị rắn độc, chó sói, cọp ăn nuốt, hủy hoại, như người giết hại lương dân, bị quan chức chính quyền bắt giam vào lao ngục, bị xiềng xích, hoặc bị xử chết. Thật nhân quả không thể sai chạy chút nào. Người đời mê hoặc, vừa gặp hoạn nạn, lại oán trời trách người, mà không biết rõ nguồn gốc của sự việc, từ lớn đến nhỏ đều liên quan đến nhân quả.

Phật nói: “Muốn biết nhân đời trước, thì xem đời nay thọ quả gì ? Muốn biết quả vị lai, đời nay tạo nhân gì?”

Kinh văn

Vô đạo đọa ác đạo

Rất khó mong thoát khỏi

Thân người khó có được

Kinh Phật khó được nghe

Giảng Theo truyền thống văn hóa Trung Hoa, luân thường tám đức là cội gốc căn bản đạo đức làm người ở thế gian. Ở trong Phật pháp thì lấy năm giới, thập thiện giới, từ bi hỷ xả tứ vô lượng tâm, để rèn luyện nhân cách làm người, vì đây là nhân để đời sau làm lại thân người hoặc sanh về các cõi lành. Nếu đánh mất cội gốc đạo đức, thì người đó nhất định đọa vào ác đạo. Ác đạo là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đọa vào đây rồi khó có mong thời kỳ ra khỏi. Muốn thoát ra khỏi ác đạo, thật không phải chuyện dễ dàng chút nào. Đây còn gọi là đệ nhất nạn.

“Thân người khó được”.

Trong tất cả các kinh, đức Phật nói cho chúng ta: “Thân người khó được”, nghĩa là cơ hội mà thân thức khi thoát khỏi thân xác cũ, đầu thai lại làm thân mới là khó, phải trải qua thời gian rất lâu, đôi khi thân thức lang thang vô số kiếp. Điều này đức Phật nói rất rõ là được thân người không phải dễ. Chúng sanh trong lục đạo thì loài người là quý nhất, vì ở cõi này, loài người có duyên gặp Phật nghe pháp, tu hành nhanh thành tựu hơn các cõi khác. Còn chúng sanh ở cõi trời tuy tốt, nhưng do hưởng dục lạc quá nhiều, khó tiếp nhận được sự giáo dục của đức Phật nên mất đi những cơ hội tốt để phá mê khai ngộ. Vì vậy người đệ tử Phật, điều trọng yếu phải lấy việc tu tập giải thoát làm mục đích cho mình, không nên cầu sanh về cõi trời. Tiếp theo nói cảnh sống rất khổ ở trong ba đường ác. Người tích chứa

tập khí xấu ác, cố chấp quá nhiều, cũng không có khả năng tiếp nhận giáo pháp của đức Phật. Do đây chúng ta có thể thấy cuộc sống ở cõi người, có khổ có vui, nhưng phần lớn khổ nhiều vui ít, trái lại tu tập dễ dàng giác ngộ, giải thoát hơn ở các cõi khác. Cho nên nói, thân người khó được, thân người thật là đáng quý.

Nạn thứ hai: “Kinh Phật khó được nghe”. Kinh Phật là những lời đức Phật nói ra, chỉ dạy cho chúng ta khai mở trí tuệ là kim chỉ nam giúp chúng ta đạt đến con đường chí thiện. Nhưng cũng không dễ dàng gặp được kinh Phật, có số người cũng gặp, nhưng không phải là kinh Phật. Cũng có người gặp rồi, có học, đọc tụng, nhưng không hiểu lý. Nên họ không tin thì cũng giống như người không gặp; hoặc có thể tin hiểu, nhưng không y giáo phụng hành, không thường hằng tinh tấn hành trì, cũng đồng như không gặp. Cho nên đoạn kệ trên nói “Lần lần bị đào thải”, thành ra kinh Phật rất khó được nghe. Bài kệ khai kinh nói: “Trăm ngàn ức kiếp khó gặp được”. Câu này thật sự, không phải câu nói quá đáng. Nghe pháp cần phải ngộ nhập chân tướng của tất cả vạn pháp. Đây mới thật là nghe.

Kinh văn

Thế Tôn thầy muôn loài

Ba cõi đều mong ân

Rộng tưới cam lồ vị

Khiến mọi người phụng hành

Giảng Đoạn này tán thán ân đức, đức Thế Tôn. Ngài đã ban bố giáo pháp khắp nơi, khiến tất cả chúng sanh đều có chỗ nương tựa. Cho nên tất cả các loài hữu tình trong tam giới, lục đạo đều mang ơn. Nước “cam lồ” nói giáo pháp của Phật là phương tiện thiện xảo, vi diệu, giúp cho tất cả chúng sanh nghe xong liền thọ nhận, thân tâm thấm nhuần như nước Cam Lồ. Khiến họ tiêu trừ nóng nhiệt phiền não, được thanh lương tự tại, phước huệ tăng trưởng. Chúng sanh trong toàn pháp giới đều được cảm hóa và tin nhận phụng hành, cho nên gọi “ân triêm công đức” là vậy.

Kinh văn

Lành thay được trí tuệ

Mẫn thương cả chúng sanh

Khai thông con đường giác

Căn lành được thoát khổ

Giảng Đoạn này tán dương, khen ngợi quả lành đến với những người y vào giáo pháp để thực hành “được trí tuệ” tức là nói những người đã đoạn trừ phiền não được khai mở trí tuệ, minh tâm kiến tánh, công đức viên mãn, là bậc đại Bồ tát. Bồ tát tự mình đã chứng ngộ rốt ráo viên mãn, lại dùng tâm từ bi vô tận, “mẫn thương cả chúng sanh” thật thương tất cả chúng sanh. Tất nhiên các Ngài khai đường chỉ lối để chúng sanh thấy được đạo, thấy được con đường rộng lớn mà thoát khổ được vui, lập mọi phương tiện, cốt làm sao chúng

sanh đầy đủ niềm tin, tiếp nhận, phụng hành để giải thoát giác ngộ. “Căn lành được thoát khổ” là nói những người có căn lành sâu dày, đầy đủ trí tuệ, phước đức. Những người này khi nghe qua lời của Phật nói, liền giác ngộ giải thoát ra khỏi biển khổ sanh tử phiền não, đạt những điều lợi ích chân thật.

Kinh văn

Phước là do người tạo

Ngộ chân đế vô sinh

Trở về nương bậc giác

Gieo mầm giác vô sanh.

Giảng

Câu đầu tiên A-nan khuyên chúng ta phải nhận chân được vấn đề cầu phước báo, chúng ta đã được thân người, lại được nghe Phật pháp, thật là người rất có phước báo. Chúng ta làm việc gì phải có nhìn và định hướng thật rõ ràng. Theo pháp thế gian, Khổng Tử, Mạnh Tử là những vị thầy chỉ cho chúng ta nhìn và định hướng học theo luân thường tam đức. Trong Phật pháp, đức Phật Thích Ca, Phật A di đà, Bồ tát Quán Thế Âm, Phổ Hiền là những tấm gương, những vị thầy dạy chúng ta Về tứ hoằng thệ nguyện, tam quy y, tam đức, tam thân, lục độ, tịch chiếu là đường hướng giúp chúng ta tu hành. Cuộc sống của chúng ta phải có mục đích, sinh hoạt của chúng ta phải có phương hướng. “Ngộ chân đế bất sanh”. Chân đế có nghĩa là chân lý, cũng chính là

nhất chân pháp giới, là lý bất nhị. Thiên tông gọi là minh tâm kiến tánh, Tịnh độ tông gọi là nhất tâm bất loạn. Tất cả đều ngộ được chân đế vô sanh “Quay về nương bậc giác”. Đây nói về quy y nương tựa nơi đức Phật, vì Phật là ruộng phước điền đáng được chúng sanh nương tựa. Chúng ta nên biết, ruộng phước điền của Phật và Bồ tát “Gieo mầm giác vô sanh”. Chỉ có ruộng phước điền của Phật mới có thể giúp chúng ta được hạt giống bất sanh bất diệt, thường lạc ngã tịnh, thoát khỏi được vui.

Kinh văn

Ơn Phật không sánh được

Giúp đời chuyển xe pháp

Nguyện khiến tất cả người

Được thấm cam lồ vị

Giảng Câu kệ đầu tiên nói ân đức Thế Tôn đối với thế gian và xuất thế gian quá lớn. Không ai bằng Phật. Trong đời ác thế ngũ trược, chỉ có Phật mới có khả năng cứu độ các chúng muôn loài, thường chuyển bánh xe pháp. Phật đã ngộ được toàn bộ chân tướng vũ trụ nhân sinh nên Ngài không bị chi phối bởi hoàn cảnh và nghiệp lực. Cho nên nói: “Nguyện tất cả mọi người, được thấm cam lồ vị”. Đây là tỷ dụ quả vị vô thượng Bồ đề, thành tựu được tam thân tứ đức.

Kinh văn

Bát nhã đến bờ giác

Pháp ban khắp đại thiên

Bỉ ngã không có hai

Phát nguyện vô thượng giác.

Giảng “Bát nhã” là ví dụ cho con thuyền báu, cho trí tuệ trong Phật pháp. Có đầy đủ sức trọng tải đưa tất cả chúng sanh đến bờ giác, đạt đại Niết-bàn. Câu này nói nương vào giáo pháp để tự độ.

“Pháp ban khắp đại thiên” là nương vào giáo pháp để thực hành hạnh lợi tha. Chúng ta phải dùng con thuyền Phật pháp để chuyển tải tất cả chúng sanh trong đại thiên thế giới đồng lên bờ giác. Câu thứ ba nói ta và họ không có hai, tánh tướng nhất như, thật tướng bình đẳng là nhất chân pháp giới, là cảnh giới rốt ráo viên mãn.

“Phát nguyện vô thượng giác”. Câu này nói đến tứ hồng thệ nguyện.

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Nhà Nho nói “cách vật”.

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Nhà Nho gọi là “trí tri”.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Nhà Nho gọi là “thành ý” chánh tâm.

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Nhà Nho gọi là “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Nguyện cho tất cả quý vị đồng tu suy nghĩ kỹ càng rồi thực hành để được đồng viên chủng trí.

Kinh văn:

A-nan tụng kệ xong rồi, đại chúng trong hội liên sinh tín giải, đều phát nguyện cầu đạo vô thượng giác ngộ, đánh trống tinh tấn, chứng quả giác ngộ.

Giảng: Đoạn này nói A-nan sau khi tụng kệ xong rồi, trong hội chúng, đối trước đức Phật, phát khởi chánh tín, một lòng tin nhận, phát tâm cầu quả vị thượng chánh đẳng, chánh giác

Kinh văn

Xông tỏa tam thiên

Từ đây được độ

Khai mở giác ngộ

Độ cả chúng sanh

Giảng

Đoạn này nói tự độ, độ tha; hai câu trước nói tự độ. “Xông tỏa” chỉ cho năm phần pháp thân. Xông tỏa khắp tam thiên đại thiên thế giới, từ đây được độ, sau khi chúng ta giác ngộ lại phát tâm như Phật, quên mình vì người, rộng độ chúng sanh, vì tất cả chúng sanh khai thị cho họ giác ngộ chân chánh, làm cầu nối để độ, tăng thượng duyên.

Kinh văn: Quốc vương, thần dân, thiên long, quý thân, khi nghe kinh này rồi rất đổi vui mừng. Liên cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật và A-nan, một lòng phát nguyện tín tâm phụng hành rồi lui ra.

Giảng: Vua, quan, trời, rồng, quỷ thần đều là những thánh chúng nghe giảng ở trong pháp hội rất đông. Nghe Phật nói kinh và được A-nan đọc ra hai mươi sáu câu kệ, cả hội chúng vui mừng tiếp nhận lời Phật và A-nan chỉ dạy, “vui mừng” hôm nay có duyên gặp Phật nghe pháp, tránh khỏi khổ não đọa lạc trầm luân. Giáp đầu đảnh lễ dưới chân Phật cùng với A-nan”. Cảm ơn lời khai giáo của Phật, cảm động những lời khuyến tấn Ngài A-nan. “Thọ giáo lui ra” là tiếp nhận lời dạy mà thực hành. Đó mới không cô phụ ơn đức sâu dày của Thế tôn và A-nan đã kỳ vọng trông mong ở chúng ta.

Bốn kinh giảng đến đây đã hoàn toàn viên mãn.

